NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

NHƯ - PHONG **HỌ HỒ MƯỜI NĂM Ở MIEN BẮC** • DOHAMIDE *kỷ nguyên Hồi-giáo* • TRẦN-KIM - THẠCH *trầm tích học và dầu hỏa tại miền Nam* • NGUYỄN - THIẾU - NGUYÊN *một công cuộc nghiên cứu ngoại ngữ* • ĐÀO - QUANG-HUY *quan niệm về viện trợ hòa bình của Cộng-sản* • VŨ - HẠNH *cái hậu trong tác phẩm văn chương Việt-Nam* • VÕ - QUANG - YẾN *tia sáng laser* • TRẦN - ĐẠI — HỮU - PHƯƠNG — TẦN-HOÀI - DẠ - VŨ *thơ* • BÙI - HỒNG - CẦM *đời sống sinh viên ở Đại-học Tân-Tây-Lan* • NHÃ-CA *lạnh tuổi vàng* • HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG *vòng tay học trò* •

181

Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racée

Tonique

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"

EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"

DÉSORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S.A.F. DES DISTILLERIES DE L'I.C. DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat, en vérifiant que la capsule inviolable que comportent les bouteilles d'origine sous leur bouchon à vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi mua quý ngài nên để dặt kiểm soát lại nắp chì ngừa gian bọc ở miệng chai chánh gốc nằm phía trong nắp vặn đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 181 ngày 15-7-64

NHƯ - PHONG *họ Hồ mười năm ở miền Bắc* 5

DOHAMIDE *kỷ nguyên Hồi-giáo* 13

TRẦN - KIM - THẠCH *trầm-tích-học và dầu hỏa tại miền Nam* 19

NGUYỄN - THIẾU - NGUYÊN *một công cuộc nghiên-cứu ngoại-ngữ* 27

ĐÀO - QUANG - HUY *Quan niệm về viện trợ hòa bình của C.S.* 36

VŨ - HẠNH *cái Hậu trong tác phẩm Việt-Nam* 43

VÕ - QUANG - YẾN *Laser : cuộc cách mạng thứ nhì trong ngành điện tử học* 59

TRẦN - ĐẠI *buổi họp mặt — về một loài hoa (thơ)* 62

BÙI - HỒNG - CẦM *đời sống sinh viên đại học Tân-Tây-Lan* 63

HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò (truyện dài)* 73

HỮU - PHƯƠNG *đoản ca (thơ)* 86

TẦN - HOÀI - DẠ - VŨ *bài ca mùa hè — con tàu (thơ)* 87

NHÃ - CA *lạnh tuổi vàng (truyện ngắn)* 89

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

Vấn đề chính đảng	ĐOÀN-THÊM
Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc (giai đoạn 1958-1960 và giai đoạn kế tiếp)	NHƯ-PHONG
Trẻ em tập đi, một bài học dài 200 triệu năm của loài có xương sống	TRẦN-KIM-THẠCH
Nhạc Jazz	TRẦN-VĂN-KHÊ
Nhiễm-sắc-thể và di-truyền tính	VÕ-QUANG-YẾN
Hồi giáo	DOHAMIDE
Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp tại Việt-Nam	LÊ-DŨNG-DÂN
Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
Biện-chứng-pháp và thực-tại nhân-linh	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Những xu hướng mới trong âm nhạc	TÔN-THẤT-TIẾT
Vài kỉ-niệm về nhà văn Nhất-Linh	NGUIỄN-NGU-Í
Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-jénitsyne)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Tình yêu đất (truyện ngắn)	VÕ-HỒNG
Gió trên đồi (truyện ngắn)	TRÙNG-DƯƠNG
Trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
Quê nhà (truyện ngắn)	Y-UYÊN
Dấu nước mắt trên gối (truyện ngắn)	YÊN-HI-BA
Về bốn phương trời (truyện ngắn)	LÊ-TẤT-ĐIỀU
Vết thương dậy thì (truyện ngắn)	TÚY-HỒNG

NHƯ-PHONG LÊ-VĂN-TIẾN

Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc

Những ước mơ của người Cộng-sản

TRONG 10 năm qua, quá trình thực hiện chủ nghĩa cộng sản của đảng Lao-Động và chính phủ Hồ-Chí-Minh đã phân ra thành ba giai đoạn rõ rệt, giai đoạn sau nối tiếp những thực hiện của giai đoạn trước.

— Giai đoạn 1954-1957, đảng Lao Động gọi là giai đoạn « *lập lại hòa bình, khôi phục kinh tế* ». Trong giai đoạn này, đảng và chính phủ cộng-sản Hồ-Chí-Minh chuyển bộ máy chiến tranh từ nông thôn về thành thị, từ rừng núi xuống đồng bằng, để sửa đổi thành bộ máy cai trị thời bình. Mục tiêu của thời kỳ này là đặt vững chế độ độc tài gọi là « *vô sản* » bằng cách phát động đấu tranh giai cấp, tiến hành mạnh mẽ cải cách ruộng đất để tiêu diệt những người gọi là « địa chủ » và « phú nông » ở nông thôn, đồng thời bao vây và trấn áp những người gọi là « tư sản » ở thành thị.

— Giai đoạn 1958-1960, đảng Lao Động gọi là giai đoạn «*cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa* » theo một kế hoạch thời hạn ấn định là 3 năm. Mục tiêu của giai đoạn này là chuẩn bị những điều kiện về vật chất, về kỹ thuật và về tư tưởng, cần thiết cho việc kiến tạo một xã hội theo kiểu cộng-sản chủ-nghĩa (gọi là xã-hội chủ-nghĩa) ở miền Bắc, đồng thời kiện toàn tổ chức của đảng và mở rộng cuộc đấu tranh chính trị vào miền Nam. Đường lối để đạt những mục tiêu trong giai đoạn này là nhồi sọ lý thuyết cộng sản cho cán bộ và nhất là thanh niên, tổ chức cho họ học văn hóa và học kỹ thuật một cách mau chóng, dễ dàng, và hứa hẹn cho họ những địa vị cao, tiền lương nhiều, mặt khác, cưỡng ép nông dân, thợ thủ công và những người buôn thúng bán bưng phải bỏ

lối làm ăn riêng lẻ cũ để huyển sang lối làm ăn tập thể (gọi là hợp tác hóa), đặng tập trung tài lực, vật lực và nhân lực vào những hợp tác xã do chính phủ kiểm soát, và sau hết, cưỡng bách những người tư sản làm công nghệ và có cửa tiệm buôn bán phải đem hết tiền vốn, xưởng thợ, máy móc, hàng hóa, vật liệu nộp cho chính phủ quản lý và lập ra những xí nghiệp gọi là « công tư hợp doanh », trong đó, những sở hữu chủ cũ được bảo đảm về sinh kế như những người làm công ăn lương của xí nghiệp. Việc tập trung tiền vốn và tư-liệu sản-xuất của tư nhân này nằm trong khuôn khổ xây dựng thành phần kinh tế tư bản của Nhà nước cộng sản, đồng thời giúp sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

— Giai đoạn 1961-1965, đảng Lao Động gọi là giai đoạn « *xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tiến hành giải phóng miền Nam* », theo một kế hoạch mà thời hạn ấn định là 5 năm. Mục tiêu đặt ra cho giai đoạn này là « bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội » đặng biến đổi nền kinh tế rời rạc và lạc hậu ở miền Bắc thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại, xây dựng miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho việc xâm lăng miền Nam và kiểm soát toàn vẹn lãnh thổ. Đường lối để đạt những mục tiêu trong giai đoạn này là kỹ nghệ hóa miền Bắc theo kiểu cộng sản dành ưu tiên cho kỹ nghệ nặng, lấy kỹ nghệ để phát triển sản xuất nông nghiệp, mở thêm nhiều nông trường quốc doanh mới, tập trung nhiều hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nhỏ thành những hợp-tác-xã lớn, quy mô rộng rãi hơn, nâng trình độ hợp tác hóa từ *cấp thấp* (tức là 1/2 xã hội chủ nghĩa) lên *cấp cao* (tức là hoàn toàn xã hội chủ nghĩa) trong đó ý niệm về quyền tư hữu hoàn toàn bị xóa bỏ. Từ nghèo đói và lạc hậu, miền Bắc trở thành giầu mạnh sẽ dễ dàng thôn tính miền Nam, nếu bằng đấu tranh chính trị không xong thì dùng bạo lực.

Những mục tiêu đặt ra trong ba giai đoạn trên đây, nếu không phải là những mơ ước thật sự của Hồ-Chí-Minh cùng những người cầm đầu chế độ cộng sản ở Hà-Nội, thì ít nhất nó cũng được đặt ra để bắt tất cả cán bộ và đảng viên phải nói theo một giọng mà tuyệt đối không được nói khác đi, và như vậy ít nhất cũng có một số người nhẹ dạ tin theo, nhất là những người ở xa và chưa từng nếm thử chính sách của họ Hồ và các đồng chí cộng sản của ông ta.

I— CHÍNH SÁCH THI HÀNH Ở MIỀN BẮC

A) Giai đoạn 1954-1957.

Trong giai đoạn 1954-1957, chính sách của đảng Lao Động và chính phủ Hồ-Chí-Minh thi hành ở miền Bắc đã được vạch rõ bởi 3 cuộc hội nghị quan trọng của đảng.

1/ Hội nghị của Bộ Chính-trị đảng Lao-Động, nhóm trong tháng 9 năm

1954, ngay sau khi đã thực hiện ngừng bắn trên toàn lãnh thổ. Hội nghị này vạch rõ chính sách của đảng áp dụng trong thời kỳ chưa kiểm soát toàn thể phần đất đai do Pháp trao lại, đồng thời chuẩn bị những việc phải làm trong khu vực mà cộng sản đã hoàn toàn kiểm soát, khu vực sẽ kiểm soát và cả trong khu vực cộng sản phải rút khỏi trong thời hạn 300 ngày.

2/ Hội nghị Ban Chấp-Hành Trung Ương đảng lần thứ 7, nhóm trong tháng 3 năm 1955. Hội nghị này được triệu tập khẩn cấp vì có những biến cố quan trọng mà cộng sản không dự liệu, đặc biệt là cuộc di cư vĩ đại của nhân dân miền Bắc vào Nam.

3) Hội nghị của Ban Chấp Hành Trung Ương đảng lần thứ 8, nhóm trong tháng 8 năm 1955, sau khi Trường-Chinh cùng toàn thể nhân viên Bộ Chính-trị của đảng đi Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh gặp các lãnh tụ Nga-xô và Trung-Cộng. Hội nghị lần thứ 8 này đã đúc kết những nghị quyết của các hội nghị trước và đề ra 3 nghị quyết cụ thể sau đây :

Nghị quyết 1 : (Đường lối, chính sách, phương châm, phương pháp đấu tranh để thực hiện kiểm soát toàn quốc)

Nghị quyết 2 : Đẩy mạnh củng cố miền Bắc, cải cách ruộng đất là công tác trọng tâm. Khôi phục kinh tế là công tác trọng yếu. Tăng cường bảo vệ an ninh, bảo vệ thắng lợi cách mạng.

Nghị quyết 3 : Tăng cường lãnh đạo tư tưởng. Củng cố đảng; kiện toàn tổ chức ; sửa đổi lề lối làm việc của đảng.

Trong những tháng cuối năm 1954 và nửa đầu năm 1955, đảng và chính phủ cộng sản Hồ-Chí-Minh đã phải thi hành hai chính sách hoàn toàn khác nhau : một chính sách cho vùng mới được Pháp trao lại, đặc biệt là cho thành phố Hà-Nội, và một chính sách cho các vùng nông thôn do cộng quân kiểm soát từ trước, đặc biệt là những nơi có căn cứ địa vững vàng của cộng sản như Thái Nguyên. Chính sách thi hành cho vùng mới tiếp quản thì bề ngoài có vẻ rộng rãi và cởi mở và chỉ nhằm một mục đích là tranh thủ giữ dân và giữ của, chống di cư vào miền Nam. Tiêu biểu cho chính sách này là thủ đoạn lấy lợi để câu nhử những nhà công thương thành thị hợp tác với cơ quan Mậu-dịch Quốc-doanh đặng giữ những kho hàng hóa, nguyên liệu và máy móc ; thủ đoạn lấy địa vị để câu nhử những công chức và chuyên viên đã làm việc với Pháp, đồng thời cưỡng ép và dọa nạt, đánh mạnh vào tư tưởng đầu hàng cầu an của giới này ; và nhất là thủ đoạn dụ dỗ sinh viên học sinh, vừa khai thác thiện chí phục vụ của giới trẻ tuổi ít kinh nghiệm, vừa thỏa mãn tính bồng bột chạy theo « cái mới » đồng thời hứa hẹn cho giới này một sự thành đạt hết sức dễ dàng (1).

Chính sách thi hành cho vùng kiểm soát cũ của cộng quân lại hoàn toàn trái ngược, và được giữ kín, không để cho dân vùng mới tiếp quản hay biết.

---

(1) Ngày 19 tháng Giêng 1955, chính phủ Hồ-Chí-Minh khai giảng trường Đại-Học Nhân-Dân ở Hà-Nội ; học sinh trường quốc gia có bằng Trung-học Cấp I được nhận vào trường Đại Học này.

Căn bản của chính sách này là « phóng tay phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất » thật mau, thật mạnh và thật rộng khắp. Về phía đảng và chính phủ cộng sản Hồ-Chí-Minh, chính sách nầy vừa có tính chất tự vệ vừa có tính chất tấn công. Chiến tranh đã chấm dứt, đại bộ phận của bộ đội và cán bộ kháng chiến đều mong mỏi được nghỉ ngơi và được « đeo huân-chương về quê cũ ». Để chống lại nguy cơ tan rã đội-ngũ này, đảng và chính phủ cộng sản phải giao công tác mới cho bộ đội và cán bộ, bắt buộc họ không được ngừng đấu tranh. Mặc khác, đảng và chính phủ cộng sản cần phải tấn công chớp nhoáng để tiêu diệt những người mà họ đã vạch rõ là kẻ thù chính, nguy hiểm hơn cả đế quốc thực dân. Đó là giai cấp địa chủ và phú nông ở nông thôn và giai cấp tư sản ở thành thị. Đối với cộng sản, những « giai cấp thù địch » này càng nguy hiểm hơn nữa là vì « chúng nó » có rất nhiều đại diện ngay trong hàng ngũ kháng chiến và suốt tám năm kháng chiến đã luôn luôn chiếm những công đầu.

Ngày 12 tháng 9 - 1954, tại Hội nghị Tổng kết Cải cách Ruộng đất Đợt 1 nhóm tại tỉnh Thái-Nguyên, Hồ-Chí-Minh đã lên tiếng cảnh cáo :

« Khuyết điểm khá phổ biến là : muốn nghỉ. Có người đã làm và ba đợt rồi, bây giờ muốn vào thành phố. Thế là không đúng. Sở dĩ các cô các chú muốn nghỉ, muốn vào thành phố là vì chưa nhận rõ cải cách ruộng đất là quan trọng. Các cô các chú đã đọc nghị quyết của Trung Ương : Cải cách ruộng đất là một trong ba nhiệm vụ chính của Đảng và Chính-phủ đề ra. Muốn vào thành phố, không muốn đi cải cách ruộng đất, thế là **trốn nhiệm vụ**. *Các cô các chú muốn gì ? Muốn làm cách mạng. Cải cách ruộng đất tức là việc cách mạng. Cho nên chớ đứng núi này trông núi nọ. (1)»*

Để củng cố chính quyền độc tài cộng sản ở nông thôn, bao vây và cô lập các thành thị là nơi chưa « phát động quần chúng », đảng và chính phủ Hồ Chí Minh đã tiến hành nhiều đợt thanh trừng nội bộ và giao cho cấp *chi bộ* phụ trách. Những đợt thanh trừng này lồng trong hình thức « cải cách ruộng đất » và nhằm loại trừ những đảng viên và cán bộ kháng chiến bị liệt vào thành phần địa chủ và phú nông, hoặc là con cái địa chủ và phú nông. Cũng chính Hồ Chí Minh đã ra chỉ thị sau đây cho toàn thể cán-bộ phát động nhân *Hội nghị Tổng-kết Cải cách Ruộng đất đợt II của Đoàn-Thái-Nguyên — Bắc-Giang* họp trong tháng 12 năm 1954 :

« Về xã, một công việc quan trọng nhất là chỉnh đốn các tổ chức ở nông thôn : Ủy-ban Hành-chính, công-an, du-kích, nông hội, thanh niên, phụ nữ vv... nhất là chỉnh đốn chi bộ. Nếu cứ để những phần tử xấu ở trong tổ chức thì không hoàn thành được công việc giảm tô. Muốn chỉnh đốn chi-bộ tốt, thì những phần tử xấu phải xử trí đúng mức : cần đuổi ra khỏi Đảng thì đuổi ra, cần cách chức, cần hạ tầng công tác thì hạ tầng công tác.

---

(1) Những lời kêu gọi của Hồ-Chí-Minh, tập III, Xuất bản Sự Thật, Hà-Nội, 1956, trang 34-35.

Việc này là việc quan trọng nhất, tất cả Đội phải làm (3) ».

Chính vì chỉ thị *chính đốn tổ chức* trên đây của Hồ-Chí Minh mà từ các đợt giảm-tô và cải-cách ruộng đất phát động từ đầu năm 1955, đã có không ít những « địa-chủ phú-nông cường-hào gian ác », mặc dầu là cha mẹ của chính những cán bộ cao cấp trong quân đội và trong hàng ngũ kháng chiến, đã bị các Đội phát động đem ra đấu tố, ruộng đất trâu bò quần áo chăn chiếu và nồi niêu bát đĩa bị tịch thu toàn bộ. Vì phải « *trấn áp không cho các phần tử xấu ngóc đầu dậy* », mà cả đến một số cán bộ quân sự cấp bực đến Trung đoàn trưởng trong Quân đội Nhân Dân đã bị gọi từ địa điểm trú quân về nguyên quán, rồi bị Đội phát động tước đảng tịch, tước quân hàm, lột huân chương rồi bị *nhục hình* và bị kết án tù chỉ vì bị khép vào « tội con cái địa chủ ».

Cho đến tháng 7-1956, trên toàn miền Bắc, đảng và chính phủ cộng sản Hồ-Chí-Minh đã phát động tất cả là 8 đợt giảm tô và 5 đợt cải cách ruộng đất. Tổng số những nạn nhân của các đợt đấu tố này, cùng tài sản của nạn nhân bị tịch thu, không bao giờ được công bố. Tuy nhiên, người ta cũng có thể có một khái niệm về mực độ tàn bạo của các đợt phát động đầu tiên mà không bị Trung ương đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh coi là có sai lầm, bằng cứ vào những con số đưa ra trong Hội nghị Tổng kết Đợt 3 Cải cách Ruộng đất, triệu tập ngày 27 tháng 10 năm 1955 tại Hà-Nội. Bản báo cáo của Hồ-Viết-Thắng, Thứ trưởng bộ Nông-lâm, kiêm Phó Chủ-nhiệm Ủy-ban Trung-ương Cải-cách Ruộng đất đã cho biết rằng chỉ tính đến hết tháng 9-1955 đã có 7 triệu 81 vạn 3.704 người ở miền Bắc (tức là một nửa dân số) đã tham gia các đợt phát động giảm tô và cải cách ruộng đất ; trong số 7.813.704 người đó, các Đội phát động đã tìm ra được 312.532 phần tử đích thực là kẻ thù của nhân dân, đã xử trí thích đáng với những phần tử ấy, đã tịch thu được 364.670 mẫu ruộng và 31.090 trâu bò là tài sản của những phần tử ấy (4).

Càng về những đợt phát động về sau, đặc biệt là trong khoảng từ tháng 6 năm 1955 đến tháng 7 năm 1956, các Đội phát động đã chuyên dùng *nhục hình* để « *biểu lộ căm thù giai cấp bằng hành động* » đối với các nạn nhân mà họ đã liệt vào thành phần địa chủ, trước khi đem những nạn nhân ấy đi « *trả nợ máu* » (giết) hoặc nhẹ hơn thì đi « *quản chế* » (tù, đầy). Việc dùng nhục hình lan tràn và tàn bạo đến độ mà chính Hồ-Chí-Minh cũng đã phải lên tiếng yêu cầu các Đội phát động hãy nhẹ bớt tay. (5) Về phần truy bức và tàn sát các phần tử kháng chiến bị gạt sang thành phần « *thù địch của nhân dân* », chính viên Tổng-Tư-Lệnh của quân đội đã phải công khai nói lên những nhận định dưới đây trước mặt

(3) Những lời kêu gọi của Hồ-Chí-Minh, Tập III ; trang 89.

(4) Nhật báo Nhân-Dân, Hà nội, 29-10-55.

(5) Nói chuyện ở Hội nghị Tổng kết Cải cách ruộng đất Bắc Bắc ngày 17 tháng 12-năm 1955. (Những lời kêu gọi của Hồ-Chí-Minh tập III, trang 231)

dân chúng thành phố Hà-Nội ngày 29-10-1956 :

«Không những nhiều nơi phú nông hay trung nông lớp trên bị quy là địa chủ, mà thậm chí có nơi bần cố nông cũng có người bị quy là địa chủ . . kết quả là nhiều người vô tội bị quy là phản động bị bắt bớ, xử trí, quản chế, bao vây... Đảng viên và cán bộ có công lớn với kháng chiến và cách mạng, nhiều người hội viên hay đoàn viên tốt của các đoàn thể nhân dân đã bị coi là phản động, bị quản chế, bao vây hoặc bị xử trí trái phép. (6)»

Đợt thứ 5 Cải cách Ruộng đất kết thúc trong tháng 6-1956 và đầu tháng 7-1956, đảng và chính phủ cộng sản mở Hội nghị tổng kết đợt này. Đến tháng 10-1956, đảng và chính phủ công khai nhận sai lầm và tuyên bố sẽ sửa chữa. Việc thú nhận sai lầm này cũng như việc sửa sai sau đó, chỉ là hoàn toàn giả dối và nhằm mục tiêu duy nhất là xoa dịu sự công phẫn của quần lại đa số cán bộ đảng viên thuộc thành phần tiểu tư sản, nhờ sinh quán ở thành thị mà đã lọt lưới phát động, và nhất là nhằm bóp chết âm mưu lật đổ đảng và chính phủ, khởi xướng do một số khá đông cán bộ cao và trung cấp trong đảng và trong quân đội, kết hợp với những nhà trí thức và văn nghệ sĩ trong phong trào Nhân-Văn — Giai-Phẩm.

Trước và sau, đảng và chính phủ cộng sản Hồ-Chí-Minh bao giờ cũng coi là 5 đợt cải-cách ruộng đất và 8 đợt giảm tô đã thu *thắng lợi to lớn* và đã làm cho các tổ chức ở xã được *trong sạch hơn*. Trong thư đề ngày 1 tháng 7 năm 1956 gửi Hội nghị Tổng-kết Cải-cách Ruộng đất Đợt 5, Hồ-Chí-Minh đã viết như sau :

«Đợt 5 cải cách ruộng đất gay go phức tạp. Song nhờ chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ, nhờ nông dân hăng hái đấu tranh, đồng bào các từng lớp ủng hộ, nhờ cán bộ cố gắng công tác cho nên đã thu được **thắng lợi căn bản to lớn.** *Giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ các tổ chức ở xã được trong sạch hơn v. v... và bản thân cán bộ được thử thách rèn luyện (7)».*

Trong *12 điểm chính sách*, gọi là để sửa sai do Hội nghị Trung-Ương đảng Lao-Động đề ra và Võ-Nguyên-Giáp tuyên bố, có nói đến « việc tất cả các đảng viên bị xử trí *sai* đều được trả lại đảng tịch, tất cả những huân chương, bằng khen, huy hiệu đã bị tước, hoặc bị mất, đều phải được trả lại », nhưng về phần tài sản đã tịch thu trái phép của những người bị xử trí sai thì nhất định không trả lại, nhất là những tài sản nào đã chia cho các phần tử cốt cán quản lý. Về việc này, điểm 4 của chính sách sửa sai đã nói rõ :

«Việc đền bù tài sản cho những người bị quy lầm thành phần lên địa chủ hoặc bị xử trí sai, sẽ do nông dân bàn bạc để giải quyết trên tinh thần đoàn kết, nhân nhượng, thương lượng ổn thỏa, giúp đỡ lẫn nhau, để có điều kiện làm ăn sinh sống, nhưng nói chung, tránh đụng đến những

---

(6) Bài nói chuyện của Võ-Nguyên-Giáp tại cuộc mít-tinh 29-10-1956 của nhân dân thủ đô. Nhân Dân Nguyệt san, số 10, tháng 10-1955 trang 17.

(7) Những lời kêu gọi của Hồ-Chí-Minh, tập III trang 286.

quyền lợi nông dân đã được chia trong giảm tô và cải cách ruộng đất (8) ».

Đặc biệt là đối với những cán bộ của các Đội phát động đã vu oan cho các chiến hữu cũ, đã dùng nhục hình để đối xử với những người này, thậm chí đã bắt những người vô tội phải « trả nợ máu » một cách oan uổng, đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh không bắt trừng trị mà chỉ phê bình qua loa rất nhẹ. Điểm 11 của chính sách sửa sai quy định rõ như sau :

«Đối với cán bộ cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức phạm sai lầm thì cần phải kiểm thảo, lấy giáo dục làm chính để giúp đỡ sửa chữa (9)».

Đáng lẽ tiến hành cải cách ruộng đất xong là lập tức đảng và chính phủ cộng sản phải đưa ngay toàn bộ nông thôn miền Bắc vào con đường hợp tác hóa, nhưng vì có những biến động lớn trong phong trào cộng sản quốc tế, bắt đầu từ vụ Khruschev hạ bệ Stalin ở Đại hội lần thứ 20 đảng cộng sản Liên xô, cuộc nổi dậy của thợ thuyền Ba-Lan và cuộc khởi nghĩa toàn dân chống cộng sản ở Hung, cho nên cộng sản Bắc Việt cũng bị ảnh hưởng nặng mà phải hoãn thi hành nghị-quyết nối tiếp cải cách ruộng đất mà Hội-nghị Trung-Ương đảng lần thứ 8 đã vạch ra từ năm 1955. Thật vậy, chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc ngay sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất đã được viên Thủ-tướng của chính phủ Hà Nội là Phạm-Văn-Đồng loan báo rõ rệt từ cuối năm 1955 :

«Cải cách ruộng đất là một nhiệm vụ chủ yếu của cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ - nhân dân. Kinh tế phong kiến là thành phần kinh tế lạc hậu, phản động không thể dung thứ được trong xã hội dân chủ nhân dân của chúng ta ngày nay. Sau cải cách ruộng đất chúng ta hướng dẫn, giúp đỡ nông dân lao động từng bước đi vào con đường làm ăn có tổ chức, có kế hoạch, bước đầu là tổ chức tương trợ hợp tác theo hình thức thấp. Nghị quyết của Hội-nghị Trung-Ương đảng lần thứ 8 đã nói rõ : Chủ trương của ta đối với nông thôn là lãnh đạo nông dân sản xuất và đấu tranh để dần dần tiến lên chủ nghĩa xã hội, ngăn ngừa nông dân đi vào con đường tư bản chủ nghĩa (10)».

Những rối loạn trong nội bộ đảng cộng sản và trong quân đội miền Bắc, chịu ảnh hưởng của các biến động trong phong trào cộng sản quốc tế, đã không những làm cho đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh phải trì hoãn việc thi hành chính sách đã định, mà hơn thế nữa, còn làm cho đảng và chính phủ ấy phải cắn răng bày ra trò « *mở rộng dân chủ* », là một điều hoàn toàn trái ngược với đường lối đã định. Trong những tháng cuối năm 1956 và suốt cả năm 1957, đảng và chính phủ cộng sản Hồ-Chí-Minh đã phải áp dụng một chính sách buông thả phóng túng đến nỗi những nhân vật từng công khai hô hào lật đổ chế độ hồi cuối năm 1956 cũng vẫn được tự do và hầu hết vẫn được giữ nguyên công tác cho đến tháng 4 năm 1958. Chính vì khẩu hiệu « mở rộng dân chủ», nhất

---

(8) Võ Nguyên Giáp, như trên, trang 23

(9) Võ Nguyên Giáp như trên, trang 24

(10) Phạm Văn Đồng ; Khôi phục kinh tế và Thành phần kinh tế của nước VNDCCH; tạp chí Học Tập, số 1, tháng 12-1955 Hà-Nội.

là vì từ đảng, chính phủ cho đến cán bộ, đảng viên, không ai dám nhắc đến cái ác mộng « cải cách ruộng đất » mà nền độc tài vô sản vừa xây dựng nên đã bị xóa bỏ ngay. Đảng và chính phủ Hồ-Chí-Minh đã thực sự phát động đấu tranh giai cấp, đã thắng nhưng đã không bảo vệ được những thành quả của cuộc thắng trận giai cấp ấy.

Về mặt thực tế, đại bộ phận của « giai cấp địa chủ và tư-sản » chẳng những không bị tiêu diệt mà còn được phục hồi danh dự. Như vậy chẳng khác gì giai cấp ấy đã được trở thành « miễn nhiễm » đối với độc tố giai cấp đấu tranh. Tuy rằng phần lớn tài sản của giai cấp ấy ở nông thôn đã bị phân tán vào tay những phần tử cốt cán bần cố nông, nhưng không phải vì vậy mà uy thế của giai cấp ấy đã bị đánh đổ. Thật ra, hầu hết các phần tử bị liệt vào thành phần địa chủ, phú nông và tư sản phản động đã không hưởng hoa lợi về tài sản của họ, hoặc thiểu số có hưởng thì cũng chỉ hưởng rất ít trong suốt thời kháng chiến. Nhưng trái lại, những phần tử cốt cán bần cố nông, trước kia là những phần tử thuần túy vô sản, sau cải cách ruộng đất đã nghiễm nhiên trở thành hữu sản, lại thêm nhờ mới có vai vế trong nông thôn, nên đã thực sự trở thành những trung nông hoặc phú nông mới. Kết quả này hoàn toàn trái với chủ trương của đảng và chính phủ cộng sản, vì lẽ trong khi phải « ngăn ngừa nông dân đi vào con đường tư bản chủ nghĩa » thì đảng lại đã xô đẩy và tạo điều kiện cho nông dân đi vào chính con đường đó. Nói tóm lại, trong giai đoạn 1954—1957, đảng và chính phủ cộng sản Hồ-Chí-Minh đã mở đầu thuận lợi, nhưng sau đó đã thất bại nặng nề cơ hồ sụp đổ. Nguyên nhân của sự thất bại đó, một phần gây ra do chủ trương phát động quần chúng đấu tranh giai cấp quá táo tợn bằng hình thức cải cách ruộng đất, và phần khác do những biến động trong phong trào cộng sản quốc tế. Sự thất bại này đã di hại lớn lao và lâu dài cho công cuộc cộng sản hóa miền Bắc trong những giai đoạn kế tiếp.

(còn tiếp một kỳ)

NHƯ-PHONG

بِسْمِ اللّٰهِ الرَّحْمٰنِ الرَّحِيْمِ

KỶ NGUYÊN HỒI-GIÁO

DOHAMIDE

Ollohu Akbar !

CẢNH vật cũng như con người dường như vẫn còn mê ngủ ; màn sương mỏng, trời lành lạnh, lờ mờ.

Ollohu Akbar !

Giọng ngân dài lê thê ấy một lần nữa lại vang đến tai du khách. Liền khi ấy, nếu chịu khó bước ngay xuống giường, nhìn qua cửa sổ, về hướng phát xuất âm thanh kể trên, người ta sẽ nhận ra một người mặc áo tu sĩ dài, đứng trên tháp cao của Thánh đường, hai bàn tay đưa lên ngang trán, đang ngâm nga đoạn kinh cầu, khi trầm buồn ảo não, khi cao vút như van nài, thúc dục.

Chung quanh du khách bỗng nổi lên những tiếng động, đèn được bật sáng, âm vang khi nãy vẫn nối tiếp, đều đều... Ý nghĩa có thể tạm ghi như sau :

« Ollohu Akbar ! Thượng Đế tối vĩ đại !

Tôi tin không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah

Tôi tin Muhammad là Sứ-đồ (Roxôn) của Allah

Hãy đến cầu nguyện ! Hãy đến cầu nguyện !

Hãy đến với vĩnh phúc ! Hãy đến với vĩnh phúc !

Cầu nguyện tốt đẹp hơn giấc ngủ !

Cầu nguyện tốt đẹp hơn giấc ngủ !

Ollohu Akbar ! Thượng đế tối vĩ đại !

Không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah ! »

Có một sáng tinh sương nào đó, bừng mắt, tỉnh dậy tại Alger, Bagdad, Karachi, Kuala Lumpur . . ., người ta sẽ được nghe những lời kêu gọi kể trên, sáng, trưa, chiều, tối, giờ giấc chạy theo cây kim đồng hồ. Âm vang trầm bổng ấy từ nhiều thế kỷ nay vẫn theo một khuôn mẫu khoan nhặt, là lướt trên bầu trời các thành phố lớn và len lỏi xa xôi đến tận những thôn ấp bé nhỏ không tên, nơi có những người Hồi Giáo cư ngụ.

Và đó là những dấu hiệu báo đến giờ cầu nguyện cho các tín đồ, tại các nước Hồi giáo.

∴

Nói đến Hồi-Giáo, có người lầm tưởng chính là tôn giáo của Hồi-Quốc. Thực ra, Hồi-Quốc chỉ là một nước Cộng Hòa Hồi-Giáo, được tổ chức trên căn bản lý tưởng Hồi-Giáo và chỉ mới được thành lập từ sau đệ nhị thế chiến, chiếm một phần đất của Ấn-Độ.

Phát nguyên từ Á-Rập, Hồi-Giáo trên thế giới ngày nay quy tụ vào khoảng 550 triệu tín đồ, gồm đủ các sắc dân, khác phong tục, khác ngôn ngữ khác màu da, từ Âu sang Á, từ một thiểu số nhỏ bé như ở Thái Lan (3, 4%), Phi-Luật-Tân (4%)... cho đến một đa số trội yếu như ở A-Phú-Hãn (99,90/o), In-Đô-Nê-Xia (93%)...

Ngôn ngữ nhiều nước như Pháp, Anh, Mã-Lai, In-Đô-Nê-Xia... giữ nguyên danh từ «ISLAM» của Á-Rập để chỉ-định tôn giáo này. Ngay tại Việt-Nam, danh từ « ISLAM » vẫn được thông dụng hơn trên thực tế. trong giới đồng bào Hồi-Giáo. Nguyên nhân : các kinh sách truyền bá Hồi-Giáo-điều, phần lớn đều viết bằng chữ Á-Rập, thứ chữ đã dùng để diễn tả lời phán của ALLAH tức của Trời, của Thượng-Đế, trong Thánh Kinh CORAN (1) ; do đó, chỉ có chữ « ISLAM » mới gợi cho kẻ mộ đạo đầy đủ ý nghĩa của lòng tin, hướng về Đấng Tối Cao duy nhất mà họ tôn thờ.

Do tính cách siêu việt và tùy thuộc quan niệm cá nhân của mọi tôn giáo, người ta thường hình dung một khung cửa sổ, xuyên qua đó, các tín đồ nhận thức mục tiêu, của cuộc sống, ý nghĩa của linh hồn của bản thân, của đồng loại. Người tìm hiểu không những chỉ quan sát hình dáng và cách kiến tạo của khung cửa, mà còn phải nhận rõ ý nghĩa của đối tượng ở xa, nơi mà

(1) Có nơi viết là «Quran». Phiên âm thực sự từ chữ Á-Rạp là «Cu'ran»

tầm mắt kẻ mộ đạo đang hướng vào để cầu nguyện với tấm lòng thành.

Đối với tín-đồ Hồi-Giáo, danh từ ISLAM bao gồm ý nghĩa một tôn-giáo của ALLAH, của Thượng-Đế. Khi cấu tạo nên vạn vật, Thượng Đế đã sắp xếp cho các mãnh lực của thiên nhiên, tác động với nhau, theo một lịch trình định sẵn, định một cách hoàn mỹ, không một ai có thể lẩn tránh được ; vạn vật chỉ có việc tuân mệnh. Nhưng đồng thời, Thượng Đế cũng ban ân cho những ai có trí khôn lanh, nhận định Thiên mệnh và Sức Mạnh vạn năng của Ngài. Riêng đối với con người, nhiều gương sáng đã được tạo nên để Con Người cùng noi theo, nhất là về cách cư xử, tác phong của con Người khi đơn độc, khi chung hòa trong cộng-đồng xã hội, đối với Đấng Tối Cao đã sáng tạo ra mình và đối với đồng loại chung quanh mình. Có một con đường sáng vạch sẵn để cho con người tiến tới. Nhưng đặc biệt là bản chất của Con Người vốn có ý thức và tự do, nên Con Người có thể vâng hay không vâng mệnh. Do đó mà tự do vừa kể lại biến thành một thứ trách nhiệm hết sức lớn lao. Con Người sẽ không phải sống mãi trong công bằng, bác ái như những vì sao kia đang xoay quanh vũ trụ; Con Người chỉ sẽ phải cố gắng làm công việc đó và Thượng-Đế sẽ dành quyền thưởng phạt sau cùng. Những ai chịu khó theo đúng « bổn phận » sẽ được ban phúc vô tận, bằng ngược lại, thì sẽ phải chịu những trừng phạt vô lường.

Tuy nhiên, Thượng Đế không phải để mặc cho nhân loại đắm chìm trong một tình trạng không định hướng. Trái lại, ngay khi đặt Con Người vào vòng vũ trụ, Thượng Đế đã cho Con Người rõ đường ngay nẻo chánh, phải hành động như thế này và phải tránh hành động như thế khác. Theo Hồi-Giáo, chính A-Đam lần đầu tiên đã nhận lấy sứ mạng. Lịch sử loài người do đó đã bắt đầu với Con Người biết rõ những điều mình phải làm, nhưng lịch sử lại nối tiếp với Con Người thiếu sót với bổn phận mình. A-Đam đã lỡ lầm bất tuân, rồi lại đến những người thừa kế lãng quên một phần, đánh mất đi hoặc giả tạo cả những lời răn dạy của Thượng Đế. Cho đến một ngày nào đó, nhân loại không còn giữ được một chút gì thuần túy về những gương sáng để noi theo nữa. Thất bại của Con Người không phải là một sự phủ nhận công lý ; nó chỉ có ý nghĩa là một sự lần mò tìm kiếm chân lý trong đêm đen... Để cứu rỗi Con Người khỏi tình trạng bất định đó, Thượng Đế đã khoan dung và đã chuyền xuống trần thế một công điệp thứ hai, một phép mầu, bộc lộ những quy tắc đạo lý vĩnh cửu cho nhân loại và cũng do đó, một vị Thánh khác được chọn cử để phán truyền một lần nữa những chân lý cũ. Nhưng lịch sử lại tái diễn không ngừng :

một lần nữa, cộng đồng xã hội lại lơ là, quên lãng, xuyên tạc những gì chân chính đã được phán truyền. Và cứ như thế . . . không ai biết được, trong lịch sử nhân loại, đã có bao nhiêu vị Thánh (Ro-xôn) đã được đưa xuống trần thế nhưng có điều chắc là dù trước, dù sau, lời phán truyền của Thượng Đế bao giờ cũng giống nhau cả.

Qua thời gian, người ta còn giữ lại một số danh nhân, trong đó, rạng rỡ nhất (nếu không kể A-Đam), có ABRAHAM, MOISE, và GIÊ-SU(2) hiện lưu lại nhiều tín đồ trên thế giới ngày nay tạo thành Cộng-Đồng Do-Thái cùng Thiên Chúa Giáo.

Công trình của Abraham là trung thành với ý niệm chỉ có một Thượng Đế chế ngự vạn vật. Thuyết nhất thần do Abraham xây dựng nên, sẽ trường tồn trong hậu thế và từ đó, những bụt, những tượng hình do con người uốn nắn, ít ra cũng đã có một phần loài người phủ nhận việc thờ phượng.

Cho đến Moïse, những người mộ đạo giữ vẹn lòng tin chỉ có một Thượng Đế, nhưng sau đó, có một sai lầm chánh yếu là họ chỉ tin những giáo điều của Thượng Đế, chỉ áp dụng riêng cho họ mà thôi, chớ không phải cho toàn nhân loại.

Để sửa chữa lại sai lầm kể trên, Thượng Đế mới đưa xuống thế một vị nữa: Giê-Su. Theo quan niệm Hồi-Giáo, Giê-Su chỉ là một người như tất cả những vị từ trước đã được Thượng đế chọn cử, để ban

Giáo-điều. Mặc dù có những phép mầu chứng minh, Giê-Su vẫn chỉ là một người, nhưng là Con Người có tính chất siêu đẳng, riêng biệt. Những tín đồ của Giê-Su, quy tụ lại thành cộng - đồng Thiên-Chúa-Giáo. Nhưng lại đến lượt những tín đồ của Giê-Su, sau khi đã hưởng ân lộc của Thượng Đế và hăng say mở rộng cộng - đồng, lại đi đến chỗ tôn thờ Người có sứ mạng chuyển lại lời phán truyền của Thượng Đế thay vì chỉ đề cao lời phán truyền ấy. Một lần nữa, con người lại vấp phải sai lầm. Tuy vậy, Thượng Đế không ngớt khoan dung, đã cứu vãn tình thế bằng cách chọn cử một lần sau cùng một vị Thánh (Ro-xôn) đưa xuống trần, chuyển chân lý và công lý của Thượng Đế, diễn dịch lại cho nhân loại, tạo thành một cộng-đồng trung kiên, bảo tồn lấy những Giáo-điều của Thượng Đế, đem gieo rắc khắp cùng thế giới và sẽ tuân mệnh mọi hình thức diễn tả các Giáo-Điều ấy cho đến cả những chi tiết tỉ mỉ trong sự kiện. Vị Thánh (Ro-xôn) sau cùng này chính là Muhammad (phiên âm đúng theo chữ A-Rập là Muhammad ; một số tác giả Tây - phương

(2) Phiên âm đúng theo tiếng Á-Rạp là IBROHIM, MUSA, Y-SA.

cũng viết là Mahomet hoặc Mohammed) (3).

Chận lý nhiệm mầu, theo chiều hướng kể trên, nguyên đã được phát hiện từ trước ; điểm chánh yếu và có tánh cách sáng tạo trong trường hợp sau cùng này, là ở chỗ bảo toàn và ứng dụng chân lý ấy vào cuộc sống nhân loại. Như vậy, Hồi-Giáo, trên nguyên tắc, nguyên đã có từ thuở vô định, nhưng chỉ bắt đầu giai đoạn quyết định trong lịch sử loài người từ thế kỷ thứ 7 Tây lịch (4). Giáo-điều của Thượng Đế chỉ được bảo toàn xác thực và nguyên vẹn trong quyển Thánh Kinh Coran mà thôi.

Những người nghe theo Muhammad lúc đầu chỉ bao gồm số cư-dân của hai thành phố A-Rập, sau đó lần hồi đã quy tụ thêm nhiều công dân nới rộng bờ cõi tinh thần từ Âu sang Á, tạo thành một tập thể xã hội cùng hướng về một Thượng Đế và chỉ biệt phân với phần còn lại của nhân loại ở chỗ họ chịu nhận những Tín-điều đã được phát hiện do Thiên khải. Những người trong tập thể đó, tiếng A - Rập gọi là « Muslim » có nghĩa là những « kẻ tuân phục » tức tuân phục Allah, tuân phục mệnh Trời. Sự xuất hiện và phát triển của nhóm này đã cụ thể hóa lý tưởng Hồi - Giáo trên thế giới, bằng những loạt hành động liên tục, có tổ chức, bắt đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người : kỷ nguyên Hồi-Giáo.

(còn tiếp)

DOHAMIDE

---

(3) Tuan Hakim Ma-Ly, hiện lãnh đạo Chàm Hồi-Giáo tại Việt-Nam, cho có biết 25 vị Thánh « Nabi Ro-Xôn » mà mọi Hồi-Giáo-đồ cần biết chắc chắn : A-Đam, I-Dress, Noh, Hod, Sgoleh, Ibrohim (Abraham), Lod, Is-Mael, Is-Haak, Ya'Cob, Yu-Soh, A-Yob, Xa-It, Ha-Run, Mu-Xa (Moise), Il-Yas-A, Sul-Ki Fri, Daod, Xu-Lây-Man (Salomon) Yu-Nos, Za-Ka-Rya, Il-Yas, Yah-Ya, Y-Sa (Giê-su) và vị chánh yếu sau cùng là Muhammad.

(4) Năm I khởi đầu kỷ nguyên Hồi-Giáo nhằm vào năm 622 Tây lịch, nhưng không phải là năm sanh của Giáo-Tổ Hồi-Giáo Muhammad, mà chính lại là năm Cộng đồng Hồi Giáo, dưới quyền lãnh đạo của Muhammad, nắm lấy quyền hành chánh trị tại Á-Rạp.

nhà in **VĂN-HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sàigòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM

- ẤN LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY — LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

trầm-tích-học, và dầu hỏa tại miền nam Việt-Nam

TRẦN-KIM-THẠCH

TRONG số Bách-Khoa 178, ngày nó càng có uy thế vững chắc tôi đã có dịp lưu ý bạn đọc về ích lợi thực tế của môn Địa-chất-học đối với quê-hương ta ngày nay và ngày sau. Sự đóng góp của môn này vào sức mạnh kinh-tế của một xứ hậu-tiến và chậm tiến không phải nhỏ.

Bài sau đây có mục-đích giới thiệu một Khoa-học rất mới thuộc Địa-chất-học và định rõ tầm quan trọng của nó trong việc tìm kiếm dầu hỏa, một nguyên-liệu tối cần cho nước nhà.

Trầm-tích-học là gì ?

Được thai nghén từ sau thế-chiến thứ hai ở Tây-Âu và Bắc-Mỹ, môn học đã trưởng thành mau chồng từ 1952 với Hiệp-hội Quốc-tế Trầm-tích-học, mà đại diện cụ thể gồm những 20 nước, và càng trong địa hạt Khoa-học.

Trước khi muốn biết rõ xem Trầm-tích-học là gì ? tác giả xin mời bạn đọc cùng viếng thăm một bãi bể. Khi bạn đọc đi dọc theo duyên-hải, từ Nước-Ngọt sang Vũng-Tàu, bạn sẽ thấy nơi thì lởm-chởm những đá tảng lẫn với cát thô, cát nhuyễn, nơi thì chỉ toàn cát đỏ hay bùn đen. Những thứ này, vì lắng tụ xuống mặt đất hay dưới đáy nước, nên được mệnh danh là *chất trầm tích* (sédiment). Lâu ngày, chúng bị các chất mới trôi đến và vùi lấp, nên hóa thành đá cứng, như đá vôi, đá mài dao, đá bùn. Những thứ đá này mang tên là *đá trầm-tích* (roche sédimentaire), để phân biệt với các nhóm đá khác do ruột đất hay núi lửa tạo ra, như đá xanh ở Châu-Thới và

đá granit ở Định-Quán. Hiện tượng lắng tụ của các chất trầm-tích được gọi là *sự trầm tích* (sédimentation) còn khoa khảo-cứu các chất hay các đá trầm-tích là *trầm-tích-học* (sédimentologie).

Trong quan-niệm rộng rãi, chất trầm-tích không những chỉ được tạo lập theo ven hay đáy bể. Bất cứ nơi nào có sự tàn phá (hay xâm-thực) và trọng-lực đều có chất trầm-tích. Sông Cửu-Long đem phù sa tức là các chất trầm tích nhuyễn từ Vân-Nam và Thượng-Lào bồi nên hai miền Tiền và Hậu-Giang phì nhiêu, phong phú. Các ruộng muối ở Bà-Rịa đang thực hiện một công cuộc trầm tích có ích lợi cho bữa ăn của toàn dân. Những nồng cát mút chân trời ở Cam-Ranh, Phan-Thiết, xa bờ bể hàng mươi cây số là những nơi có chất trầm-tích trên cạn, tức là cát do gió mang đến. Ao và hồ lớn bé cũng đều chứa chất trầm-tích, lớn thì như biển hồ ở Cao-Miên, nhỏ thì như ao rau muống sau nhà.

Bạn đọc hẳn thắc mắc, tự hỏi rằng không lẽ kinh tế nước ta lại tùy thuộc vào những chất vô giá trị như đất, cát, bùn v.v... Thật ra thì chất trầm-tích không lắng tụ một mình. Chúng tích chứa rất nhiều kim loại quí giá như sắt, đồng, chì, vàng, bạch kim hay kim khí phóng xạ của kỹ-nghệ nhẹ và nặng. Chúng còn chứa thi thể sinh-vật đã sống bấy lâu với chúng và khi chết đi, các tinh thể ấy tạo ra những chất hữu-cơ. Những chất này, nếu tích-tụ nhiều quá, sẽ sinh ra các mỏ dầu hỏa hay hầm khí thán mà tầm quan trọng đối với kinh-tế một nước, không phải là nhỏ.

Theo các thống-kê mới nhất, 85% các nguyên-liệu nhân loại đang dùng đều có nguồn gốc trầm-tích và được chứa trong các loại sa-thạch, diệp-thạch và đá vôi. Đứng về mặt dầu hỏa mà nói, thì 100% dầu hỏa là do đá trầm-tích mà ra và các mỏ dầu đều được thành lập trong các môi-trường trầm-tích (milieu de sédimentation) nhất định. Chính vì thế mà khoa trầm-tích-học, không đầy 15 năm, đã trưởng-thành nhanh chóng và càng ngày càng đóng góp nhiều vào sự nâng cao mức sống của nhân-loại.

Việc nghiên-cứu sự tương-quan giữa các chất trầm-tích và các mỏ dầu hỏa, giữa sự minh định vị-trí nơi có dầu và việc đào thử, và cuối cùng, giữa các giếng dầu trên thế-giới và những giếng dầu mơ ước của Việt-Nam trong tương-lai, cần được đặt ra ở đây. Các vấn-đề chính sẽ là :

1 — làm sao dùng khoa trầm-tích-học như một phương-pháp phỏng-đoán sự hiện-diện của dầu hỏa ?

2 — làm sao giới-hạn được chỗ có dầu ?

3 — làm sao áp-dụng các hiểu biết trên đây một cách có lợi cho xứ ta ?

Căn-bản lý-thuyết về phương pháp trầm-tích-học.

Khoa trầm-tích-học là một khoa học tổng-hợp vì vậy không thể nào

kể cho xiết các môn học phụ-thuộc vào nó. Tuy thế, nếu ta đồng ý với A. Vatan (1) mà cho rằng mục-đích tối-cao của nó là xây-dựng lại môi trường của quá khứ, cách đây hằng mấy trăm triệu năm, thì ta có thể nói rằng : Trầm-tích-học chỉ là Toán-học, Vật-lý, Hóa học và Sinh Học (P. Allen) (2). Các môn này phối-hợp lại sẽ giúp ta *tìm lại các môi trường xưa và sự diễn tiến của các môi-trường này theo không-gian và thời-gian.* Nói đến môi-trường, tôi hiểu rằng đó là tất cả các điều kiện sinh, lý và hóa tính chi phối mặt Địa-cầu. Ví dụ như thời tiết, độ mưa sa, sự mặn lạt hay trong đục của nước, tình-trạng thừa hay thiếu dưỡng-khí... là một vài điều kiện cụ thể nhất của môi trường.

Phương-pháp khảo cứu các lớp đá tích trữ dầu hỏa của môn trầm-tích-học có một nguyên lý quan trọng cần nhắc tới. Nhà trầm tích noi theo nguyên lý ấy như một người lữ hành noi theo một con đường mòn. Đó là *Hiện-tại thuyết.* Theo thuyết này, những định luật căn bản của vũ-trụ không thay đổi hay thay đổi không đáng kể từ thuở khai thiên lập địa đến ngày nay. Ví dụ như nước suối ngày nay chảy xuôi theo triền thì ngày xưa không thể chảy ngược dốc được. Một chất acid đem dung hòa với baz sẽ tạo ra một chất muối và nước xưa nay vẫn thế. Sinh-vật thở dưỡng-khí ngày nay thì xưa kia cũng đã sinh tồn bằng dưỡng khí.

Đã chấp nhận một cách rất dè dặt nguyên-lý nói trên như vậy rồi nhà trầm-tích sẽ đặt việc khảo cứu ra làm hai phần:

— các môi-trường điển-hình hiện tại tạo nên dầu hỏa;

— các môi trường tương đương của thời xưa. Nghĩa là nhà trầm-tích trước nhất minh định các môi trường hiện tại nào tạo ra các chất hữu-cơ nồng cốt của dầu hỏa, đoạn tìm lại những môi-trường ấy trong quá-khứ. Trên lý-thuyết, chúng ta có cảm-tưởng như việc ấy dễ làm, nhưng trong thực tế, thật hết sức khó.

Những môi-trường hiện tại nào tạo dầu hỏa ?

Trên phương diện thực tế, dầu hỏa chỉ có thể được tạo ra trong các môi-trường có những điều kiện sau đây :

1— nước ấm áp của miền ôn-đới, có độ mặn trung bình, chứa rất nhiều hải-sinh-vật nguồn gốc của dầu hỏa,

2— đáy bể khá sâu, nơi đó thi thể sinh-vật bị bũn nát nhưng không bị oxy hóa,

3— nếu là các cửa sông thì phải có nhiều chất hữu cơ và nhiều chất trầm-tích để vùi lấp kịp thời những chất hữu cơ đó.

Trên mặt quả Đất hiện nay, có rất nhiều chỗ thực hiện được các

(1) Giám đốc Viện Dầu hỏa Pháp.

(2) Giám đốc Viện Trầm-tích-học Anh-Cát Lợi.

điều kiện chính nêu trên. Trong lục-địa, chúng ta thấy có Hắc-Hải ở Đông-Âu, vịnh California ở Bắc-Mỹ ; vịnh Ba-Tư ở Trung-Đông ; Các bể đáy cạn thì có vịnh Mễ-Tây-Cơ ở Trung-Mỹ ; vịnh Thái Lan ở Đông-Á. Hiện nay nhiều người còn cho rằng các tam-giác châu như Mississispi Mỹ, Niger ở Phi - Châu và có thể là Cửu - Long ở Việt-Nam là những ổ chứa dầu hỏa.

Điều này không hẳn đúng. Theo cách đo tuổi bằng nguyên tử phóng xạ, cứ vào khoảng một triệu năm thì các chất hữu cơ bị vùi lấp sẽ biến thành dầu hỏa, dưới tác dụng của vi khuẩn kị-khí. Nghĩa là những chất hữu cơ nào được lắng-tụ trước khi tổ tiên loài người xuất hiện đã hóa thành dầu hỏa. Những chất hữu-cơ nếu có đầy đủ, đọng ở đáy bể Đại-Thanh từ khi bể này được thành lập đến nay, cũng đã hóa thành dầu.

Khi đã biết rõ môi-trường tạo dầu hỏa hiện tại rồi thì nhà trầm-tích quay sang tìm những môi-trường tương đương như thế trong quá khứ. Công việc này là điểm then chốt, do đó ta sẽ nhận thấy rõ rằng Trầm-tích học có ích lợi hay không. Trên phương diện lý-thuyết, nhà trầm-tích có thể tìm lại được các điều-kiện môi-trường sau đây :

— nhiệt độ, độ mặn, độ trong, chiều sâu, lượng oxy, lượng hydrogen trong môi trường dưới nước ;

— gió, mưa, độ ẩm trên mặt đất.

Vài ví-dụ về việc xây-dựng môi-trường của quá-khứ.

Nhìn những ngọn đồi xinh xắn mang tên Ngũ-Hành-Sơn nằm thoai thoải trên bờ bể Đà-Nẵng hay Hòn Phụ-Tử soi mình trên bề vịnh Hà-Tiên, có ai tự hỏi xưa kia chúng được cấu tạo trong nước mặn hay nước ngọt đâu. Du khách viếng Nông-Sơn, mấy ai tưởng tượng được rằng nơi đó, xưa kia là một rừng lấy khi thì chứa nước ngọt từ một con sông nào đó đêm đến, khi thì lại bị nước bể tràn vào. Độ mặn lạt của nước thời quá khứ biết được là nhờ các sinh vật sống vào thời ấy còn lưu dấu vết lại. Ví như các giống ốc bể, san-hô, cá mập. Độ mặn còn được các lượng quá cao của Bore, Strong-tium và Gallium chỉ định. Tìm ra được các chất ấy, ta phỏng đoán được sự hiện diện của nước sông hay nước bể rồi.

Nhiệt-độ của nước cũng do dấu vết sinh vật (động hay thực vật) để lại. Ngoài ra có thể dùng tỉ số của oxy thường và oxy phóng-xạ ($^{o}18/^{o}16$) để suy diễn ra. Độ sâu có thể do sinh vật, vì có con thích sống sâu, có con thích sống cạn, hay sự thô, nhuyễn của các chất trầm-tích mà biết được, vì chất nhuyễn hay ở nơi sâu, chất thô nằm trên cạn.

Cứ tuần tự khảo sát như thế, nhà trầm-tích sẽ xây dựng lại với ít nhiều chính xác các môi-trường của thời quá khứ. Khi đã thấy được cả môi-trường rồi, tự dưng

có thể đem đối chiếu với những môi-trường hiện tại có thể tạo ra dầu hỏa. Và kết luận : có thể có dầu hay không.

Như đã biết rằng một môi-trường của thời quá khứ nào đó có đủ điều kiện để tạo nên dầu hỏa rồi, thì nhà trầm-tích bắt đầu nghi ngờ. Sự nghi ngờ này không phải là một điều viển vông, mà là một nghi ngờ khoa-học có căn bản đúc kết từ công cuộc tìm tòi lâu dài. Đó là giai đoạn I của sự khảo cứu. Giai-đoạn II kế tiếp nó là hy-vọng. Trong trường hợp này, các loại đá bị nghi ngờ nói trên có chứa các dấu vết của dầu hỏa. Ví dụ như mẫu đá vừa đập ra bốc mùi hôi đặc biệt của quặng dầu hoặc đem bỏ xuống nước thì nổi màng màng lên. Sở dĩ, tôi nêu ra các giai-đoạn trên, một là để chứng minh tính dè-dặt của nhà trầm-tích khi kết luận, hai là để tỏ cho bạn đọc thấy sự khó khăn trong việc tìm tòi. Kinh-nghiệm của hãng Iraq Petroleum C° ở Á-Rập năm 1960 cho ta thấy rằng một kết luận hồ-đồ có thể làm hao tổn đôi tỉ bạc Việt-Nam trong một cuộc đào không ra dầu. Có nơi môi-trường cho thấy sự hiện diện chắc-chắn của dầu (trường-hợp của Đan-Mạch),nhưng các mạch dầu sau một cuộc động đất có thể bốc hơi tiêu tan đi hay di chuyển đi đến một nơi khác. (Dầu có thể đi rất xa, ở Miến-Điện có thể di-chuyển đến Ấn-Độ tùy theo tính cách xốp của đá trầm-tích. Có nơi môi-trường không thể tạo ra dầu, lại chứa nhiều dầu vì đá (như sa-thạch thô) quá xốp, hút được dầu từ các nơi khác đến. Giai đoạn III của cuộc khảo cứu là giới-hạn các mạch dầu. Nhờ phương pháp địa-chấn-ký, kỹ-sư dầu hỏa sẽ tiếp tục khảo-cứu kiến-trúc (structure) của các lớp đất, xem chúng bị gấp nếp như thế nào, và các mạch dầu tích-tụ ra sao, bị bẫy lại bằng cách nào v.v... Cụ thể mà nói, một bản đồ dầu hỏa với mọi chi tiết sẽ được vẽ ra. Đến giai-đoạn IV thì là việc trắc-nghiệm, nghĩa là đào thử. Công cuộc đào thử nầy sẽ được nhà trầm-tích-học lưu ý hết sức, vì nó sẽ đem các lớp đá sâu ở dưới đất lên cho họ quan-sát và suy diễn qua những chỗ khác không thấy được. Nếu giai-đoạn IV này hoàn thành mỹ-mãn, nghĩa là giúp nhà trầm-tích khám phá các ổ dầu có lượng tích cao và dễ đào, thì giai-đoạn V tức là giai-đoạn bơm dầu sẽ bắt đầu. Và đến đây, nhà trầm-tích sẽ nhường công việc lại cho các nhà hóa-học.

Tương lai của miền Nam Việt-Nam.

Từ lâu công cuộc khảo-cứu quặng mỏ đều được thực-hiện ở miền Bắc, vì các nhà Địa-chất Pháp đã khám-phá ra ở đó vô số khoáng-sản quí báu. Công cuộc khảo cứu các khoáng-sản ở miền Nam chưa được để ý đến, tuy rằng chương-trình kỹ-nghệ hóa đang được tiếp tục.

Muốn xét về tương-lai dầu hỏa của miền Nam, ta cần phải nghiên cứu 3 điểm :

1 — môi-trường ngày xưa của xứ ta qua các loại đá trầm-tích ;

2 — Những biến chuyển của vỏ đất di hại đến dầu hỏa (nếu có) ;

3 — cân-nhắc các sự-kiện.

1— Môi-trường ngày xưa của nước ta.

Môi-trường của bán đảo Đông-Dương rất đặc biệt, vì nó trực thuộc một Địa-trung-hải chạy dài từ Trung-Đông đến Úc-Châu. Theo địa-lý cách đây trên 100 triệu năm, thì Địa-trung-hải này nằm trong vùng ôn đới (sự hiện của san-hô là một chứng cớ cụ thể), có khi có nước mặn bình thường, có khi lại quá mặn (muối mỏ tìm thấy ở Thượng-Lào), nhưng chung chung thì đáy biển sâu (giáo thạch trùng ở đá vôi Hà-Tiên và Cao-Miên), chứa nhiều chất hữu-cơ. Một môi-trường như vậy đủ sức tạo ra dầu hỏa. Điều nên nhớ là các loại đá cùng tính chất ấy đang chứa dầu khai thác ở Trung-Đông (Á-Rập, Iraq, Ba-Tư), ở Ấn-Độ (vùng Assam), ở Miến-Điện, và cả Thái Lan. Các lớp đá này xuất hiện ở Cao-Miên, Lào, nơi mà dấu vết của dầu hỏa đã được tìm thấy (ví dụ gần Sihanouk-Ville hay gần Tchepone). Điều này khiến ta lạc quan, vì các lớp đá ấy cũng xuất hiện ở vùng Cao-nguyên Trung-Phần hay nằm dưới lớp phù sa của sông Cửu-Long ở Nam-Phần (bản đồ).

2— Biến chuyển di hại đến dầu.

Tuy thế, đối với miền Nam Việt-Nam, các lớp đá không thể chứa dầu vẫn chiếm đa số diện-tích (bản đồ) vì những biến chuyển của vỏ đất làm di hại đến sự tích chứa dầu hỏa. Ví dụ trong Đệ - Tam Nguyên Đại, lối 40 triệu năm trở lại đây, một vòng đai núi lửa xuất hiện dọc theo miền Trung và miền bắc Nam-Phần, tạo ra các lớp đá xanh, đá đen tìm thấy lại ở Bà-Rịa, Pleiku và Bảo-Lộc. Sự xuất hiện của vòng đai núi lửa đã làm cho các đá trầm-tích khác biến tính. Những chuyển động nổi núi (sự tạo sơn), xưa hơn, cách đây đôi ba trăm triệu năm, cũng đã làm biến tính trước một số khác. Do đó, dịp may để có dầu hỏa lại càng ít ỏi hơn.

3— Cân nhắc sự kiện.

Việc cân nhắc sự kiện chưa có thể đặt ra một cách cụ thể trong lúc này, vì các khảo cứu trầm-tích-học ở xứ ta chưa được thực hiện với bản đồ chi tiết, do đó ta chưa biết hết các sự-kiện căn yếu cho việc quyết định có hay không có dầu hỏa ở miền Nam Việt-Nam.

Chúng ta có thể làm được gì đây cho quê-hương ?

Hiện thời, một dự-án khảo cứu về đá chứa dầu (nhưng chưa chắc có thể khai quật được) nằm ngoài tất cả khả năng tự túc của một nước như Việt-Nam. Đành rằng gương kiên nhẫn và hy-sinh của Đan-Mạch, Hy-Lạp đáng được noi theo, nhưng chúng ta không nên viển-vông, xa thực tế. Nói thế, không có nghĩa rằng ta phải từ bỏ mọi

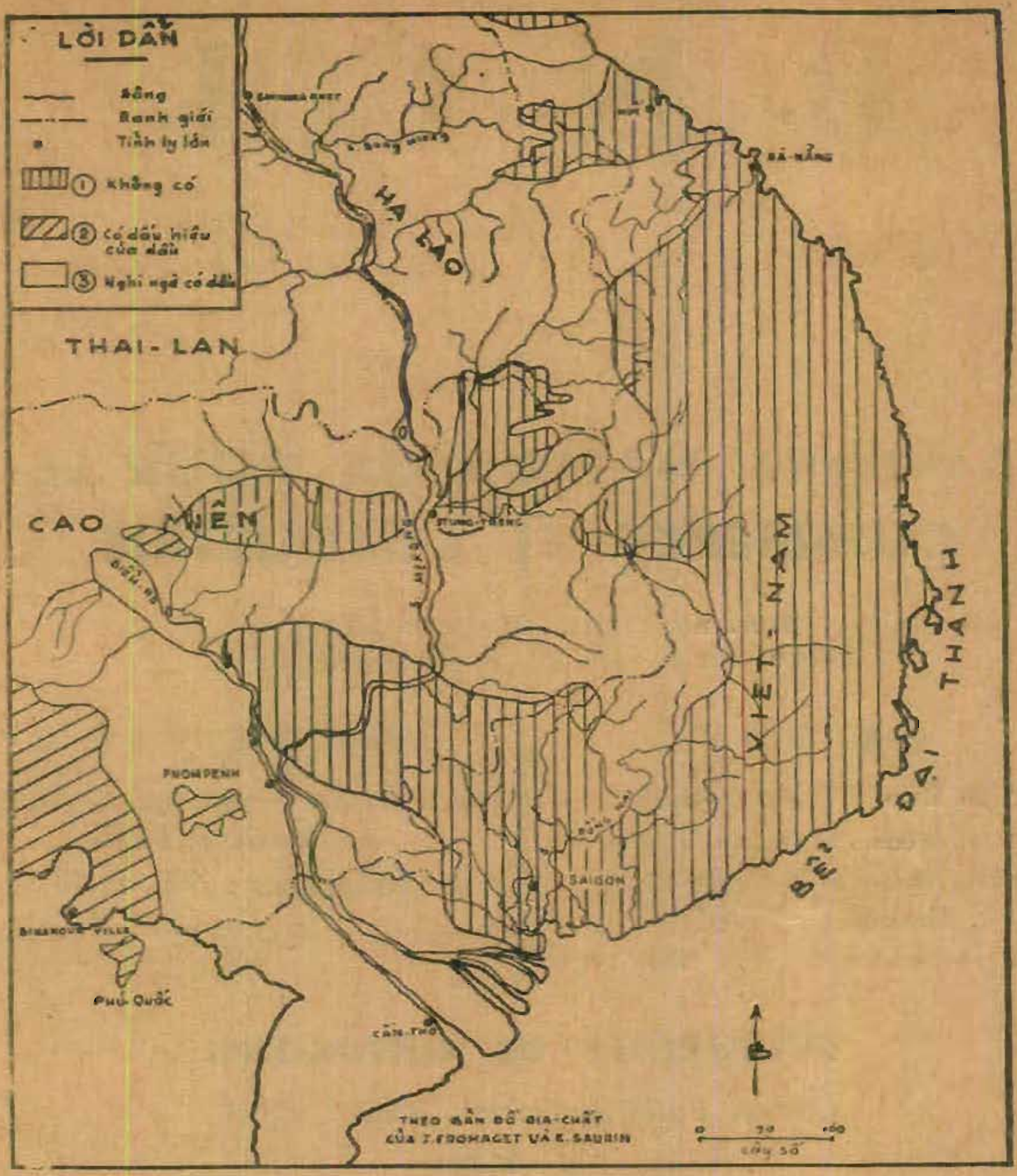

cố gắng để đi đến mục đích nêu trên.

Hiện nay chúng ta cần khảo-cứu tường tận các loại đá trầm-tích của xứ sở, vì công việc này chưa có ai làm Sự khảo-cứu tường tận sẽ đem đến cho ta, hoặc một hoài nghi về sự hiện diện của dầu hỏa, hoặc sự vắng mặt vĩnh-viễn của nó trên lãnh-thổ Việt-Nam. Cùng lúc, sự khảo-cứu tường-tận đó sẽ giúp ta khám phá ra những khoáng sản dồi-dào và quí giá cho kỹ-nghệ mà đá trầm-tích và đá biến-tinh tích chứa lâu nay. Có như thế, công cuộc khảo-cứu của chúng ta mới tránh khỏi tính cách xa xỉ của những khảo-cứu lý-thuyết làm cho xứ sở kiệt quệ hơn là nâng cao kinh-tế của xứ sở lên.

Tôi vẫn ước mong rằng trong vòng đôi mươi năm nữa chúng ta có thể trả lời chắc chắn và hợp lý về vấn đề dầu hỏa nêu trên.

TRẦN-KIM-THẠCH

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba : (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Một công-cuộc nghiên-cứu ngoại-ngữ

NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN

MỘT buổi sáng, Lee đến tìm gặp tôi tại Dalat. Vóc người thấp, nhỏ, gương mặt tròn trĩnh, tóc hớt ngắn, ăn mặc giản dị, Lee gợi lên trong trí tôi, ngay trong buổi đầu gặp gỡ, hình ảnh người sinh-viên Mỹ siêng-năng, tháo vát và ham chuộng thể thao.

Sau cái bắt tay, Lee tự giới thiệu :

— Tôi là Ernest Lee, nhân viên hội Summer Institute of Linguistic. Lee vừa nói, vừa đưa tấm thiếp và một lá thư giới thiệu của chi nhánh cơ-quan này tại Saigon.

— « Như đã nói rõ trong thư, tôi muốn xin đến ở Đơn-Dương để học tiếng Koho. Tôi đã học tiếng Việt-Nam, giờ tôi nghiên cứu tiếng Koho và muốn ở ngay tại một vùng có người Koho ở. Chắc ông cũng rõ, đó là lối học ngoại ngữ có hiệu quả nhất.

Lee là một trong những nhân viên của hội Summer Institute of Linguistics, hiện đang cần cù kiên nhẫn học các thổ ngữ Koho, Rhadé, Mnongar, Thái, Mường tại Việt-Nam và nhất là tại Cao-Nguyên Trung-Phần. Về sau, trong những trường hợp tương-tự, tôi đã gặp các chuyên viên đó tại các nơi khác và qua các cuộc tiếp-xúc, đã tìm hiểu họ cùng công-việc của họ.

***

Những nhân viên của viện SIL (1) có hai nhiệm vụ chính : ghi chép những ngôn-ngữ chưa có chữ viết của các bộ lạc còn bán khai và đem đến cho họ những căn bản của văn - minh và tư tưởng Cơ-Đốc giáo. Sống trong khu rừng sâu tại Nam-Mỹ hay trong những làng mạc hẻo lánh tại Phi-Luật-Tân, những buôn xa xôi tại miền Cao-Nguyên nước Việt, họ âm thầm hoạt động trong lãnh-vực văn-hóa, viết tự-điển, lập trường học, huấn luyện giáo viên bản xứ. Họ sống một cuộc đời giản dị, có khi thiếu thốn và nhiều lần, đã tỏ ra can đảm phi-thường.

---

(1) Viết tắt tên của Viện Summer Institute of Linguistics.

Tổng số nhân viên cho đến nay, lên đến khoảng 1.200 người đang nghiên-cứu 200 ngôn ngữ khác nhau tại 12 vùng trên thế giới. Công việc nghiên cứu đó đã được tuần tự thực hiện theo thứ tự thời gian sau đây : Mexico, 1935 ; Hoa-Kỳ, 1944; Pérou, 1946 ; Guatamala, 1951 ; Equador, 1953 ; Phi-Luật-Tân, 1953 ; Bolivia, 1955 ; Gia-Nã-Đại, 1955 ; Ba-Tây, 1956 ; Tân Ghi-Nê, 1956 ; Alaska, 1958 và Việt-Nam 1959.

Người khởi xướng và thành-lập nhóm nghiên-cứu nói trên là William Cameroun Townsend, người đã từng sống hơn 40 năm dòng dã giữa các bộ lạc người da-đỏ tại Châu-Mỹ La-Tinh.

Năm 1917, hồi đó, Townsend mới 21 tuổi, ông đã bỏ trường Đại-Học Occidental College tại Los Angeles, rồi với một ít cuốn Thánh-Kinh bằng tiếng Y-Pha-Nho trong va-ly, lên đường đi Guatemala. Ông không bán được các Thánh-Kinh đó. Hơn hai phần ba dân số Guatemala là người Da-Đỏ, rất ít người biết tiếng Y-Pha-Nho, số người muốn học lại ít hơn nữa.

Một hôm, Townsend biếu một người Da-Đỏ một cuốn Thánh-Kinh. Người đó hỏi ông : « Thượng-Đế của ông thông minh lắm, sao ông ta không học tiếng của chúng tôi ? ». Từ đó, Townsend thôi phát Thánh-Kinh mà muốn dịch Thánh-Kinh.

Và cũng từ đó, trong 15 năm, ông chung sống với bộ lạc Cakchique tại Guatemala, học tiếng của họ và dần dà, viết được tiếng đó. Và cũng dần dà, ông tìm được một phương pháp giản dị để dạy bất cứ một thứ ngôn ngữ nào đã được phiên âm.

Sau cùng, vào năm 1932, lúc Townsend bị bệnh lao phổi phải bỏ rừng xanh để trở về với nền văn-minh. ông đã để lại cho các người Da-Đỏ Cakchiquel 5 trường học, một bệnh-viện nhỏ, một nhà in, nhiều nhà thờ và hàng trăm người theo đạo Thiên-Chúa. Trong va-ly, Townsend đem theo một bản in Tân Thánh-Kinh bằng tiếng Cakchiquel, từ trước đến nay chưa được viết ra.

Sau khi trở về Mỹ-Quốc và đã lành bệnh lao, Townsend gặp một người bạn mục sư cũ, Leonard Legters. Legters khuyên ông nên thực hiện, đối với người Da-Đỏ ở Châu-Mỹ La-Tinh, những gì ông đã thực hiện đối với người Cakchiquels.

Townsend suy nghĩ một lát rồi nhận lời, với điều kiện là Legters phải tìm hộ một nơi để huấn luyện những cộng-tác viên.

Để bắt đầu, hai người tìm xem các bản thống kê những người không biết chữ và ngạc nhiên nhận thấy gần một nửa nhân số người đứng tuổi trên thế giới không biết đọc, biết viết. Họ cũng không ngờ rằng trên thế giới có đến 3.000 ngôn ngữ khác nhau, trong số đó có hơn 2.000 tiếng không có bản dịch Thánh-Kinh.

***

Vào mùa hè năm 1934, Townsend và Legters mở một ngôi trường tại một nông trại bỏ hoang ở Arkansas. Ban đầu, chỉ có 2 sinh-viên tham-dự, nhưng

đến kỳ khai-giảng thứ tám, nông trại không đủ chỗ cho số học-viên nữa, và họ phải dời về trường Đại-Học Oklahoma. Cho đến năm 1959, 25 năm sau khi thành lập, học-viện Summer Institute of Languistics đã huấn-luyện được 570 học-viên tại 5 trường học : Đại-Học Oklahoma ở Norman, Đại-Học North Dakota ở Grand Forks, Đại-Học Hoa-Thịnh-Đốn ở Seattle và các trường ở gần Melbourne (Úc-Đại-Lợi) và Luân-Đôn (Anh-Quốc). Cũng trong thời gian 25 năm đó, vào khoảng 4.500 sinh-viên đã học qua các lớp mở đầu.

Nhưng trước khi bắt tay vào việc, họ phải qua một thời-gian thử thách. Các học-viên, nam cũng như nữ, đều phải được huấn-luyện 3 tháng tại một trại huấn-luyện trong rừng. Họ phải có khả-năng làm được một cái chòi ở trong rừng mà không cần đến các dụng-cụ thông-thường như cưa, búa hay đinh, có thể đóng các chiếc bè hay chèo ca-nô qua thác hay sông có cá sấu, chống với thú dữ, tập cứu thương, tìm được đường để qua rừng trong khoảng 25 dặm Anh.

Ngay sau khi đã huấn-luyện được một số học-viên, Townsend và các học-viên đi Mexico. Đến biên-giới, người ta chận họ lại và bảo :

— Chúng tôi không cần thông-dịch viên. Các thổ-ngữ của người da-đỏ phải bị tiêu diệt ».

Townsend trả lời : « Các tiếng đó sẽ bị tiêu diệt mau hơn nếu Ông dùng các thổ-ngữ người da-đỏ để dạy tiếng Tây-Ban-Nha ».

Nhờ sự giúp đỡ của một nhà giáo-dục và một nhà ngôn-ngữ học người Mễ-Tây-Cơ, Townsend lưu lại sứ Morelos giữa các người Aztecs và bắt đầu học thổ-ngữ. Cho đến năm 1958, nhờ ở sự hợp-tác của Chính-Phủ, tại Mễ-tây-Cơ có 216 thông-dịch viên của SIL hoạt-động trong 51 bộ-lạc bán khai. Một nhân-viên cao cấp trong chính-phủ Mễ-Tây-Cơ đã nói : « Chúng tôi không xem các Ông là những người ngoại-quốc nữa. Các Ông là người Mễ-Tây-Cơ ».

Một trong những nhân-viên của hội đã thành-công nhất tại Mễ-Tây-Cơ là Marianna Slocum. Marianna và vị hôn-phu của nàng đều theo học tại SIL và cùng chuẩn bị công-tác với bộ-lạc Tzeltals, gồm có 40.000 người, thuộc tiểu-bang Chiapas. Lúc người vị hôn-phu của nàng chẳng may qua đời trước ngày cưới, nàng nhất định tiếp tục công việc một mình.

Sau khi học thông thạo thổ-ngữ, nàng soạn các bài-học, và khai-giảng các lớp tập đọc tập viết và, 16 năm liền, lập nên 7 trường học dịch sách và giúp cho các thổ-dân hiểu rõ văn-hóa Mễ-Tây-Cơ. Đồng thời, nàng bài trừ nạn phù-thủy, trộm cắp, rượu chè và lôi cuốn được 5.000 thổ-dân theo đạo Thiên-Chúa.

Vào khoảng tháng chạp 1958, khi Marianna rời bỏ bộ lạc nầy để đi hoạt-động tại một độ lạc khác, một tạp-chí nổi tiếng tại Tiempo đã ca tụng nàng trong suốt 16 cột báo và cho rằng nàng đã nâng người da đỏ từ trình độ dã man đến trình độ văn-minh.

***

Trong lúc đó, SIL đã mở rộng phạm vi hoạt-động đến các quốc-gia khác tại Châu-Mỹ La-Tinh. Trước nhất, xứ Perou hưởng ứng chương trình của Townsend.

Mùa hạ 1945, theo lời mời của Tổng-thống Manuel Prado, trong mấy tháng liền, Townsend quan sát các khu rừng xứ Perou, thăm viếng các bộ lạc, và tìm hiểu nguyện-vọng của họ. Sau đó, ông gửi nhân-viên đến 3 bộ lạc xa xôi nhất. Muốn đi đến nơi, các thanh niên Mỹ nói trên phải qua thác nước bằng ca-nô và bè, hay tìm đường xuyên qua các khu rừng rậm và tránh các bộ lạc nổi tiếng là hay giết người da trắng.

Tình trạng đó thúc đẩy Townsend sắm một chiếc máy bay. Chính-phủ Perou với sự giúp đỡ của một người ủng hộ Townsend ở California, mua một chiếc máy bay cũ của một Phái-Bộ Thủy-Quân Hoa-Kỳ tại Lima, và biếu cho Townsend. Cho đến cuối năm 1958, Townsend có 19 phi-cơ và 21 phi-công. Phần lớn các máy bay đều có thể hạ trên sông được.

Nếu không hoạt-động tại các bộ lạc hay tuyển-mộ thanh-niên là chống nạn thất học, thì Townsend ở tại Yarinacocha, Trung-Tâm Huấn Luyện của SIL tại Perou. Trung-tâm nầy có nhiệm-vụ cung-cấp những nhà ngôn-ngữ trẻ tuổi để công-tác tại 29 bộ lạc trong sê 45 bộ lạc tại Perou, mỗi bộ lạc đều có ngôn-ngữ, phong tục riêng biệt. Tại đây, được thiết lập những ngôi nhà đặc-biệt của miền rừng núi để cho 175 nhân-viên và gia-đình trú ngụ, một bệnh-viện, một tiệm ăn và nhà ngủ cho các nhân-viên thuộc các bộ lạc lưu-trú trong thời-gian công tác; một nhà in để ấn-hành các bộ tự-điển và các loại-sách sơ-học, mà tổng-số lên đến gần 18.000 quyển trong năm 1957. Tại đây, cũng có những lớp học cho những người da-đỏ được huấn-luyện thêm, dưới sự kiểm-soát của Bộ Q. G. G. D., được học tiếng Tây Ban Nha, để trở nên những giáo-sư dạy lại người da-đỏ trong những trường do Chính-Phủ mới mở. Đầu não của Trung-Tâm là một Đài Phát-Thanh hoạt-động suốt đêm ngày để có thể liên-lạc được với các nhân-viên đang cộng-tác tại các bộ lạc. Họ phải liên liên-lạc đều-đặn với các trung-tâm; khi mất liên lạc, một phi-cơ được phái đi thám-thính để tìm hiểu nguyên-nhân. Các chuyên-viên vô-tuyến điện hoạt-động đều đặn tại các địa-điểm để kiểm soát các máy thu và phát thanh có được tốt không.

∴

Năm 1949, bệnh-viện Yarinacocha bắt đầu hoạt động dưới sự điều-khiển của Bác-sĩ Kenneth Altig với một ít thuốc men quyên được. Đến năm 1958, bệnh-viện được khuyếch trương mạnh mẽ và gồm có 12 phòng trang-bị dụng cụ tối tân và hằng năm khám bệnh cho 10.000 bệnh nhân. Cơ quan y-tế của Chính-phủ Perou và các nhà bào chế có hảo tâm ở Hoa-Kỳ cung cấp thuốc men cho kho thuốc của bệnh viện.

Bác-sĩ Ralph Eichenberger, một y-sĩ tháo vát điều-khiển bệnh-viện nầy, với một số y-tá tối thiểu. Ngoài việc chữa bệnh cho các bệnh nhân từ các vùng rừng núi đến, ông luôn luôn liên lạc bằng máy phát-thanh với các giáo sư ngôn ngữ kiêm y tá để có thể đến

tận nơi và can thiệp kịp thời trong những trường hợp khẩn cấp.

Bác sĩ Eichenberger so sánh công việc của mình với công việc của một cơ quan y-tế thị xã. Theo ông, thì điều khác nhau là ở chỗ « thị-xã » của ông rộng 1/4 triệu cây số vuông, các y-tá ở xa hàng trăm cây số đường rừng, và phải khám bệnh qua máy phát-thanh.

Từ 1954, khi nhận thấy có nhiều người mắc bệnh cùi ở hai bên bờ sông Ucayali, hai bác sĩ Eichenberger và Altig bắt đầu công-tác chống bệnh cùi và thường đi thăm viếng các làng nhỏ hoặc gặp các bệnh nhân — những kẻ đã bị bộ lạc ruồng bỏ — tại các địa-điểm đã ấn-định trước, dọc theo bờ sông.

* *

Trung-Tâm Huấn-Luyện của Chính-Phủ là một trong những cơ cấu hoạt động quan trọng nhất tại Yarinacocha. Trung-Tâm này khởi sự hoạt động mấy năm gần đây khi Townsend đưa các nhà giáo dục Perou đi thăm viếng các ngôi trường của SIL được thành-lập trong vùng sơn cước, và do các người da-đỏ phụ trách.

Các nhà giáo dục đều lấy làm ngạc nhiên và cho rằng các nhà ngôn ngữ học của SIL đã đặt nền tảng cho cả một chương trình giáo dục. Kết quả là năm 1953, Bộ Giáo-Dục thành lập một lớp khả năng Sư-Phạm tại Yarinacocha và từ đó, mỗi tam cá nguyệt đầu năm, những người da-đỏ tỏ ra có khả năng được phép theo học các lớp dạy tiếng Y-Pha-Nho, các môn học văn hóa căn bản và phương-pháp giáo dục. Sau khi tốt nghiệp, họ được Chính-Phủ tuyển dụng để trở về dạy tại các bộ lạc.

Năm 1958, 75 giáo-sinh theo học lớp nầy. Mang cả gia-đình đi theo, một số đông phải dùng ca-nô và bè trong nhiều ngày mới đến Yarinacocha, một số khác dùng máy bay của SIL. Họ đại diện cho 16 bộ lạc khác nhau. Tại đấy, người ta để ý đến hai giáo-sinh đang cùng nhau kiểm điểm lại các bài giảng đã được ghi chép và cười đùa cùng nhau : họ thuộc hai bộ lạc xem nhau như những kẻ tử thù đã từ mấy đời. Một vài năm trước đây, nếu họ gặp nhau trong rừng, thì chỉ thấy nhau, họ đã chém giết nhau.

Bác sĩ Merote Best, một nhà giáo dục lỗi lạc, nói rằng : Trước đây không lâu, không ai có thể thuyết phục tôi rằng các người Da-Đỏ có thể học được. Nhưng một ngày kia, tôi gặp các chuyên viên về ngôn ngữ học của SIL. Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy ngôi trường của họ đông nghịt học-viên, các học-viên đọc sách bên cạnh ngọn lửa và các người lớn tuổi còn cố tập đọc và viết. Đó là một nguồn hi-vọng lớn lao cho tương lai của người Da-Đỏ.

Trở về Lima, ông kể lại những điều mắt thấy tai nghe và tháng Giêng năm 1957, ông được Bộ Giáo-Dục giao phó nhiệm-vụ điều-khiển các trường-học vùng rừng núi, và ông đặt phòng giấy tại một ngôi nhà tranh tại Yarinacocha, và dùng phần lớn thời-giờ đi thanh tra trong các vùng núi non hiểm trở. Cùng với Townsend, ông tin tưởng rằng người Da-Đỏ được giáo-dục theo lối mới không thể giữ mãi nền kinh tế lấy việc câu cá và săn bắn làm căn bản.

Trong thời gian gần đ y, họ sống gần như du-mục, di-chuyển từ vùng nầy đến vùng khác để tìm nơi câu cá và săn bắn. Bây giờ, họ đã có ý thức được những lợi điểm của một đời sống cố định; trong các làng mạc, con cái có thể đến trường học và họ có thể tổ-chức một đời sống khả quan hơn.

Trong mục-đích giúp cho họ đạt đến một mức sống cao hơn, Chính-Phủ Perou đã phát-động một kế-hoạch dạy họ phương-pháp canh-tác mới. Trên khu đất gần Yarinacocha 250 mẫu được dành riêng để cho các gia-đình học tập về canh tác dưới sự hướng dẫn của các nhà nông-học của SIL. Đến năm 1958, 21 gia-đình đã được huấn-luyện và họ đang huấn luyện lại các đồng bào họ về phương pháp canh nông.

∴

Để tỏ lòng biết ơn Townsend, các quốc-gia tại Nam-Mỹ dành cho Ông nhiều danh-dự. Các trường Đại-học mời ông đến diễn thuyết và tặng ông các bằng danh-dự, nhưng thường thường ông đều từ chối. Các Chính-Phủ Perou, Equateur đều tặng ông nhiều huy-chương giá-trị. Nhưng phần thưởng làm cho Townsend cảm động hơn hết là câu nói sau đây của một tù-trưởng Da-Đỏ tại vùng rừng núi thuộc lưu-vực sông Amazone : « Trước khi ông đến, chỉ có bóng tối, bây giờ thì chỉ có ánh sáng. »

∴

Tôi đến thăm Ông Bà Barker vào một buổi sáng Chủ-Nhật tại làng Hòa-Bình, quận Ban-Mê-Thuộc, tỉnh Darlac. Tuy qua những cuộc tiếp xúc với Lee, tôi đã biết trước lối sống của những nhân-viên SIL, nhưng tôi vẫn không khỏi ngạc-nhiên khi thấy gia-đình Barker sống trong một ngôi nhà sàn kiểu Rhadé, tối tăm, chật chội, thiếu hẳn các tiện nghi thông-thường. Tôi bỗng thấy ái ngại cho gia-đình nầy, khi nhớ đến những ngôi nhà tư của phần đông giáo-sư Mỹ tại Hoa-Kỳ, tươm tất gọn gàng, sáng sủa với những bàn ghế bầy biện có mỹ-thuật v. v.. (Về sau, Barker cất được một ngôi nhà gỗ lợp tranh, gọn gàng, khang-trang hơn, với ít bàn ghế mua ở Saigon lên.) Nhưng hình như Barker không lưu tâm đến vấn đề ăn ở, và hai vợ chồng sống giản dị, xa thành-phố và chỉ chú trọng vào công việc học tiếng Mường.

Hòa-Bình là một làng nhỏ, do đồng bào Mường lập nên từ ngày di-cư từ Bắc vào, sau khi Hiệp-định Genève được ký kết. Vì muốn học tiếng Mường với chính người Mường nên gia đình Barker dọn ngay đến đấy, và nhờ một người Mường dạy cho. Ông bà Barker quê quán ở Tiểu-Bang Illinois, Hoa-Kỳ, tốt nghiệp trường Đại Học Illinois ở Urbana và đã tòng học tại Học-viện Moody Bible tại Chicago.

Vào mùa hè 1956 và 1957 tại Đại-học đường Oklahoma, họ tbeo học các lớp ngôn-ngữ học và đặc biệt là học những kỹ-thuật nghiên cứu các ngôn-ngữ chưa có chữ viết. Vào mùa xuân năm 1957, họ tập sự ở một trại thuộc miền Nam Mê-Tây-Cơ trong khoảng 3 tháng. Trong thời gian nầy, họ làm quen với khí hậu và các bệnh tật miền nhiệt đới, đồng thời tập quen sống

giản dị thiếu hẳn các tiện nghi thường lệ tại Hoa-Kỳ.

Họ đến Việt-Nam vào tháng tư 1958 và lưu lại Saigon gần 2 năm để học Việt-Ngữ. Vào tháng Giêng 1960, họ đến tỉnh Quảng-Ngãi để học tiếng Hré, một năm sau, hồi tháng Hai 1961, họ đến Hòa-Bình để học tiếng Mường. Trong thời gian sống ở Việt-Nam, gia đình Barker đã sinh hạ được 2 con Madeline (lấy tên Việt là Mai-Lan) 2 tuổi và Mériam (Mai-Liên) 1 tuổi.

***

Trong ngôi nhà tranh yên tĩnh tại thôn Hòa-Bình, Barker vừa trao cho tôi những bản dịch ra tiếng Việt các bài hát Mường, vừa nói :

— Có thể nói rằng hai ngôn-ngữ Mường và Việt đều cùng một nguồn gốc. Trong tiếng Mường và Việt, có đến 80% chữ giống nhau hoặc gần giống nhau.

— Chắc rằng công cuộc khảo cứu của ông sẽ đem lại nhiều điều bổ ích cho những ai nghiên cứu về nguồn gốc Việt Ngữ.

— Tôi ước mong được giúp ích như vậy.

Được hỏi về sự liên hệ giữa sự nghiên-cứu các thổ-ngữ và việc phụng sự tôn-giáo, ông cho biết :

— « Viện chuyên khảo ngữ-học theo đuổi ba mục đích :

1) Phân tích và diễn tả một cách khoa-học các ngôn-ngữ chưa có chữ viết.

2) Soạn thảo tài - liệu (bằng chữ viết) và dạy chữ cho những dân tộc các ngôn-ngữ trên.

3) Phiên dịch Tân-Ước Kinh ra các thứ tiếng ấy :

Để đạt mục đích đó hiện nay Viện điều khiển 5 trường học huấn-luyện học - viên tại Norman (Oklahoma), Grand Forks (North Dakota), Seattle (Washington), London (Anh-Cát-Lợi) và Melbourne (Úc-Đại-Lợi). Riêng ba trường tại Hoa-Kỳ đều hoạt-động chung với các trường Đại-học của Tiểu-Bang và được các trường này công-nhận.

Hiện nay tại Việt-Nam, hợp tác với Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, có 32 nhân viên của Viện đang nghiên-cứu 14 thổ-ngữ sau đây :

THỔ NGỮ	NHÂN-VIÊN	NƠI KHẢO-CỨU
Bahnar	Ông Bà John Banker với Siu Mơ	Kontum
Bru	Ông Bà John Miller với Khơi Rlu	Khe-Sanh, Quảng-Trị
Chàm	Ông Bà David Blood	Khe-Sanh, Quảng-Trị
Chrau	Ông Bà David Thomas với Thổ Lục	Xuân-Lộc, Long-Khánh

Mnong	Ông Bà Henry Blood	Banmethuột, Darlac
Mường	Ông Bà Milton Barker với Quách-Tử-Chu	Hòa-Bình, Darlac
Pacoh	Ông Bà Richard Watson với Ayer	Huế, Thừa-Thiên
Rơglai	Ông Bà Ernest Lee với ama Hashe	Khánh-Hòa
Stiêng	Ông Bà Ralph Haupers với Điểu Bi	Phước-Bình, Phước-Long
Thái Trắng	Cô Jean Donaldson	như trên
Thổ	Ông Bà Colin Day với Hoàng-Chung-Minh	Tùng-Nghĩa, Tuyên-Đức
Katu	Cô Judy Wallace và Cô Nancy Costello	Hà-Tân, Quảng-Nam
Halang	Ông Bà James Cooper	Dakto, Kontum
Sedang	Ông Bà Kenneth Smith	Komtum

Trong năm 1962, nhân-viên Viện chuyên Khảo-Ngữ đã in được một số tài liệu về Việt-Ngữ và các Thổ-Ngữ Chàm, Stiêng, Thổ, Thái-Trắng, Bahnar, Bru, Mường. Ngoài ra, bảy cuốn sách vỡ lòng về tiếng Chàm Stiêng, và Thái Trắng với bản dịch bằng tiếng Việt cũng được nhân-viên Viện Chuyên-Khảo-Ngữ học soạn thảo và do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất bản năm 1962.

Cũng nhờ những công trình khảo-cứu trên mà Việt-Ngữ hiện đang được Viện Đại-học North Dakota nghiên-cứu. Thư Viện của trường Đại-học nầy cũng có thêm nhiều sách nói về ngôn ngữ Việt-Nam.

Trong lúc Ông Barker giải - thích như trên thì Bà Barker cho tôi xem các bộ áo thêu màu sặc-sỡ của người Mường và các vòng đeo tay, vành khuyên bằng bạc chạm trổ tinh vi mà bà tìm mua lại của các người Mường di-cư.

Ông Barker tiếp :

— Cùng với việc học ngôn-ngữ, chúng tôi nghiên-cứu phong-tục và tập quán của người Mường.

Và ông cho tôi xem các tài-liệu về người Mường do các nhà khảo-cổ Việt và Pháp trước đây viết ra. Tôi bỗng nhớ đến một nhân-viên khác của Viện đã từ gần hai năm nay học tiếng Mường tại quận Lạc-Thiện.

— Ông có được tin gì về Ông Blood không ?

— Ông ta trở về Saigon, nhưng sắp lên lại.

Tôi bỗng nhận chân rằng, không riêng gì tại vùng rừng núi Nam-Mỹ, tại Việt-Nam, nhân-viên của Viện cũng sống qua những phút nguy-hiểm. Năm vừa rồi, quận lỵ Lạc-Thiện bi bọn Việt - Cộng quấy rối. Nhưng ông Blood vẫn bình tĩnh tiếp tục công cuộc nghiên-cứu cho đến nay, và đã mấy lần từ chối không chịu rời quận lỵ Lạc-Thiện để đến một nơi an toàn hơn, vì ông muốn ở ngay tại chỗ có người nói thổ-ngữ Mnongar.

***

Hiện nay, công cuộc nghiên-cứu các thổ ngữ tại Việt-Nam đang được phát triển điều hòa dưới sự điều-khiển của giáo-sư Pittman và với sự hợp tác của các chuyên-viên thuộc nhiều quốc-tịch khác nhau và đang hoạt động rải rác tại các Tỉnh.

Một dự án thỏa hiệp để ấn định thể thức hợp tác giữa Bộ Q.G.G.D. và Viện Chuyên Khảo-Ngữ-học.

***

Sáng nay, Colin Day, một chuyên-viên người Anh hiện đang nghiên-cứu tiếng Thổ tại Tùng-Nghĩa thuộc Tỉnh Tuyên-Đức đến từ biệt tôi để trở về Anh-Quốc thi nốt bằng Tiến-Sĩ.

— Tôi hy-vọng, sau khi thi xong, sẽ có dịp trở lại Việt-Nam để tiếp tục học hỏi về tiếng Thổ.

Chúng tôi nhắc đến công-trình nghiên cứu Việt - Ngữ của giáo sư Honey và các tài liệu về sử-học Việt-Nam hiện được lưu-trữ tại Anh-Quốc, và riêng tôi bắt tay tiễn người thanh-niên hiếu-học đó, đi nghiêng mình trước những cố-gắng và hi-sinh âm-thầm của những con người đang say mê phụng-sự lý-tưởng.

NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO
Đã cho phát hành tại khắp các hiệu sách

TIẾNG HÁT TỰ LÒNG ĐẤT doãn quốc sỹ
HẮN minh đức hoài trinh

●

đón đọc

CHIẾC BÈ NỮ CHÚA *(tiếp Tiếng hát tự lòng đất)*
ĐÊM ● MẶT TRỜI TÌM THẤY | *thơ* | thanh tâm tuyền

Riêng về tập thơ Thanh Tâm Tuyền số in bản quý, có hạn (1000) Các bạn yêu thơ xin gửi tiền bằng cách hỏi xin tại bưu cục nơi bạn ở thiếp phiếu (Mẫu số HC — 1418) để gửi tiền cho Doãn-Quốc-Sỹ, trương mục 16.22, Chánh Trung-khu Saigon. Gửi theo lối này quý bạn khỏi phải mua bưu phiếu, cũng khỏi phải gửi thư bảo đảm, đỡ tốn bưu phí.

một hình-thức xâm nhập mới của cộng-sản

ĐÀO QUANG HUY

(xin xem B. K. từ 176)

B — Quan-niệm về viện trợ của Cộng-sản.

Gạt bỏ ra ngoài một vài dị biệt nho nhỏ giữa hai thể-thức viện-trợ Nga-Sô và Trung-Cộng, chính sách viện-trợ các quốc-gia nhược-tiểu của Cộng-Sản đều nương theo một số nguyên tắc mà ta có thể thâu tóm như sau :

Nguyên-tắc 1 — Công cuộc viện trợ được khoác một hình thức bình đẳng.

Nguyên-tắc 2 — Công cuộc viện trợ nhằm tuyên truyền lôi kéo các tầng lớp đại chúng bình dân.

Nguyên-tắc 3 — Công cuộc viện trợ nhằm phô-trương lực-lượng tinh-thần nhiều hơn là nâng cao khả-năng vật-chất.

Nguyên-tắc 1 — *Viện-trợ Cộng-sản được khoác một hình-thức bình-đẳng.*

Thành-thật mà suy nghĩ, không bao giờ kẻ đi nhờ cậy lại có thể được đối đãi ngang hàng với người cho nhờ cậy. Vậy mà, vì mục đích mỵ-dân, Cộng-sản luôn luôn khoác cho công cuộc viện-trợ của họ một hình-thức bình-đẳng, dù chỉ là một hình thức bình-đẳng giả tạo. Kroutchev cũng như Mao - Trạch - Đông luôn luôn nhắc đi nhắc lại rằng : « viện-trợ không phải là bố-thí mà là sở cậy lẫn vào nhau ».

Cộng - Sản hết sức tránh các hành vi khiến quốc gia hưởng viện trợ, sẵn có mặc-cảm của kẻ ngửa tay, cảm thấy địa vị kém thế của mình. Nga-Sô cũng như Trung-Cộng thường gởi tới các quốc gia nhận viện-trợ các phái-bộ nghiên cứu tỉ mỉ tại chỗ những loại nhu cầu của địa-phương mà họ có khả-năng thỏa mãn. Sau đó chính phái-bộ Cộng-sản đề nghị loại tính và

số nhân lực hay vật-lực viện-trợ cho quốc gia này. Khi đề-nghị của Cộng-Sản đã được quốc gia hưởng viện-trợ chấp nhận, các chuyên viên Cộng-sản nghiên cứu các phương-thức thực hiện cùng với sự hợp tác của nhân viên chính-quyền địa phương. Tuyệt đối Cộng-sản không bao giờ nhận đơn xin viện-trợ để hoặc loại bỏ hoặc giới hạn số lượng một vài đề mục viện-trợ theo kiểu Hoa-Kỳ và Tây-Phương. Loại tinh số lượng tài vật viện-trợ và thời hạn giao nạp đều do Cộng-sản thỏa thuận trực tiếp với quốc gia thụ-hưởng.

Nga - Sô cũng như Trung - Cộng không hề đòi các quốc - gia thụ - hưởng viện-trợ phải trả minh bằng ngoại tệ. Cộng-sản cũng vui lòng nhận các sản phẩm địa-phương dù rằng trong thực-tế, phần lớn các sản phẩm này đều được Cộng-sản phá-hủy sau khi được đưa ra khỏi biên cương quốc gia sản-xuất. Viện trợ Cộng-sản luôn luôn được thực hiện qua các hiệp-ước thương mãi mà nhiều chính khách ngoại-quốc đã gọi lầm là hiệp-ước hoán-vật.

Với nguyên-tắc này trước hết về phía các quốc-gia thụ hưởng, Cộng-Sản dễ dàng gây được thiện cảm và thu phục được nhân tâm. Hầu hết cái khu vực thiếu mở mang là cựu thuộc địa của Tây-Phương, mới thâu hồi được độc lập. Vốn có tự-ty mặc cảm, họ sẵn sàng thân thiện với bất cứ một cường quốc nào tỏ ý muốn đối xử ngang hàng với họ. Được giao thiệp bình đẳng với Cộng-Sản, họ tự thấy được hãnh diện và do đó chẳng hề lưu ý tới bất cứ một hiểm nghèo nào khi hiểm nghèo ấy chưa phát hiện.

Về phía Cộng-Sản, nguyên-tắc này đã giúp cho Cộng-Sản có «danh chính ngôn thuận» mỗi khi đòi hỏi quốc-gia thụ hưởng viện-trợ một loại sản phẩm hay dịch vụ dùng làm đổi khoản. Quốc - gia nhược-tiểu cũng cảm thấy được vinh-dự giúp trả lại Cộng-Sản một việc gì. Về điều này, Cộng sản đã sử-dụng các ngón đòn tuyệt vời. Thông thường Cộng-Sản chỉ xin mua lại các sản phẩm ứ đọng của địa - phương, nhưng Cộng-Sản cố gắng để có được độc-quyền đứng mua sản phẩm ấy như trường hợp cao-su của Tích-Lan, đường của Cuba chẳng hạn.

Sản-phẩm hoặc dụng-cụ trước khi được gởi tới nhược - tiểu quốc, Cộng-sản đã hoạch-định cho một phương-dụng rõ ràng: Lưỡi cày để phát cho nhà nông, máy phát điện cỡ lớn và cỡ nhỏ để cung cấp điện lực cho thôn quê, khăn quàng cổ nông dân Tiệp - Khắc gửi tặng thôn nữ Tích-Lan v.v... Riêng về các cơ sở quan trọng như các xưởng máy lớn các bịnh viện, học đường v.v... Cộng - Sản gửi tới nhược - tiểu quốc vừa chuyên viên vừa thợ-thuyền để tự tay hoàn thành cơ-sở ấy và trao lại cho quốc-gia thụ hưởng sau khi đã điểm lên chỗ cao nhất của cơ-sở này bằng chữ địa-phương, khẩu hiệu «quà tặng của nhân-dân Sô-viết», hoặc sau khi đã đặt cho cơ sở này một cái tên thật kêu,

được đắp thành những chữ thật to và thật nổi... Nhưng một khi đã trao vật liệu, nhân công hay cơ sở cho quốc gia thụ hưởng rồi, thì Cộng-sản không bao giờ để lộ cho cho quốc gia ấy biết có sự theo dõi kiểm-soát của họ, cũng như không hề bao giờ can dự vào việc sử-dụng, điều động hay quản-trị những tài-vật họ đã viện-trợ. Đó cũng kể là một dụng tâm khéo léo của Cộng-sản.

Chuyên-viên Cộng.sản gởi tới quốc-gia hưởng viện-trợ cũng đã được huấn-luyện chu đáo để tôn trọng nguyên-tắc này. Tới địa-phương thủ đoạn của họ là hòa mình rất nhanh vào đời sống bình dân. Không phân biệt màu da, chủng tộc, không nề hà sự cách bậc về trình-độ văn-minh, họ ăn, ngủ, giải-trí làm việc cùng với và y hệt dân địa phương không bao giờ họ đòi hỏi các phương-tiện phụ trội và xa xỉ, như nhà ở, xe cộ, nhân công lao dịch v.v...

Tôn thờ một chủ-nghĩa duy vật, Cộng-sản lại khéo biết lợi-dụng những yếu-điểm tâm-lý hơn Tây-Phương. Với nguyên tắc trên đây, luôn luôn Cộng-sản chứng nghiệm rằng cách thức bố-thí bao giờ cũng quý giá hơn là của đem ra bố thí.

Nguyên-tắc 2 — Viện-trợ Cộng-sản nhằm tuyên truyền lôi kéo tầng lớp đại chúng bình dân.

Cộng-Sản thường chỉ-trích viện-trợ Tây-Phương là để tạo ra tại các quốc-gia hưởng viện-trợ một giai-cấp tư-bản mới, vì chỉ có một lớp người đặc-biệt được hưởng thụ mà thôi. Điều ấy khiến cho mực độ chênh lệch tài-sản sẵn có tại quốc-gia này càng thêm trầm trọng, gây thiệt hại không ít cho tình đoàn kết nhân dân. Lời chỉ trích ấy của Cộng-Sản không hoàn toàn hàm hồ. Trái ngược với Tây-Phương thay vì gởi tới quốc-gia hưởng viện-trợ các phương-tiện phục-vụ cá-nhân như du-thuyền, xe du-lịch mày điều-hòa không-khí v.v... viện-trợ Cộng-Sản chỉ đưa tới các quốc-gia này những dụng-cụ phục-vụ đại chúng như xe chuyên chở công-cộng, máy chớp bóng công-cộng v. v. . .

Các ngân-khoản viện-trợ Cộng-sản cũng thường được chi dùng vào các việc lợi ích công cộng, rất ít khi được trao hẳn cho một cơ-quan hay một đoàn thể nào để hưởng ích riêng một mình.

Khác với viện-trợ Tây-Phương, không những Cộng-sản cung cấp các chuyên-viên mà còn gởi tới các quốc-gia hưởng viện-trợ một số nhân công không ít. Tại Phi-Châu, người ta đã được chứng kiến nhiều đoàn thợ Trung-Cộng làm việc dưới sự điều-khiển của một số kỹ-sư Tây-Âu. Trong nhiều xưởng máy được xây cất và trang bị bằng tiền của viện-trợ Hoa-Kỳ, thợ thuyền và các cấp làm việc lại là các công-nhân do Nga Sô gởi tới. Tại các đồn-điền trồng tỉa, công-nhân Trung-Cộng canh tác bằng các máy móc của Hoa-Kỳ...

Những sự việc ấy cho phép người ta nghĩ rằng viện-trợ Cộng-

sản chú trọng vào bề rộng trong khi viện-trợ Tây-phương chỉ chú trọng về bề cao.

Nhờ vào nguyên-tắc này, so với viện-trợ Hoa-Kỳ, trị giá viện - trợ Cộng-sản thua sút rất nhiều, nhưng số người được hưởng viện - trợ Cộng-sản lại đông gấp bội. Với một số của tối thiểu, Cộng-sản đã tạo được tăm tiếng tối đa. Các chính khách Tây-phương phê-bình viện-trợ Cộng-sản là chỉ nhằm vào việc phô trương thanh thế mà không nhằm vào các mục tiêu thực dụng, một phần cũng là vì nguyên tắc thứ hai này vậy.

Nguyên-tắc 3 — Viện-trợ Cộng-sản nhằm phô-trương lực-lượng tinh-thần nhiều hơn khả năng vật chất.

Thực tế tại nhiều nơi và nhiều lần đã cho thấy rằng Tây-phương bỏ tiền xâytrường học và thư-viện để Cộng-sản đem tới tặng sách vở truyền-bá chủ-nghĩa đại-đồng ; Tây-phương xây cất xưởng thợ và trang bị máy móc để Cộng-Sản gởi tới các chuyên-viên huấn-luyện hợp tác-xã, Tây-Phương gởi máy cày, phân bón để cán-bộ Cộng-Sản tới giảng dạy cách tổ-chức hợp canh công lao chia lợi ; Tây-Phương xây cất các hý-viện để Cộng-sản phái nghệ-sĩ tới huấn-luyện ca-vũ Lỗ-Mã-Ni ; Tây-Phương xây dựng đài phát thanh để nhân-viên Cộng-Sản hàng tuần quảng-bá chủ-nghĩa Lê-Mác...

Cộng-sản công-nhận sự thua sút của họ về phương-diện kỹ-thuật. Máy-móc Tiệp-Khắc, len sợi Lỗ-Mã-Ni, thực-phẩm Trung-Cộng so với sản phẩm Tây-Phương đều thô kệch và chóng hư mòn. Chuyên-viên Cộng-sản gởi tới các quốc-gia nhược-tiểu thường vẫn cố dành tiền để mua đem về chính quốc một áo len Anh-Cát-Lợi hay một hộp quẹt máy Tây-Đức. Ý-thức được sự thua kém về khả-năng kỹ-thuật vật-chất đường như Cộng-sản đã đem toàn lực ra thi thố trên địa hạt tinh-thần và tình-cảm.

Cộng-sản chuyên dùng tình-cảm và tinh thần để truyền-bá chủ-trương duy-vật trong khi Tây-Phương chỉ quen dùng sự phồn thịnh vật chất để cám dỗ và nắm vững tinh-thần các dân tộc bán khai. Đó là một điều nghịch lý mà ta không thể phủ nhận nổi.

Trong cuộc thi-đua viện-trợ các tiểu-nhược quốc, Cộng-Sản đã cố gắng tạo ra giữa họ với quốc-gia hưởng viện-trợ một quan-hệ tinh-thần mỗi ngày mỗi thêm mật-thiết, trong khi Tây-Phương chỉ cố gắng diễn tả hết mối nhiệt tâm của mình bằng số lượng vật liệu đem ra viện-trợ. Một khi, vì một lý do nào mà sự viện-trợ phải chấm dứt thì quốc-gia thụ hưởng bấy lâu viện-trợ của Tây-Phương thường thường cũng chẳng tỏ ra mảy may luyến tiếc hay biết ơn, là vì mối liên-hệ giữa quốc-gia này với Tây-Phương chỉ là mối liên hệ vật-chất, nhất là luôn luôn chờ đúng cơ hội đó, Cộng-sản sẽ chia tay mời quốc-gia vừa bị bỏ rơi, nếm thử các món

viện-trợ tinh thần của họ. Hiểm họa Cộng-Sản chắc chắn sẽ diễn biến theo kinh-tế của họ.

II – Một quan-niệm về hòa-bình của Cộng-sản

Chiến-thuật xâm nhập của Cộng-Sản liên kết chặt chẽ các kế-hoạch kinh-tế với quan niệm về hòa-bình. Cùng một lúc, Cộng-sản phô-trương các tiến bộ đã thâu lượm được trong cơ-cấu kinh-tế xã-hội nhân-dân và biểu lộ ý-chí hòa-bình của các chính-phủ Cộng-Sản để chinh phục khối đệ tam thế-giới. Cuộc xâm nhập của Cộng-sản bằng các phương pháp « hòa-bình » không thể tách rời khỏi cuộc xâm nhập theo chiến-thuật « tàm thực » về

Cộng-Sản quan-niệm « hòa-bình » theo binh-thuyết Clausewitz. Hòa-bình không chấm dứt chiến-tranh, hòa-bình kế-tục (1) chiến-tranh. Theo tờ « Pravda » ngày 18-4-1960 và bài diễn văn Krouchev đọc trước quốc dân Sô-viết nhân ngày húy-nhật Lê-Nin (22-4-1960), thì chính phủ Sô-Viết sẽ dùng tất cả mọi khả năng của mình để tránh cho nhân dân một cuộc thế-chiến thứ ba. Nga-Sô kêu gọi các nước Đồng-minh đứng lên thành lập Mặt-Trận Hòa-Bình thế-giới. Với việc thành lập Mặt-trận này, Cộng-sản đã nắm độc quyền về hòa-bình và công nhiên đầy trách nhiệm gây chiến về phía Hoa-Kỳ và Tây-Phương.

Quan-niệm của Marx và Engels coi chiến tranh như không thể tránh được vào lúc thế-giới chuyển mình từ xã-hội tư-bản sang xã-hội vô-sản, đương nhiên đã bị Nga-Sô và chư hầu (ngoại trừ Trung-Cộng) coi như một quan niệm lỗi thời. Mở kinh nghiệm phong-phú Cộng-sản thâu lượm được trong nhiều năm trước đây đã khiến các nhà lãnh-đạo Cộng-Sản thay đổi quan-niệm: Cộng sản bành trướng dễ dàng trong hòa-bình (hiểu theo Clausewitz) hơn là trong chiến-tranh.

Trước hết quan-niệm về hòa-bình của Kroutchev được minh giải bằng ý-niệm cho rằng chiến-tranh chỉ đem giai cấp vô-sản của các quốc-gia tham chiến ra chém giết lẫn nhau. Bọn tư bản, với địa vị ưu-thắng trong xã-hội tư-bản không bao giờ chịu phí mạng trong các trận giáp chiến. Chiến tranh, như vậy, chỉ làm thiệt thòi cho hàng ngũ vô sản mà thôi. Do đó, loại chiến tranh chống tư bản theo ý của Marx và Engels chưa có thể xảy ra trong lúc này được.

Bộc lộ ý chí hòa-bình, không phải Cộng-Sản không ưa chiến tranh. Bằng hình thức tuyên nhận Hòa-bình, Cộng-sản có đủ thời giờ xiết chặt hàng ngũ vô-sản thế-giới để tới một giai-đoạn nào đó, khi thấy

(1) Continuer.

chiến tranh (hiểu theo Marx và Engels) thuận lợi cho mình, Cộng-Sản sẽ không ngần ngại tuyên chiến với Hoa-Kỳ hay Tây-Phương.

Gần đây, các lý-thuyết gia Cộng-Sản (8) đã phân chia chiến tranh làm hai loại :

— Chiến-tranh chính nghĩa.

— Chiến-tranh tà ngụy.

Theo họ chiến-tranh tà ngụy là thứ chiến-tranh xảy ra giữa hai hay nhiều quốc-gia, còn chiến-tranh chính nghĩa là chiến-tranh của vô sản lợi dụng để quật ngã tư bản. Khi tuyên bố ý chí hòa-bình, thâm ý Cộng-Sản là trốn tránh loại chiến tranh mà họ gọi là « tà ngụy », bất lợi cho họ, chứ không phải là trốn tránh hết thảy mọi hình-thức chiến-tranh.

Gần đây và đặc-biệt kể từ khi hiệp-ước Mạc-Tư-Khoa về việc cấm thí-nghiệm bom nguyên-tử được kết lập, quan-niệm gây hấn và phòng thủ của Cộng-Sản đã hoàn toàn thay đổi. Trước đây Cộng-Sản đặt trọng tâm vào việc nhồi sọ binh-sĩ bằng chiến-thuật, chiến-pháp đại-đồng (9) thì nay Cộng-Sản đã trở lại với các công-thức cổ-điển nhằm việc khuyến-khích và phát-triển lòng ái-quốc của nhân dân về quân-đội. Tinh-thần của các vị anh hùng dân tộc Nga-La-Tư như Pierre le Grand, Souvorof, đã bị cố ý lãng quên từ lâu, nay lại được nhắc nhở lại một cách rầm rộ. Các ủy-viên chính-trị trong quân-đội Cộng-Sản bấy lâu thấm nhuần chủ-trương thế-giới đại-đồng nay đã được nhất loạt thay thế bằng các « Zampolits » mà chỉ thị tổng-quát nhận được của thượng cấp là đặc biệt phát-huy lòng ái-quốc địa phương. Hành-động như vậy, không phải là Cộng-Sản thoái hóa mà là để dự phòng một cuộc chiến-tranh « tà ngụy » có thể xảy ra mà bất đắc dĩ Cộng-Sản sẽ phải đương đầu. (Quan điểm này của Nga-Sô đã bị Trung-Cộng cương quyết bác bỏ và lên án. Đó là nguyên nhân chính yếu của tình trạng xô-xát Trung-Sô hiện tại).

Dưới hình-thức « hòa-bình » đồng thời sửa soạn công cuộc phòng thủ cổ-điển bằng bức thành vô hình của lòng ái-quốc, Cộng-Sản vẫn tiếp-tục xâm nhập thế-giới bằng một thứ chiến-tranh ngầm.

Bằng hình thức chiến-tranh ngầm này, Cộng-Sản hiện đang ra sức tấn-công nền kinh-tế tư-bản, khởi đầu bằng trận « đường Cuba », rồi đây, nếu Hoa-Kỳ và Tây-Phương không kịp thời đối phó với thời cuộc các trận chiến tương tự sẽ tiếp-diễn cho tới khi nền kinh-tế phi Cộng-Sản bị sụp đổ (xem chương I).

Đồng thời với chiến-thuật tấn-công kinh-tế, sẵn có thiện cảm của đệ tam thế giới về ý chí hòa-bình, Cộng-sản đang nuôi dưỡng các phong trào nổi loạn địa phương, viện-trợ vật-liệu và tinh-thần cho

---

(8) Đặc biệt xin kể Boulganine. Xem La thèse de Boulganine (R.D.N) Avril 1956).

(9) Tức vô sản chống tư-bản.

giai-cấp đang bị áp-bức (vì bất công xã-hội) chờ cơ hội thuận lợi liên kết tất cả lại làm một lực lượng duy nhất để lật nhào một loạt các chính phủ không thân Cộng.

Hình thức xâm nhập mới này của Cộng Sản còn đáng để chúng ta suy nghĩ nhiều hơn nữa.

ĐÀO-QUANG-HUY

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

Ph. Schneider — Die Technische Hilfe als Waffe der Kommunistischen Durchdringung der Entwicklungslander.

— La pénétration de l'axe Moscou — Pékin.

— Treize ans d'assistance soviétique aux pays sous développés.

— La technique d'assistance soviétique.

— Pékin et le Tiers Monde.

M. Lubrano — Lavadera : L'Ours dans la bergerie.

Đã phát hành trên toàn quốc

Gia tài người mẹ

Truyện ngắn Dương Nghiễm Mậu

BÌA BỐN MÀU MỸ THUẬT CỦA TRỊNH CUNG

TÁC PHẨM THỨ SÁU DO TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN — GIÁ **40** ĐỒNG.

Tháng 7, tìm đọc :

Chí-sĩ Nguyễn-Quang-Diêu

của NGUYỄN - VĂN - HẦU

do NGUYỄN - HIẾN - LÊ đề tựa

- Một cuốn sử chân-xác về cuộc đời của một nhà cách-mạng từng ngồi chung với cụ Cường-Để tại Hồng-Kông và từng bôn-ba trên nhiều nước Đông, Tây.
- Một tài-liệu phong-phú về *Phong-trào Đại-Đông-Du* tại miền Nam chưa hề được công bố.
- Ngót 98 bài thơ, đa số là thơ ca ái-quốc, làm tại nhiều nơi trên hoàn-cầu.

Sách dày 220 trang, giá **70đ**. **XÂY-DỰNG** xuất bản

cái hậu trong tác phẩm văn - chương Việt - Nam

● VŨ-HẠNH

(Đề tài thuyết trình do Trung Tâm Văn Bút tổ chức tại Học viện Quốc gia Hành chánh Saigon ngày 28-6-64).

ĐOẠN kết là mối băn-khoăn rất lớn của mọi người làm văn nghệ, cũng như của mọi người sống trên đời.

Bản thân chúng tôi trong việc sáng tác nhiều khi đã chịu bỏ cuộc vì không thể nào quan niệm rõ rệt về một đoạn kết, hoặc đã tự mình dẫn dắt câu chuyện đến một kết thúc không mấy hài lòng. Đôi khi những chuyện đã thanh toán rồi cũng có thể khiến chúng tôi ăn ngủ không yên. Xin đưa một cái ví dụ cụ thể :

Trước đây, tôi có viết một truyện ngắn đường rừng, kể lại mối tình của một anh chàng rỗ mặt, vì lời thách thức của một cô gái xinh đẹp, đã ngậm nơi miệng ổ ong to tướng để làm sính lễ cầu hôn. Cuối cùng, cô gái đồng ý lấy anh chàng đó và phải tận-tâm săn sóc gần nửa năm trời anh mới lành hết nọc độc của giống ong rừng tác hại. Truyện nầy viết ra chẳng được mấy ai lưu ý. Nhưng rủi ro thay, vài bạn thân tình của tôi có để mắt tới và công kích tôi về cái đoạn kết quá sức đôn hậu, hiền lành như vậy. Theo các bạn ấy người ta phải cho một trong hai người chịu sự thiệt hại thì mới đúng với kiểu cách tiểu thuyết. Hoặc là anh chàng quá si-tình ấy ngậm được ổ ong đến nhà cô gái thì lăn ra chết ngay đó, hoặc là cô gái nuốt gọn lời hứa, đừng có kết tóc xe tơ gì hết. Trước sự tha thiết của bạn-hữu, tôi có hứa hẹn là đợi khi nào đem in thành sách, sẽ tìm mọi cách hãm hại một người, nhưng mà sau đó, tôi đành vứt bỏ truyện ấy, không nhắc đến nữa. Một phần vì tôi nhận thấy rằng họ lấy nhau và sống với nhau trọn đời là điều hết sức hợp lý, hết sức nhân-đạo, một phần vì đó là một chuyện thực xảy ra hiển nhiên như thế. Nhưng nếu sự thực không

được như vậy, lẽ nào những người cầm bút, với cái quyền phép của mình, lại chẳng kêu đòi, bênh vực được cho lẽ phải hay sao ? Ví phỏng anh chàng ngậm ổ ong kia rủi ro chết đi, tại sao chúng ta lại không tiếp sức cho anh ta sống, nếu sự sống ấy xét thấy là điều rất đáng khuyến khích câu chuyện ?

Trình bày như vậy tôi không hề có chủ ý cho rằng mấy người bạn mình vốn là độc ác, bất nhân, mà đấy chỉ là quan-niệm khác nhau về một đoạn kết, về một kiểu cách nhìn nhận cuộc đời. Đi vào cuộc sống, chúng ta nhận thấy không hẳn ai cũng giống ai về một ý-niệm kết thúc. Nếu có người như Mã-Viện nằng nặc đòi chết giữa chốn sa trường bụi lỗ thì cũng có rất nhiều người ở trong chúng ta muốn được lìa đời trên tấm đi-văng gia-đình. Báo chí gần đây có đăng tin cậu học sinh buồn việc tình-duyên trắc trở nên uống độc dược tự tử nhưng rồi sau đó thấm thía về một đoạn kết xé gan bứt phổi, cậu ta bèn thuê xe chạy xuống cầu xa lộ, lao mình xuống nước, cố tìm một đoạn kết thúc hoàn toàn mát mẻ. Nhưng khi lặn ngụp giữa dòng cậu mới thấy rằng kết thúc như vậy quả không dễ chịu như mình vẫn tưởng. Thế là cậu bơi vào bờ, đón xe, chạy lên bệnh-viện rửa ruột. Trong số những người tự-tử, cậu này đã đua nước rút cùng với tử thần và thắng được cuộc. Bây giờ cậu còn có đủ tự do để suy nghĩ về một kết-thúc khác, thoải-mái và dễ chịu hơn.

Như thế, quả không có gì mới mẻ nếu nhận định rằng đoạn kết đã quyết định hẳn cho mọi việc làm, cho mọi bố cục. Đôi kẻ yêu nhau có thể tự hỏi : « Tình yêu của họ rồi sẽ về đâu ? » và sự « về đâu » sẽ làm cho tình yêu họ trở nên dè dặt hay càng liều lĩnh, trở nên tầm thường hay càng cao đẹp. Câu định nghĩa «người là giống vật nhận thức có mục-đích » có lẽ là câu định-nghĩa hết sức sâu sắc về người, hết sức tích cực về người, vì đã nhìn thấy ý hướng cuối cùng của người trong mọi công việc và đặt rõ rệt con người trước một trách-nhiệm. Bởi lẽ chỉ có con người mới biết băn-khoăn mình sẽ ra sao, mình phải làm gì, mình đi về đâu. Chỉ có khi nào mất hẳn niềm tin về đoạn kết ấy, con người mới thấy hoang mang, mới thành liều-lĩnh và có thể tự xóa bỏ nhân tính của mình để sống theo những xuẩn-động bản năng. Lịch-sử cũng từng chứng tỏ rằng những thời kỳ hỗn loạn trầm-trọng đều do những sự khủng-hoảng chính trị, khủng hoảng tôn giáo gây nên, trong đó con người không tìm thấy được đoạn kết thỏa đáng của cuộc đời mình, dù đoạn kết ấy chỉ là giả-tưởng.

Do đó khi một nhà văn viết một tác phẩm là nói lên một vấn-đề của người, là bày tỏ một thái độ về đời. Dù muốn, dù không, tác phẩm cũng đề nghị với người đọc một cách nhìn nhận sự sống, và nhà văn phải chịu hết trách nhiệm về đề nghị ấy. Bởi vậy người cầm bút nào cũng có ý thức về một kết thúc, vì chỉ kết thúc mới biểu lộ được đầy đủ quan-niệm của họ về một cuộc sống. Bàn về viết văn André - Gide đã nhận xét : «Điều mà người ta tìm ra sau hết khi thực

hiện một bài văn là đoạn mở đề ». Thiết tưởng có thể nói thêm : « Và điều tìm ra trước hết là đoạn kết-luận ». Chúng ta thường thấy những kẻ cầm bút bi quan bao giờ cũng muốn làm cho đoạn kết của tác phẩm họ rách rưới, tiêu điều, những người lạc quan luôn luôn hướng sự kết thúc về niềm hoan hỉ, về sự sum họp, đề huề. Còn những cán bộ thông tin vẫn ưa giải quyết đoạn kết bằng những khẩu hiệu sôi nổi. Tôi đã được đọc một bài lục bát của một anh bạn phụ trách tuyên-tuyền than khóc người vợ yêu quí qua đời. Sau một đoạn dài kể lể, anh ấy hạ xuống một câu bi thảm : « Bao giờ gặp mặt đôi ta ». Rồi tiếp liền đó, có lẽ nhớ đến nhiệm-vụ của mình hàng ngày, anh ta kết-thúc : « Việt-Nam dân chủ Cộng-Hòa muôn năm ! ». Như vậy, quả thực là điều tai hại cho cả đôi bên : chế độ chắc không cảm thấy an lòng khi được một kẻ mặt mày sầu não suy-tôn, vong hồn người vợ chắc không hoàn-toàn vui vẻ vì phải giật mình giữa lúc đang còn chờ đợi những tiếng nỉ-non tâm sự.

Xét sự biến chuyển văn học, chúng ta nhận thấy đoạn-kết của các tác-phẩm không hề có một tính cách hoàn toàn đa dạng, phân tán theo cái tùy hứng chủ quan của người cầm bút hoặc theo nhu cầu bất thường của những độc giả. Đoạn kết trong mỗi thời kỳ văn-học, đều có một cái tính cách tiêu biểu rõ-rệt, nói lên một sức phản ứng gần như giống nhau giữa những lớp người cầm bút tiêu biểu cho một thời kỳ. Bởi lẽ, con người, dù con người ấy là nhà văn-nghệ tài năng tuyệt vời, cũng ở trong vòng chi-phối của những quyền lợi vật chất, tinh thần của xã hội mình, và trong điều-kiện sinh hoạt giống nhau, họ đều có những phản ứng gần như tương-đồng.

Dưới thời phong kiến, hầu hết tác phẩm đều hướng về một đoạn kết vẹn toàn của sự tái ngộ đoàn viên. Bố cục tác-phẩm dựa theo một cái công thức bất liến : gặp gỡ, chia ly rồi gặp gỡ lại trong niềm hoan hỉ chứa chan. Xem như nàng Kiều trôi giạt mười lăm năm dài đăng đẵng rồi nhảy xuống giữa sóng nước Tiền-Đường, vậy mà một sớm một chiều gặp lại gia đình, gặp lại người tình ngày trước, ai cũng khoẻ mạnh, tốt tươi đúng mức. Còn Lục Vân-Tiên, chàng thì mù lòa giữa núi, nàng thì lao đầu xuống biển, vậy mà một hôm nào đó, về sau, họ lại gặp nhau, sáng sủa, mạnh lành, mười phần không có phần nào sứt mẻ. Ngoài xưa thật chưa biết dùng sinh tố, cũng chưa biết tập Yo-Ga, thế mà sức khoẻ xem ra có phần bền-bỉ hơn chúng ta đây gấp bội. Thời gian, đối với sự sống của họ, xem cũng dễ dãi hiền lành, không nuôi ý phá hoại nào đáng kể. Đấy là chưa nói cọp beo ngày xưa ở núi ở non không có lý gì lại lương-thiện hơn cọp beo hiện tại ! Và biển và sông thuở trước, dù có trải qua nhiều cuộc tang thương, vẫn chưa đến nỗi thiếu nước để cho một nàng Nguyệt Nga hay một nàng Kiều có thể uống sình bụng được ! Nếu xét Hoạn-Tiên hay Nhị-độ-Mai, hay là bất cứ tác phẩm nào khác chúng ta cũng sẽ gặp lại cuộc đời có thủy có chung, có nghĩa có tình, tương tự như thế. Cho đến

những sách không phải tiểu thuyết chỉ diễn tả một tâm trạng bi thương như là Chinh-phụ Ngâm Khúc, Cung oán ngâm-khúc, đoạn kết cũng gợi lại các niềm vui sum họp. Người xưa, sống trong tình-trạng hỗn chiến liên-miên, những kẻ ra đi đều phải cầm chắc « không hẹn ngày về », vậy mà Chinh-phụ vẫn nhìn thấy được cái cảnh :

Xin vì chàng xếp bào, cởi giáp.
Xin vì chàng rũ lớp phong sương.

để rồi

Liền ngâm, đối ẩm đòi phen.
Cùng chàng nối lại mối duyên đến già ?

Còn nàng cung nữ, đã bị tình vua ruồng rẫy, âm thầm sống cảnh :

Nghiêng bình phấn mốc mà đời má nheo.

Lúc cuối, cũng lo ngại trong tin tưởng :

Phòng khi động đến cửu trùng.
Giữ sao cho được má hồng như xưa ?

Sự « mê tín đoàn viên », nói như Hồ-Thích, trong nền văn học cổ điển không chỉ thâu gọn trong những tác phẩm tiểu thuyết mà đã trở thành một tác phong chung cho mọi công trình văn-nghệ. Đa số tuồng hát ngày xưa đều được quan niệm theo một diễn-biến tương-tự, đúc kết thành cái công thức như sau : « Vua băng, nịnh tiếm, bà thứ lên chùa» và «chém nịnh, định đô tôn vương, tức vị». Cứ thế, tuồng phải có vua và vua đang sống ngon lành cũng phải lăn ra mà chết. Vua phải chết đi, cho nịnh tiếm ngôi. Nịnh tiếm ngôi rồi phải có một bà phi — và phải là một thứ phi — chạy trốn lên chùa. Bà thứ phi này nhất định là phải có mang — cố nhiên là với nhà vua — và cũng nhất định không chịu sẩy thai trong bước chạy loạn gian-nan. Như vậy bà ta phải đẻ ra một hoàng tử để đợi ngày lành tháng tốt kéo quân về triều, chém đầu thằng nịnh, định lại kinh đô, tiếp tục nối ngôi thiên-tử. Cái công-thức ấy đã thành một thứ qui-luật nội dung phổ-cập, bất biến cho mọi công trình nghệ-thuật. Nếu có một tác phẩm nào không áp dụng đúng theo tinh-thần ấy thì chỉ là một ngoại lệ, một thứ tai nạn nghệ-thuật mà thôi.

Người ta có thể tự hỏi vì sao các tác phẩm cổ chứng tỏ một niềm tin lớn ở các lẽ phải cuộc đời mà nó cho rằng chí công, ở cái trật-tự xã-hội mà nó nghĩ rằng bất dịch, trong một đoạn kết vẹn toàn như thế ?

Tất nhiên, trong sự quan niệm tác-phẩm, tinh-thần tác-giả đã bị chỉ định bởi những điều kiện cụ thể ở trong hoàn cảnh xã-hội bấy giờ. Trước hết, chúng ta thấy rằng văn-nghệ ngày xưa là sản phẩm của tầng lớp kẻ sĩ, lớp người tuy có thể từ quần chúng xuất thân nhưng khi đỗ đạt thành danh vẫn tự xem mình là « cha mẹ dân » vì họ đại diện quyền lợi vua chúa mà lãnh nhiệm-vụ « chăn-dân ». Trên tinh thần đó, tác-phẩm phải được kẻ sĩ quan niệm như là phương-tiện chở đạo, vì cái đạo ấy thâu gồm tất cả tiêu chuẩn trung biến tiết nghĩa của một trật tự phong kiến với lòng gắn bó sâu xa, tin tưởng nhiệt thành ở trật tự ấy. Kẻ sĩ ngày xưa không thể quan niệm có một tổ chức nào khác là cái tổ chức vua quan thay trời trị dân, không thể tưởng tượng có một xã hội nào khác là cái xã-hội tôn ti phong-kiến. Họ đã đồng-hóa với chế-độ ấy và dốc một lòng sống chết đối với chế-độ. Ngoài

những tác phẩm thù tạc tâm sự riêng tây, khá nhiều công trình văn-nghệ ngày xưa do những kẻ sĩ sáng tác đều được hướng về quần chúng, nhằm tác động vào quần chúng. Tuy không có sự học hỏi phổ biến như là hiện tại, quần chúng ngày xưa vẫn nghe truyện kể qua người hát dạo, vẫn xem tuồng tích trong các đình chùa, nói một cách khác họ, vẫn tham gia văn nghệ bằng những điều kiện vốn có rất là hạn chế của mình.

Quần chúng, thời xưa, đa số là người nông dân quen với cuộc sống chất phác, cần cù, luôn luôn tin tưởng ở một đền bù nỗ lực tất yếu trong cuộc đời này, như sự cày bừa khó nhọc đem lại đồng lúa xanh tươi, như sự vun quén cây trái công phu đem lại hoa thơm quả ngọt. Đi từ một cái ý niệm sản-xuất để mong hưởng thụ — « có làm thì mới có ăn » — họ hướng về sự công bằng, về lẽ nhân quả hết sức dễ-dàng. Hơn nữa lòng tin tưởng ấy còn là một niềm an-ủi lớn lao hơn hết ở trong sinh hoạt của họ thường ngày để họ có thể chấp nhận cuộc đời đầy những vất vả, âu lo. Những thứ ý niệm « thiện ác đáo đầu chùng hữu báo » đã góp phần cùng gạo mắm để nuôi dưỡng họ và đem lại sự an tĩnh cần thiết cho họ.

Trong những điều kiện sinh hoạt thời xưa, nông-dân chưa thể đạt tới trình độ ý-thức về một thực tại xã hội, chưa thể quan-niệm về một chế độ với những quyền lợi-phức tạp của các tầng lớp trong chế độ ấy. Những nhận thức này chỉ được hình thành ở trong xã hội Tây Phương vào khoảng thế kỷ thứ 18, khi cuộc Cách mạng dân chủ tư sản ở Pháp thành công, mở đầu cho những biến động về sau với một ý-hướng chính trị càng ngày càng rõ rệt hơn. Người nông dân, trong xã hội cũ, ở vào một thế không thể tự gỡ mình khỏi chế độ, vì không có đường giải thoát nào khác là một cái vòng lẩn quẩn của sự bất bình đưa đến khởi nghĩa, lật cái trật tự hủ nát đương thời để tái lập lại một cái trật tự đã cũ dần dần cũng suy mòn theo cái đà dĩ vãng. Do đó họ phải chấp nhận chế độ như một sự kiện dĩ-nhiên, gắn bó mật thiết với chế độ ấy. Nếu ở trước mắt không có một sự công bằng hoàn hảo như sự ước mong — nó không đúng thế — thì cũng vẫn phải quan-niệm hoàn hảo, vì phải « như thế mới đúng », mới đúng với lòng tin tưởng, trông chờ. Vì vậy, ở trên điểm này quần chúng đã gặp kẻ sĩ, khi chính kẻ sĩ là một lớp người « bảo-hoàng hơn vua », luôn đồng hóa với cái chế độ mà quyền lợi họ rất được bảo trọng.

Trong lúc giải quyết ổn thỏa mọi chuyện eó le, ngang trái để tạo niềm tin đối với cuộc đời, các tác giả xưa — cũng như quần chúng của họ — đều vấp phải một trở ngại lớn lao là sự bất lực của những thực tế trước mắt. Xã hội phong kiến sống trên áp bức, bất công, làm sao mà có đền bù thỏa-đáng cho người khốn khổ, thiệt thòi ? Bao nhiêu những nỗi đau thương bày ra trước mắt mọi người không phương giải cứu, và con người vẫn tiếp tục đau thương như thế đời này, đời nọ, kiếp này, kiếp nọ. Dựa trên căn bản tín ngưỡng Phật trời, dựa vào bản chất có nhiều yếu tố thần bí do những ảnh-

hưởng của một sinh hoạt còn ở trạng-thái thiên-nhiên, quần chúng mong mỏi thần thánh can thiệp, cứu nguy cho họ. Thần thánh là những sức mạnh lý-tưởng mà họ luôn luôn ngưỡng vọng trong đời. Thần thánh hay Trời Phật ấy vốn là một sự phong tỏa của lòng ước ao trong bản thân họ vào một hình ảnh tưởng tượng được nhân cách hóa đến độ tuyệt vời, như các vị tiên, hoặc nhập thể vào những đấng Giáo chủ chí tôn có một quyền uy phổ biến như là Đức Phật, hay một khả năng vô cùng vô tận là trời.

Vì vậy, bên cạnh cuộc đời đầy những ma quái, yêu tinh với « thần cây đa, ma cây đề » với « đất có Thổ Công, sông có Hà-Bá » sự sống của những tác phẩm cũng nhuốm đầy những tính chất hoang đường. Chỉ đọc một Lục-Vân-Tiên người ta cũng ý hội được tính chất phong phú của những khả năng thần bí trong các truyện xưa. Nào Tiên cứu sáng mắt chàng họ Lục, nào Phật bà đưa Nguyệt-Nga vào bờ, cho đến cọp ở trên núi, cá ở dưới sông đều lãnh nhiệm-vụ ân trả oán đều như chứa đựng sẵn linh-hồn của sự thưởng-phạt cao-minh. Nếu không có bà Tam Hợp đạo cô là thông-dịch-viên trung thực của Trời chỉ dẫn cho sư Giác-Duyên thì cái thân vóc mỏng manh của Kiều làm sao khỏi chọn mặt nước Tiền Đường làm chiếc xe tang thiên cổ ? Một lưỡi tầm sét của gã Thiên Lôi, nhiều khi đạt đến công bình pháp lý tinh xác hơn là trăm ngàn lưỡi gươm đao phủ !

Sự can thiệp của thần thánh vào trong tác phẩm là điều cần thiết, là một đòi hỏi sâu xa. Thiếu niềm tin ấy, quần chúng không thể sống được, bởi vì tất cả gian khổ, chịu đựng nếu không có sự đền bù xứng đáng thì cuộc đời này trở thành vô nghĩa, phi-lý, hay là lầm lẫn, điên rồ. Thật ra, quần chúng không hề giả thiết như thế. Nơi họ — những người lao động sản xuất — lòng tin ở luật vay trả hẳn nhiệm đã thành sự sống tinh thần sâu xa, bởi vì họ là động-lực chính yếu của sự gieo gặt, cấy hái hàng ngày. Có thể nói rằng đó là một thứ tin tưởng truyền thống phát sinh từ một sinh hoạt thực tế, trung hậu, bởi vì dù ở thời nào quần chúng cũng vẫn giữ vững được sự thiết tha như thế. Nếu xét đoạn kết của các tuồng tích cải lương ngày nay chúng ta sẽ gặp gỡ lại được sự vẹn toàn kiểu cũ, và dù có thay màu sắc, có đổi giọng điệu, nếu không kết thúc như thế, cải lương sẽ không còn được quần chúng của mình tín nhiệm. Những phim Ấn-Độ nếu không được đem chiếu ở các rạp lớn tại trung-tâm Sàigòn thì lại có một vị trí đáng kể trong các rạp nhỏ, hoặc ở ngoại ô thành phố. Tại những nơi đây, các phim Ấn-Độ có một ưu thế gấp bốn lần hơn các phim Âu Mỹ vào loại « siêu-phẩm », căn cứ theo cái giá vé vào cửa. Một trong khá nhiều yếu tố đã khiến loại phim ảnh ấy chinh phục cảm tình khán giả bình dân chính là đoạn kết « ân trả nghĩa đền », « có chung có thủy » giúp cho người xem tìm được an ủi về một niềm tin ở cái lẽ phải cuộc đời, dầu lẽ phải ấy ở trên thực tế vẫn cứ lẩn trốn khỏi tầm tay họ.

Chỉ có mỗi một tác phẩm cổ điển mà đoạn kết thúc đã được thực hiện vẻ vang, nhưng thoát ra ngoài thông lệ

thánh thần can thiệp, là Nhị Độ Mai. Đành rằng nội dung của tác-phẩm này vẫn không từ bỏ được những chi tiết hoang đường cần thiết trong sự nhận thức cổ thời về các sự thực về người, về đời, nhưng điều quan trọng là nó đã dùng sức người để mà giải quyết đoạn kết. Trong Nhị Độ Mai, những kẻ gian-nịnh tàn ngược lộng quyền là bọn Lư-Kỷ, Hoàng-Tung, cuối cùng bị đám sĩ-tử căm phẫn chận đường, xô kiệu, đánh cho một trận tơi bời khiến vua nghe thấu truyền gọi tất cả đến trước mặt mình và mọi việc được sáng tỏ. Cuối cùng, kẻ ác phải đền tội ác, còn người trung trinh được sự minh-oan và được tưởng-thưởng xứng đáng.

Một đoạn kết thúc ra ngoài thông lệ như vậy không phải là sự ngẫu nhiên, cũng không phải là việc làm tùy hứng của người cầm bút hoàn toàn thoát ly khỏi những chỉ-định của đời. Nếu liên hệ với xã hội tác-phẩm, chúng ta sẽ rõ vì sao có cái trường hợp khá đặc biệt này. Bởi lẽ quyển Nhị Độ Mai là chuyện đời Đường — « *Nhà Đường truyền đến là đời Túc-Tôn* »— thời đại cực thịnh phong-kiến Trung-Hoa, thời đại của lối thơ luật, của các thi bá, thi vương — Đỗ-Phủ, Lý-Bạch — của giặc Hoàng-Sào, một kẻ hỏng thi kết hợp sĩ-tử lấm loạn, chiếm đoạt ngôi vua suốt cả mười năm. Chính trong cái thời văn học khá rực rỡ ấy, kẻ sĩ đông đảo, hùng mạnh mới có uy thế quyết định được một thực trạng xã-hội như đoạn kết của tác phẩm đã phản ảnh lại.

Một điều đáng kể là khi sửa đổi chương trình Trung-Học vào năm 58, chính Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thời Ngô-Đình-Diệm đã loại bỏ Nhị Độ Mai ra khỏi nhà trường. Vào năm 59, khi phụ trách mục câu chuyện văn-nghệ hàng tuần trên Đài Phát Thanh, chúng tôi có viết một bài « phân ưu » về trường hợp này. Chúng ta có thể nghĩ rằng sự loại bỏ ấy thật không phải là vô ý, ngẫu nhiên. Dầu không có một ý-thức rõ rệt thì chế độ cũ ở trên bình diện tiềm thức, cũng đã âm thầm tỏ một thái độ bất dung đối với một thứ tác phẩm có thể khuyến khích tinh thần khởi loạn, chống đối, ở trong quần chúng trí thức. Ngày nay lịch sử đã chứng tỏ rằng mọi sự lo xa tiêu cực như vậy thực là vô ích : một khi quần chúng quyết liệt đứng lên thì người học sinh, sinh-viên càng được sáng tỏ nhiều hơn trên nhiệm vụ mình. Và dù đoạn kết của Nhị Độ Mai thời xưa không được giảng dạy trong trường, thì ở ngoài đời tinh thần của đoạn kết ấy vẫn được duy trì, khi quần chúng bị thiệt thòi, và ý thức được về nỗi thiệt thòi vô-lý của mình.

Tóm lại, đoạn kết của nền văn học cổ điển là một đoạn kết hướng về toàn vẹn, đền bù, hướng về công bằng, nhân đạo. Đoạn kết hứa hẹn vĩnh viễn cho ta một sự an lành, bởi vì sau đó chúng ta có quyền vui vẻ nghỉ ngơi trong niềm hạnh phúc. Vì vậy « cái hậu » ở trong tác phẩm không chỉ có nghĩa là một đoạn kết, mà còn được nâng cao hơn thành một tính chất, thành một tặng thưởng, thành sự « có hậu ».

Những cái hậu ấy, ngon lành, tươi đẹp là thế, chỉ thấy chắp chới đằng sau các tác phẩm xưa, bao giờ chúng ta mới đạt tới được, giữa nỗi phiền nhọc trăm muôn của cuộc đời này ?

Cho đến một lúc, hoàn cảnh xã hội thay đổi, dân tộc chúng ta tủi nhục bước vào một giai đoạn khác. Bấy giờ, những con đường lớn nghênh ngang duỗi thẳng tay chân lên khắp ruộng đồng. Nhà cửa cao vọi mọc lên trên các phố phường, máy móc âm-ỉ chế biến tài nguyên dân tộc thành những sản-phẩm nước người. Từ các hầm mỏ, mỗi ngày người nghèo đen lấm đội mồ mà lên rút ruột xứ sở héo mòn, đổi lấy cuộc sống lầm than, lây lất qua ngày. Và ở khắp các đồn điền, khi nhựa cao-su rỉ chảy, đã chan hòa theo nước mắt, mồ hôi và máu tủy của dân quê bị ép buộc đi xa xóm, xa làng.

Ở trên thị-trường chữ nghĩa, những tạp chí mới đủ cả quốc-ngữ, chữ Tây, chữ Tàu xuất hiện. Đông-Dương tạp chí qua rồi, tiếp đến Nam-Phong tạp chí. Sau đó là thời vàng son của sách Tự-lực văn-đoàn. Tác phẩm, mang khuôn mặt mới, hiện ra mỗi lúc một nhiều. Mới ngày nào đây quyển Quả Dưa Đỏ, với đoạn kết chúc niềm nở vẹn toàn đã được xem như kiệt-tác, bây giờ đã thành cũ-kỹ xa xôi. Cái công thức tưởng bất biến ngày nào— hội ngộ, chia ly, tái ngộ — bây giờ đã bị phá vỡ thảm thương. Bây giờ cuộc đời không còn hướng về đoạn kết vui vẻ như xưa, không đáng tin cậy dễ-dàng như trước. Sau sự hội-ngộ, người ta có thể chia tay và chia tay luôn, một mất một còn như cặp Tố Tâm, Đạm Thủy. Nếu không sầu não đến thế người ta cũng chỉ hi vọng gặp nhau nửa chừng, kiểu *Nửa Chừng Xuân*, mà Lộc và Mai là cuộc tái ngộ sượng sùng. Có lúc, sau sự chia tay, là cuộc tái ngộ lơ mơ, như kiểu *Hồn Bướm Mơ Tiên*, vì thực không gì có thể ngăn cách hai người vĩnh viễn. Đôi khi, câu chuyện lại éo le hơn, đưa đến giằng co quyết liệt để vừa cắt đứt lại vừa nối liền, như Loan vô tình mà giết chết Thân nên được trở về với Dũng.

Hầu hết các chàng các nàng, trong giai đoạn này, khi được vào ngồi ở trong tiểu thuyết, đều gặp duyên-số không mấy tốt lành. Và các đoạn kết, hầu hết đều mang tính chất trái ngang, bi-thảm khiến cho người đọc, xếp lại trang sách cuối cùng thảy đều chép miệng thở dài nếu không tìm chiếc khăn tay lau mắt. Giọt lệ bây giờ không phải tuôn ra ở mỗi đoạn đầu, hay là đoạn giữa, mà tưới dồi dào ở phần kết thúc. Đồng thời những chứng bệnh lại xuất hiện : kẻ thì đau tim, người ho ra máu, kẻ lại điên cuồng phá phách ồn ào ở trong tác phẩm. Chưa kể có loại nhân vật mắc phải chứng bệnh oan nghiệt như là... liệt... dương, ở trong Giông tố của Vũ Trọng Phụng. Đây là thời kỳ sức khoẻ của các nhân vật bị nhiều xúc-phạm nặng nề, không được hoàn toàn yên ổn mạnh lành để mà chờ đợi một ngày đoàn tụ thần kỳ như trước. Nhớ lại ngày nào, Từ Hải đánh hơn trăm trận mà không bị một vết thương nào hết, còn Kiều lưu lạc mười lăm năm dài mà đâu có dùng đến thuốc trụ sinh ! Đấy là chưa nói rằng Lục Vân Tiên nằm lỳ trong núi mà không sốt rét, và gã Thúc Sinh bốc trời mà chẳng dùng món sâm-nhung bổ thận bao giờ !

Gác qua cái mục sức khoẻ mà các nhân vật ở giai đoạn này phải chịu thua xa lớp trước, còn nhiều mục khác

nếu đem so với ngày xưa, cũng không phấn khởi hơn được chút nào, chẳng hạn như cái vấn đề con nít. Vẫn biết văn học cổ điển là của người lớn và người lớn của ngày xưa tính tình nghiêm nghị không thích để cho con nít la cà ở trong tác phẩm. Dù chúng vắng mặt, cũng không có triệu-chứng gì bảo rằng con trẻ ngày xưa chịu sự thiệt thòi. Trừ những trường hợp bà Thứ chạy loạn là có đẻ chửa, nhưng con đều được lên ngôi tử tế, còn thì các nhân vật khác trong lúc lưu ly không ai tính chuyện sinh đẻ làm gì. Chỉ về sau này, khi đã tái ngộ đoàn viên, quan cao tước lớn, mới nghe phong phanh nói về con cái của họ mà thôi. Tưởng rằng lúc đó đã có thừa thãi tiện nghi, họ đẻ bao nhiêu mà chẳng nuôi đầy đủ được? Trái lại, lớp con trẻ trong văn học lãng mạn không được hoàn toàn may mắn như xưa. Kể ra, người ta cũng có chú ý khá nhiều đến nó như đặt cho nó cái tên và khi chúng nó đau ốm người ta đã lo săn sóc thuốc thang hoặc là cho uống tàn hương nước lã như trong Đoạn Tuyệt. Nhưng số phận chúng, phần đông, đều phải chịu kiếp hi-sinh cho hạnh phúc người trưởng thượng. Trường hợp cô Loan, nếu còn đứa con với Thân liệu có đoạn-tuyệt với gia-đình cũ nhẹ nhàng như vậy được chăng? Không những hi-sinh một người chồng tồi, tác giả Đoạn Tuyệt còn hi-sinh luôn một đứa bé con vô tội để cho hạnh-phúc Dũng Loan được mọi dễ-dàng! Và ở trong Nửa Chừng Xuân, muốn cho bà Án quay lại tìm Mai, xin lỗi về cách đối xử tàn nhẫn ngày nào hầu mong bắt lại một đứa cháu nội lạc loài, tác giả cũng đã loại trừ một số trẻ khác, con của người vợ anh Lộc! Nếu người vợ ấy sinh đẻ vuông tròn như đa số người có đủ tiện-nghi trong hoàn cảnh đó, thì thằng bé Ái, con của cô Mai, phải chịu nhiều sự thiệt thòi hơn nữa về mặt tình cảm gia đình. Trong khi đa số người lớn đều bị đau khổ, giày vò, thì những trẻ con làm sao mà sống yên ổn, vẹn toàn cho được!

Vẫn biết trong thời văn học lãng-mạn không chỉ có lối kết thúc « mê tín chia-ly » như vậy. Một khi xã hội phân hóa thành nhiều tầng lớp có những quyền lợi khác nhau thì cũng tùy theo nhận thức về quyền lợi ấy mà có phản ứng khác nhau. Trong khi những người văn học lãng-mạn xé rách đoạn kết cho nó tơi tả, tiêu điều thì vẫn có những người văn học khác, trung thành với ý-thức hệ cổ-điển vẫn cứ tiếp tục bảo tồn một đoạn kết thúc trung hiếu vẹn toàn, ân-tình đền đáp như xưa. Giữa lúc phong trào thơ mới rầm rộ, sôi nổi, vẫn không thiếu những nhà thơ gật gù xướng họa bằng thơ Đường luật, và ngay bây giờ, trong khi thơ đã mất luật, mất vần, mất cả khuôn thể thì trong khá nhiều tuần báo vẫn còn từng chuỗi thất ngôn bát cú, đối ngẫu chỉnh tề, ngâm vịnh nhân tình thế thái. Nhưng điều đáng kể là sự kiện này không có giá trị tiêu biểu cho từng thời đại mà chỉ là sự lưu cữu tất nhiên của các hệ thống ý thức ở trong xã hội. Ai bảo rằng giữa mùa xuân lại chẳng có những lá vàng của mùa thu cũ? Nhất là vào những mùa xuân heo hắt, có những tàm hồn lại thích quay về với những tuyết tan năm ngoái hơn

là ngắm hoa trước mắt s·m đã phai tàn.

Qua các đoạn kết thiên về bi-thảm, người ta bắt gặp ít nhiều hờn dỗi, bất mãn đối với cuộc đờ. Sự sống tự nhiên đượm vẻ u-ám, như tuồng nhân-sinh không sao tránh thoát được những khổ đau gần như ẩm-tính của đời. Niềm vui, hi-vọng đều bị gạt bỏ ra ngoài, làm như những ật không có bà con với lại nước mắt không thể xứng đáng mang cái nhãn hiệu văn chương. Phải chăng vì từ lúc ra đời tầng lớp tư sản Việt Nam — mà nền văn học lãng mạn là một tr ng thái tinh thần — đã chịu đựng nỗ tiên thiên bất túc, và cái hậu thiên cũng chẳng đủ đầy ? Lớp tư sản này đã không có cái vinh dự lớn lao lật đổ đ quyền, phá ngục Bastille như tư sản Pháp để mà xuất đầu lộ diện hiên ngang giữa chốn vũ đài, nhưng được sinh thành trong cuộc hôn nhân cưỡng ép phong kiến, thực dân, và đây lại chính là hai lực lượng đã kìm kẹp họ không ngừng. Trong cái thế sống bị suy mòn dần như vậy, tầng lớp tư sản chỉ có hai đường : một là chống đối tích cực để giành thế sống, tức là chủ trương Cách mạng như Nguyễn-Thái-Học đ làm — hai là từ chối hẳn nó một cách tiêu cực, không chịu thừa nhận cái trật tự ấy với bao quan niệm lỗi thời, lập luận cũ kỹ mà nó quen dùng để tự biện-minh — như một phần lớn văn gia thi sĩ đã từng thực hiện.

Tất nhiên, mô tả cuộc đời bi thảm không phải là cách làm cho cuộc đời hành diện. Sự sống tuyệt vọng đến thế kia sao ? đau khổ đến như vậy sao ? người ta có thể kêu lên như vậy sau khi gấp sách và thấy cuộc đời quả không còn gì đáng nên bám víu, suy tôn. Chỉ hướng sự việc về cảnh chia ly, buồn nản cũng là một cách công khai, nhưng mà gián tiếp, mạ lỵ cuộc đời. Và để sự phủ nhận ấy trở nên nghiệt ngã hơn nhiều, người ta cố tình xuyên tạc sự thực, vẽ những con người chỉ hoạt động theo thú tính, bản năng, mà không đếm xỉa gì đến lý trí. Đó là một sự xúc phạm nặng nề, bởi vì lý trí là con đẻ của xã-hội, là cái giá trị cao nhất trong một con người. Đồng thời gia đình, đoàn thể không có chút quyền uy nào đối với cá nhân vì những con người ở trong tác phẩm chỉ thích nghe theo tiếng gọi của trái tim mình. Ngày xưa khối óc quá lớn đè mất con tim, thì bây giờ tim lại lớn phình lên thay thế khối óc. Rõ ràng là có một sự tụt xuống, từ đầu xuống ngực, nói về bộ phận chỉ huy hoạt động con người. Cứ cái đà ấy mà tụt xuống nữa, trung tâm điều khiển con người rồi sẽ dừng lại ở bộ phận nào ?

Để thực hiện sự từ chối ấy, tùy mỗi nhà văn, trong mỗi trường hợp mà có cung cách khác nhau. Có sự bươi móc sỗ sàng kiểu Vũ Trọng Phụng, có sự cố gắng dung hòa theo lối Khái-Hưng, lại có một sự dứt khoát quyết liệt theo lối Nhất-Linh ở trong Đoạn-Tuyệt. Chỉ có mỗi tác phẩm này là gắng đem lại cho lớp tân học một sự thắng thế, dù thắng thế ấy chỉ là ảo tưởng làm bằng ngẫu nhiên về phần bố cục bằng một thiên-kiến về phần tác giả. Bởi vậy, Đoạn Tuyệt thành công ở sự giải tỏa tâm-lý người đọc hơn là là ở mặt giải-quyết vấn đề xã hội, vì vấn đề ấy không

thể giải quyết bằng một con dao rọc sách.

Thực ra, trong thời kỳ này còn có những lối kết thúc tiêu biểu khác nữa, chẳng hạn như lối tạo sự bất ngờ khiến cho người đọc cảm thấy một sự sửng sốt kỳ thú hay một ngạc nhiên quái dị về người, sau khi đã tưởng rằng mọi sự việc phải tuân theo một diễn tiến sáng suốt, hẳn hòi hợp lý. Cái lối kết thúc có ý đánh lừa độc giả để tạo cho họ ít nhiều suy luận lầm lạc về cuộc sống này sau khi giúp họ giải trí bằng sự bất ngờ, lối kết thúc ấy vốn được sùng mộ trong nền văn học Tây-Phương, không có tính cách phổ biến trong nền văn học của ta, thành thử chúng ta khỏi phải bận tâm tìm hiểu nhiều hơn trong các phần này.

Tính chất bi thảm ở trong kết thúc của nền văn học lãng mạn Việt-Nam vẫn là rõ nhất. Người ta đã tạo nên một tác phong thiên lệch như thế để mà nhận xét văn chương, khiến cho mọi sự giàn xếp êm đẹp của đời trở thành trơ trẽn ở trong tác phẩm. Cũng chính vì thế mà dù có một đoạn kết, tác phẩm cũng mang cái tiếng vô... hậu.

Nhưng rồi đại chiến thứ hai bùng nổ, Cách mạng, kháng chiến, kế tiếp lôi kéo chúng ta vào trong bão-lốc sinh hoạt. Khi tiếng súng đã tạm ngưng, chế độ «Cộng hòa nhân vị» của Ngô Đình Diệm được xây dựng trên mảnh đất miền Nam và một sinh hoạt văn học phù hợp với điều kiện ấy bắt đầu thành hình.

Nếu chỉ nhận xét về phần kết thúc, văn học của chín năm qua có một ý hướng thế nào ?

Điều đáng ghi nhận trước hết, là sự phân tán. Sự phân tán này gần như hướng về hai chiều trái ngược hẳn nhau nhưng thật cùng chung xuất xứ : một chiều bảo thủ, một chiều vọng ngoại.

Chiều bảo thủ ấy lại được thể hiện trong hai sắc thái : sắc thái vẹn toàn của lối kết thúc cổ-điển và cái sắc thái bi đát của lối kết thúc lãng mạn. Một số khá đông cây bút viết các truyện dài đăng báo hàng ngày nhận thấy không gì bảo đảm ấm no, tín nhiệm cho họ hơn là cứ việc tạo ra mọi sự gay cấn, lâm ly rồi cố thu xếp ổn-thỏa, đề-huề trong phần kết thúc. Những kẻ bỏ nhà ra đi rồi phải quay về, những người bạc ác rồi phải hồi tâm, những sự ngộ nhận rồi được giải tỏ, những cảnh đổ vỡ rồi sẽ yên vui... Trong khi đó cuộc đời cứ việc tiếp tục kéo dài những cảnh bất công, những trò tàn bạo với đủ hình thái dã man Trung-cổ ! Các tác giả ấy có thể tự an-ủi rằng, trong khi thực hiện như thế, ít nhất họ cũng là người biết điều, họ vẫn duy trì đạo đức. Và điều đáng an-ủi hơn là có rất nhiều quần chúng nghe họ, tin họ, chịu bỏ tiền ra hằng ngày đọc họ với tất cả sự chăm chú, say mê. Bấy nhiêu, chẳng là quá đủ rồi sao ? Những kẻ ghét ghen còn muốn nói gì thêm nữa ?

Thật ra chúng ta có thể tự kiểm điểm lại và thấy ở nơi lòng mình không hề có sự ghen ghét hờ đồ như vậy. Chỉ có nỗi lòng ái ngại, chỉ có ít nhiều xót xa của những con người sống bằng ngòi bút cùng cảm thông nhau trong một nỗi niềm bất lực. Chính vì bất lực đối với người đọc mà ta chiều theo

thị hiếu của họ, thị hiếu dễ dãi, tầm thường, nông cạn, buông xuôi. Chính vì bất lực đối với cuộc đời mà ta tìm lấy con đường yên ổn, ấm no, quay lưng lại những bất công, tàn ngược hàng ngày! Đoạn kết vẹn toàn chẳng phải là một chiếc hầm trú ẩn kiên cố đấy sao?

Bên cạnh phương thức quay về lối kết cổ điển, những người tiếp tục truyền thống kết-thúc bi-đát của nền văn học lãng-mạn tỏ ra có một « lập trường tranh đấu » hơn nhiều.

Họ quan niệm rằng cuộc đời ở chung quanh ta vẫn xấu, vẫn tệ, tại sao không gào thét lên rằng nó xấu xa tồi tệ? Phải vạch trần ra, phải nói toạc hết, giấu giếm làm gì, che đậy làm gì? Phải bôi đen lấm chán chê để cho mọi người cùng biết là nó ghê tởm và đừng đặt để chút hi vọng nào vào đấy mà uổng công phu. Chúng nó giàu sang bằng sự lường gạt và còn tiếp tục lường gạt mỗi ngày mỗi tinh xảo hơn, mỗi tàn nhẫn hơn. Chúng nó nghèo nàn khốn khổ và chúng sẽ còn khốn khổ nghèo nàn như thế mỗi ngày mỗi tàn mạt hơn, mỗi thảm thiết hơn. Hai người yêu nhau và giận nhau ư? Họ sẽ xa nhau vĩnh viễn vì họ vốn có nhiều « tự ái xằng » của cái xã hội hình thức phô trương. Những người thanh niên chán nản rồi sẽ đi đâu? Sẽ đi tự tử bởi vì cuộc đời « hiện hữu » là buồn, là « cái - thế - giới - không - có - lối - thoát! » Một văn hữu nọ, rất được nhiều người quen biết, viết một truyện ngắn khá dài để nói về đời một cô gái nọ thèm sang, thèm diện, thèm tiền và đi vào cảnh hư hỏng. Cuối cùng tác giả nghiêm trọng kết luận đại khái như sau: « Và cô gái ấy lại càng hư hỏng thêm lên, mỗi ngày một nhiều, không còn cách gì cứu rỗi. Bởi vì, nó là như vậy ». Sau câu văn ấy, chúng ta tưởng như bắt gặp được cái nhăn mặt chán-chường của một triết gia... đau khổ!

Kể ra, trong khi tô vẽ ưu thời mẫn thế như vậy, tác giả vẫn muốn chứng tỏ rằng mình có lý. Hơn nữa, tác giả có thể tự nhận là mình có gan kết án cuộc đời.

Chúng ta vẫn muốn tin rằng tác giả cũng có ít nhiều thành thật khi làm như vậy. Nhưng mà trong khi hướng về đoạn kết bi đát, trong khi bôi nhọ cuộc đời theo kiểu cách ấy, ít nhiều họ đã gây cho chúng ta một niềm tuyệt vọng về đời và cho chúng ta cảm tưởng lầm lạc rằng cuộc đời ấy vốn xấu như thế không có cách gì sửa đổi, thôi đành chịu vậy để chờ một cuộc đời khác tốt hơn, như là hai kẻ yêu nhau vừa gặp trở ngại đã vội chia tay, đã vội tự tử, để mong gặp nhau kiếp khác. Cuộc đời khác ấy, cái kiếp khác ấy, bao giờ mới có, và ai đem lại cho ta, đem bằng cách nào, tuyệt nhiên không nghe tác giả nói đến. Thực ra, với các đoạn kết bi thảm chúng ta đã chán nản rồi, đã hư hỏng theo, hoặc đã tự tử, còn đâu mà đợi mà chờ theo kiểu nằm đón quả sung rụng xuống miệng mình. Phải chăng trong khi tô vẽ cuộc đời tồi tệ, xấu xa, tác giả cũng đã chối bỏ trách nhiệm của mình, cũng đã lẩn trốn sau cái nhăn mặt khiếp hãi?

Chưa kể một lối nhìn nhận về đời như vậy thật là thiên lệch, bất công hết sức. Nếu những cô gái cứ thích ăn diện đàng

Ông Vũ-Hạnh trong buổi nói chuyện

điếm, nếu những nữ sinh cứ thích mơ mộng vẩn vơ, thì thiếu nữ nào lại chịu chặt tay để phản đối bọn bạo quyền ở chùa Xá-lợi, thiếu nữ nào chịu chết ở chợ Bến-Thành để gào thét chống bất công và biết bao nhiêu là những cô gái đã bị tù tội, tra tấn vì biểu lộ được ý chí dân tộc quật cường ? Và nếu thanh niên quả có chán nản, mệt mỏi thì lực lượng nào phơi xương đổ máu trong cuộc Cách mạng vừa qua lật đổ bạo tàn ? Và nếu lường gạt càng lường gạt thêm, nghèo đói càng nghèo đói mãi thì còn ao ước gì hơn để mà đòi hỏi Cách-mạng, đòi hỏi đổi thay ? Suy ra cho cùng thì một đoạn kết bi đát thật là dễ dàng thực hiện, không phải tốn công tạo nên phản ứng, không phải tốn sức thu xếp an bài, lại khỏi bận tâm suy nghĩ gì thêm cho mệt. Đấy là chưa kể nó còn có thể tạo cho tác giả ít nhiều ảo tưởng vinh quang về một thái độ « có vẻ cách mạng » của mình !

Trong khi lớp người khiêm tốn quay về với lối kết thúc đã cũ, thì còn một số người khác, tin tưởng ở cái vốn liếng học hỏi nước ngoài, đã cố sắp đặt tác phẩm của mình theo hai biểu hiện như sau : một là kết thúc lửng lơ, không có một đoạn cuối nào rõ rệt, và hai là dùng đoạn kết cho người đọc sách tự suy nghĩ lấy và tìm chọn câu giải đáp.

Tất nhiên các kết thúc này cũng là kết quả của những suy ngẫm về đời. Nhiều người cho rằng cuộc đời chứa đựng toàn những bất ngờ, không ai có thể lường trước được những biến hiện bất thường của nó. Vậy thì biết nó tốt xấu ra sao mà dám hạ lời phán đoán ? Vậy thì cứ để lửng lơ như thế mặc cho dòng đời đưa đẩy, quyết định. Đó là sự trạng của nhiều câu chuyện chỉ trình bày một mảnh múng cuộc đời cắt ra ở một đoạn nào đáng lưu ý nhất và để dở dang, lưng chừng như vậy, không hướng về đâu rõ rệt, y như cuộc sống nhiều người vốn không có một mục đích rõ rệt. Cao hơn — hay là tự-

nhận cao hơn — là những tác phẩm văn-nghệ mệnh danh là « đặt vấn đề » trình bày cuộc sống bằng những thắc mắc dàn trải đến độ day dứt để rồi đoạn kết đề ra cho người đọc sách một sự suy nghĩ mà tìm giải đáp. Như thế tác giả tỏ ra khiêm-tốn nhũn-nhặn hơn trước quá nhiều, nhưng đồng thời cũng không che giấu được tinh thần bối rối, thái độ bất lực của mình đối với diễn tiến của đời. *Nếu đoạn kết-thúc vẹn toàn cổ-điển chỉ là một cách cố võ ép gượng cho một niềm tin mù quáng và đoạn kết thúc bỏ dở lãng mạn lại là một cách chối bỏ nhu nhược thì cái kết thúc đặt vấn đề này chỉ là một cách gieo rắc hoang mang, sau khi đã làm cuộc đời trở nên phức tạp, khó hiểu, cốt để chối bỏ bao nhiêu sự thực thiết thân trước mắt.*

Bởi vì, trong chín năm qua, đâu phải vấn-đề « thân-phận con người », « bản thể sự sống » « phi-lý cuộc đời » là những vấn đề trọng đại đã khiến dân chúng vào tù, tăng-ữ tự thiêu ? Do đó, dưới cái bề ngoài cao đạo của sự vay mượn ngoại-lai, cái lối lửng lơ không dám chấp nhận cuộc đời theo một quan điểm dứt khoát, cái lối khép nép buộc người suy nghĩ về chuyện rắc rối xa vời để che lấp những xấu xa thực-tại, chỉ là bùa phép cao siêu để giấu cho thật ngon lành một cái tinh thần trách nhiệm đã phá sản rồi, hay một thái độ đồng lõa, nếu không là cái ý-hướng vụ lợi hẹp hòi đưa đến sợ-lãi, cầu an.

Như thế, chúng ta thật không có gì để mà cùng nhau hành diện trên lãnh vực này. Qua lối kết thúc bảo thủ, hay lối kết thúc ngoại-lai, người ta chỉ có một cái cảm tưởng rõ rệt là chúng ta đang chạy trốn bằng tất cả những phương tiện, trình độ vốn có của mình. Bên cạnh những nỗ-lực khác và những hi-sinh, thiệt thòi của những người văn hóa khác — thì một đoạn kết trốn thoát làm cho chúng ta lạc loài mất cái chỗ ngồi vốn rất cao đẹp của mình đã được đặt định ở giữa cuộc đời dân tộc.

Nhưng mà ngày nay, sự việc đã được đổi thay. Tiếng súng Cách-Mạng, Chỉnh lý nội bộ, bao nhiêu hi-sinh, cố gắng để trả về cho dân chúng đời sống tự do vốn thực hết sức khó tìm. Chúng ta đang cùng góp sức đi tìm về tự do ấy, bởi vì những giá trị ấy không thuộc hẳn về quan niệm của mỗi riêng ai mà dựa vào lòng khát vọng của đồng bào mình, dựa vào điều kiện vốn có của dân tộc mình để cố tranh thủ kỳ được. Nói một cách khác, ngày nay chúng ta đã có điều kiện hơn trước để hướng về một đoạn kết, để nhìn thấy một đoạn kết và cố đạt được một kết thúc sáng sủa, hợp lý và tươi đẹp hơn. Thiết tưởng bao nhiêu những người tôn giáo chân chính — Phật-Giáo như Thiên-Chúa Giáo — đã góp sức vào trong ngày Phật nạn, bao nhiêu học sinh, sinh viên, bao nhiêu quân đội, nhân dân đã chịu hi sinh không phải là để đi tìm một cuộc phiêu lưu khác nữa, chuốc lấy một sự đau khổ khác nữa. Họ đã góp phần để làm sáng tỏ một đoạn kết thúc mà chắc hẳn người cầm bút chúng ta mới thật là lớp có cái biệt tài tô điểm cho nó cụ thể hơn lên, rực rỡ hơn lên bằng sự cảm thông với đời sống của dân-tộc, và bằng nhiệt thành vốn rất dồi dào ở trong tim óc chúng ta.

VŨ-HẠNH

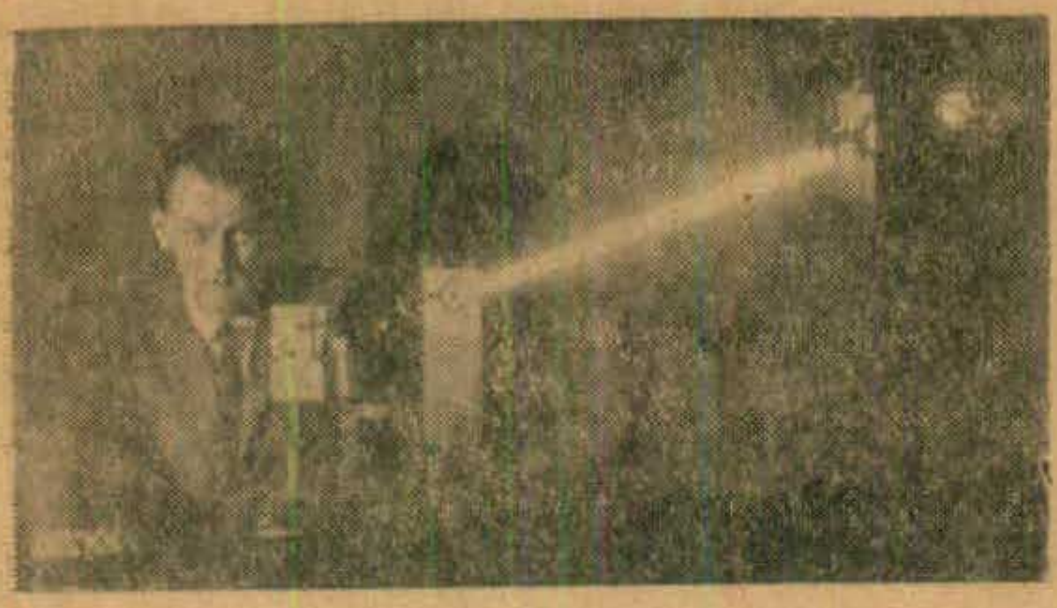

Một nhà bác học đang kiểm-soát luồng sáng Laser
(hình trích báo Le Courrier số tháng 2-64)

LASER, cuộc cách - mạng thứ nhì trong ngành điện-tử-học

● VÕ-QUANG-YẾN

TRONG số các khám phá mới lạ của khoa học, mỗi ngành khảo cứu có ngôi sao sáng của mình : môn sinh lý học không ngớt nói đến A ĐN. ARM, kỹ thuật tự hào chế ra được Plasma ngành điện tử thì đưa ra thị trường các Transistor mà hằng ngày ta thường măn mo với máy thu thanh bỏ túi. Kỹ nghệ Transistor phát đạt mau chóng lạ thường, nhưng ngành điện tử học chưa hết làm lạ ta, vì lại vừa mới cho phát xuất một cuộc cách mạng điện tử khác : các Laser mà sự phát triển như tuồng còn lấn át cả các Transistor mầu nhiệm trước kia. Người ta đã nói đến nào mặt trời nhân tạo, nào bức xạ giết người... Thực hư của phép lạ Laser là thế nào ?

Phương pháp « hút bơm quang học »

Từ lâu các nhà vật lý học đã biết nguyên tử gồm có một hạt nhân chứa đựng prôton và nơtron, xung quanh bao bọc một lớp êlectron sắp đặt trên nhiều tầng khác nhau. Các êlectron nầy không phải chạy lên được bất cứ tầng nào : mỗi êlectron thường chỉ phải ở trên một tầng nhất định : khi nào êlectron nhận vào mình một số năng lượng gọi là lượng tử thì mới nhảy lên được một tầng trên. Nhưng vì năng lượng điện thế được tăng lên, êlectron bị « kích thích », bất định trên quỹ đạo mới và kiếm cách trở về lại tầng cũ. Muốn về lại tầng cũ, êlectron phải mất đi lượng tử đã lấy thêm

vào mình. Lượng tử được phát ra lại là một nguồn năng lượng cổ điển mà các nhà vật lý học cũng đã biết từ lâu : quang tuyến X, quang tuyến gamma, các luồng sóng hertzien.

Nhưng ngành điện tử học phải đợi đến năm 1950, với công tác khảo cứu của giáo sư Kastler ở trường Cao đẳng Sư phạm Paris, mới tiến thêm được một bước lớn, khởi đầu cho cuộc cách mạng Laser. Nhà bác học Einstein trước kia đã hằng bảo cần phải chiếu vào êlectron bị kích thích một bức xạ có tần số thích hợp mới lấy ra được lượng tử. Nay nhờ phương pháp « hút bơm quang học », người ta có thể chiếu vào nguyên tử một bức xạ với một tần số mà ngay nguyên tử có thể phát ra, để kích thích nguyên tử : một số êlectron nhảy lên tầng trên và sau đấy bỏ rơi lượng tử để trở về lại tầng dưới. Giáo sư Kastler đã chứng minh trong ánh sáng của một hồ quang, người ta có thể khai trừ tất cả các luồng sóng vô ích và chỉ giữ lại luồng sóng dùng để kích thích nguyên tử.

Trong nguyên tử, dưới tác dụng của luồng sóng điện, các êlectron bị kích thích và di chuyển như trong một xe nước gồm có ba nấc : từ tầng dưới cùng, électron được « hút bơm » lên tầng cao nhất, mất một lượng tử để rơi về tầng thứ nhì, và ở đấy lại mất thêm một lượng tử nữa để rơi về tầng dưới cùng như trước. Người ta đặt ra ba nấc để dùng nấc cao nhất làm bể chứa đựng êlectron luôn luôn sẵn sàng cung cấp cho tầng thứ nhì. Và chính giữa hai tầng thứ nhì và tầng dưới cùng mà người ta kiếm cách thu lượm tất cả năng lượng đã phát ra.

Nhưng đây mới thật là điểm tài tình của phương pháp : trong tất cả các ánh sáng từ thuở mặt trời chiếu sáng thế gian, mỗi một nguyên tử hành động độc lập, các cuộc thay đổi tầng lớp của êlectron diễn ra lộn xộn, các luồng sóng điện vô cùng « hỗn độn » vì sai lệch nhau vừa trong không gian vừa trong thời gian. Nay nhờ tài khéo léo của con người, tạo hóa thấy được một ánh sáng có trật tự : những êlectron một lượt cùng nhau mất lượng tử để về lại tầng cũ, tất nhiên phát quang cùng lúc, gây ra một ánh sáng « kết hợp ». Và tính chất quan trọng này là nền tảng của tất cả các Maser và Laser.

Nóng hơn gấp bội mặt trời.

Năm 1957, kỹ sư Scovil ở hãng Bell Telephone bên Hoa - Kỳ, đã thực hiện chiếc máy đầu tiên áp dụng tính chất kết hợp của ánh sáng : Microwave Amplifier by Stimulated Emission of Radiations tức là Maser. Máy nầy trước đã được nhà vật lý học Charles H. Townes ở Viện đại học Columbia học hỏi và dùng những luồng sóng hestzien Năm 1960, Theodor Maiman ở hãng Hughes Aircraft Company ở Los Angeles tiến thêm được một bước, dùng những luồng sóng của ánh sáng thay thế các luồng sóng hertzien, vì vậy Maser đổi ra thành Laser : Light Amplifier by Stimulated Emission of Radiations.

Nguyên tắc của Laser dựa trên cuộc di chuyển các êlectron của nguyên tử crômi mà các viên hồng ngọc chứa độ 0,05%. Các nguyên tử nầy có nhiều tầng êlectron như các nguyên tử khác nhưng có hai tầng sắp đặt làm sao để khi êlectron mất lượng tử để rơi xuống tầng dưới thì phát ra ánh sáng màu đỏ (1). Chính nhờ ánh sáng kích thích các nguyên tử crômi mà các viên hồng ngọc hiến ta màu đỏ chói đẹp đẽ. Nhất là trong các thanh hồng ngọc nhân tạo, hai mặt ở hai đầu thanh được sơn bạc, ánh sáng phản xạ qua lại nhiều lần, và mỗi khi chạm vào nguyên tử crômi lại gây ra những phát quang kết hợp. Bây giờ chỉ còn việc cho bọc quanh thanh hồng ngọc một ống phóng điện để kích thích những nguyên tử crômi.

Ánh sáng từ Laser phát ra có nhiều tính chất siêu việt. Trước tiên, ánh sáng nầy mang theo một năng lượng vô cùng to lớn. Thật vậy, lượng tử êlectron phát ra được tập chú trong thời gian cũng như trong không gian : một đằng xung lực Laser rất mau lẹ so với xung lực máy phóng điện, đằng khác từ hồng ngọc chỉ phát ra một luồng ánh sáng lớn khoảng milimet (2). Tính chất siêu việt thứ nhì là ánh sáng Laser hướng theo một chiều nhất định. Trong bất cứ một nguồn ánh sáng nào, những nguyên tử không những không phát quang cùng lúc mà còn hướng ra đủ phía, thành thử ánh sáng không làm sao giữ mãi được song song. Trong Laser thì trái lại, tính chất song song đã được chứng minh và đem ra áp dụng : hãng Hughes và M.I.T. đã dùng máy Laser chiếu lên cung trăng một luồng ánh sáng và nhận lại được tiếng vang. Sau đấy báo chí đã bảo ánh sáng Laser mạnh gấp hằng triệu lần ánh sáng mặt trời ! Thật ra không thể so sánh hai ánh sáng nầy với nhau. Có thể đem so sánh nhiệt độ với vật đen (có tính chất thu hấp mọi ánh sáng) thì hai con số đã vượt quá sức tưởng tượng : mặt trời 6000 độ, Laser 10^{15} độ (10^{15} nghĩa là con số 1 theo sau 15 con số 0).

Tiêu diệt được cả sinh vật.

Nhưng chưa hết ! Đem luồng ánh sáng Laser cho vào một hệ thống quang học thì tính chất lại còn lạ kỳ hơn. Đến nay « điểm » ánh sáng chỉ nằm trong vòng lý thuyết : người ta không bao giờ tạo ra được một điểm nhỏ hơn một phần tư luồng sóng điện. Với Laser là một nguồn ánh sáng hoàn hảo, thí nghiệm đã thực hiện được lý thuyết : dùng một thấu kính hội tụ, người ta có thể gây ra một « điểm » ánh sáng lên mỗi lưỡi dao cạo, có khi đâm thủng.

Trong ngành sinh vật học, ta thấy ngay áp dụng : muốn tiêu diệt một mảnh nhỏ sinh vật, một hạt

---

(1) Tần số $4,34 \times 10^{14}$ chu kỳ / giây ; luồng sóng điện 0,6943 micron.

(2) Nếu thời gian xung lực Laser là 10^{-6} giây, công suất là 10^{6} watt ; thời gian có thể đưa lên 10^{-7} giây, tăng công suất lên đến 10^{7} watt.

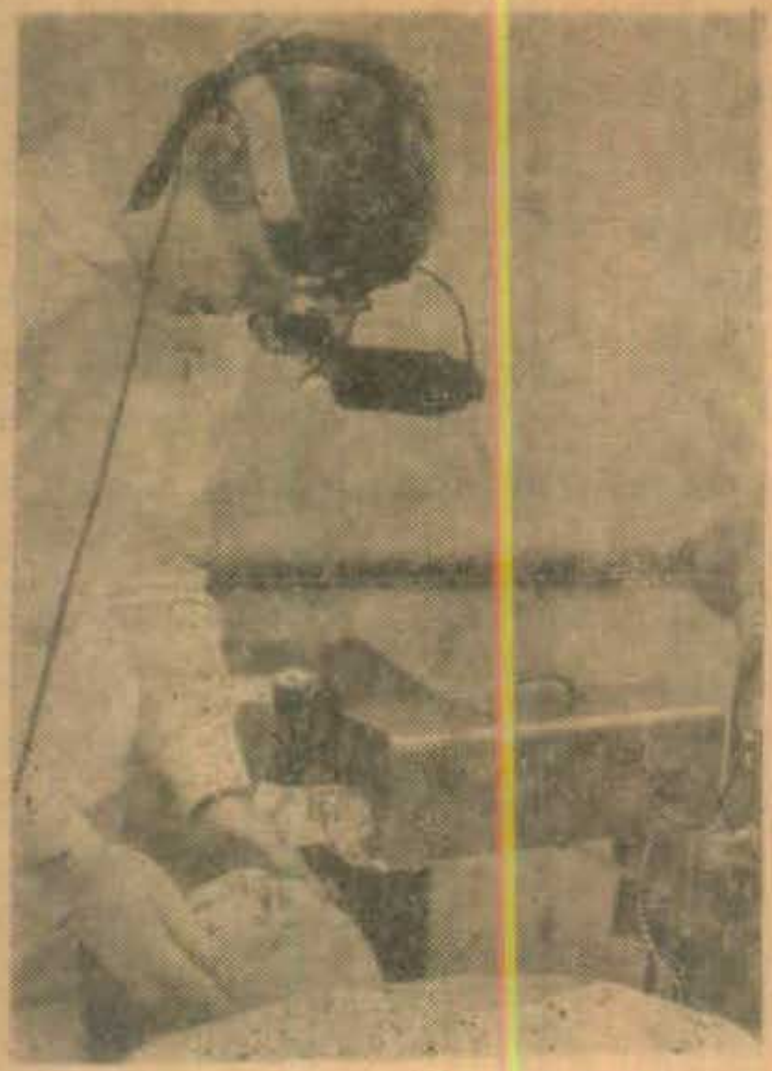

Một tia sáng Laser khoảng một phần triệu giây có thể chữa lành sũng phù ở phía sau mắt

nhân tế bào chẳng hạn, chỉ có việc chỏ ghép một máy Laser với một kính hiển vi và người ta có thể phóng tia sáng mãnh liệt vào một chỗ xác định. Ngành y học cũng không muốn đứng ngoài thực hiện mầu nhiệm này : Những thầy thuốc chữa mắt ở Viện đại học Columbia ở New-York đã từng thí nghiệm với Laser. Đến nay muốn chữa một sũng phù trên các mạch máu ở cương mô mắt, người ta chỉ biết phóng vào một tia sáng mãnh liệt, khi thành công, khi thất bại. Nay Laser hiến hai thắng lợi rõ ràng : một đằng người ta có thể cho tác dụng tia sáng sáng vào một chỗ xác định, đằng khác thời gian tác dụng rất ngắn ngủi nên mắt không phải bị nóng lên. Phương pháp này còn được dùng để khâu các cương mô bị bóc ra.

Một tia sáng có tính chất tập chú được một số lớn năng lượng như vậy tất nhiên có thể tiêu diệt được dễ dàng sinh vật. Vì vậy trong nhiều nơi người ta đã nói đến bức xạ giết người. Thật ra, theo tiến triển hiện nay, tia sáng chỉ mới giết được có vi trùng. Nhưng công xuất năng lượng còn có thể tăng lên vì số nguyên tử bị kích thích có thể nhân lên gấp bội. Các phòng thí nghiệm của quân đội hiện có khảo cứu về mặt nầy không ? Mãy ai trả lời được. Tuy nhiên nếu các nhà quân sự không chăm chú đến một tác dụng trực tiếp lên đoàn lính trên mặt trận, người ta không khỏi nghĩ đến cuộc phòng thủ chống các hỏa tiễn. Như đã thấy ánh sáng Laser chiếu theo một hướng nhất định, lại có một năng lượng lớn, người ta có thể chế ra một loại rada-laser mà tính cách chính xác tính ra sẽ vượt quá hẳn những máy móc dò xét hiện nay.

Thông tin, điện thoại, truyền hình

Bên mặt thông tin, rồi đây Laser cũng sẽ đóng một vai trò quan trọng. Các luồng sóng Laser cùng bản chất với các luồng sóng hertzien nghĩa là người ta có thể áp dụng Laser, vào tất cả những thực hiện của ngành điện sử cổ điển, từ vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình cho đến máy rada vừa thấy ở trên. Nhưng đáng để ý là luồng sóng điện càng nhỏ, số tài liệu chuyên chở càng tăng. Trong lịch sử vô tuyến điện, càng ngày người ta càng lại muốn

cố tiến về các luồng sóng điện ngắn. Nếu máy truyền hình đang còn dùng các luồng sóng điện cỡ thước, nhiều luồng sóng điện cỡ phân đã được chế ra. Giờ đây với Laser, luồng sóng điện sụt xuống dưới micron (một phần ngàn milimet), số tài liệu tăng lên khoảng 10.000. Giữa hai căn cứ, cùng lúc người ta có thể cho chạy 160 chương trình vô tuyến truyền hình và 100.000 cuộc điện thoại ! Như vậy nghĩa là nếu đem khai thác tất cả các luồng sóng điện của Laser người ta có thể thuyên chuyển 80 triệu chương trình vô tuyến truyền hình và 50 tỷ đường dây nói.

Với các tính chất huyền diệu ấy, lẽ tất nhiên các chuyên gia nghĩ ngay đến chuyện dùng Laser làm thông tin giữa các lục địa. Ngặt vì Laser truyền theo đường thẳng mà quả đất lại tròn nên khó thực hiện. Tuy nhiên, trong tương lai, phương pháp dùng một vệ tinh đồng bộ đứng yên trong bầu trời (vì tốc độ bay giống tốc độ quay của quả đất) làm tấm kính phản chiếu các luồng sóng Laser giữa hai lục địa sẽ được các chuyên gia lưu ý đến nhiều. Người ta đã thấy ngay vệ tinh thông tin dùng Laser sẽ là một vệ tinh thụ động như Echo, nghĩa là sẽ giản dị hơn các vệ tinh thông tin phát động Telstar, Relay nhiều. Đằng khác, nếu Echo phát lại rất yếu các luồng sóng hertzien vì các luồng sóng ấy suy yếu trong khoảng không gian, các vệ tinh nhân tạo sẽ truyền lại rất rõ ràng những tài liệu gởi với Laser vì các luồng sóng điện này vẫn còn được tập trung ở khoảng cách xa.

Vậy, ra không gian, Laser sẽ là một phương pháp thông tin vô cùng quý báu. Trong kế hoạch S-66, cơ quan Nasa đã cho thí nghiệm với một chiếc máy khảo sát đặt ở cao độ 1000 cây số. Sau này, người ta tính một Laser là đủ để truyền tin từ quả đất lên cung trăng hay lên sao Hỏa. Có nhiều người đã nói đến chuyện đặt trên cung trăng một nhà máy dùng mặt trời làm năng lượng và dùng Laser gởi năng lượng ấy về quả đất !

Gần ta hơn, và như đã thấy, có thể tập chú Laser lại một điểm, kỹ thuật không thể bỏ qua một tính chất quan trọng như vậy. Những chuyên gia hãng General Electric đã dùng Laser cắt được những mảnh kim loại. Rồi đây họ sẽ chế một máy cắt bạch kim. Với công xuất nhỏ hơn, Laser có thể làm nóng chảy kim loại, cho sinh ra một kỹ thuật hàn mới. Hãng Airco đã cho ra một máy hàn và hãng American Optical Co đã hàn được một sợi môlybđi-titani đường kính 0,1 milimet. Về tinh lượng cũng như về chính xác, kỹ thuật hàn bằng Laser vượt khỏi hẳn các máy cổ điển.

Ứng dụng Laser đã bắt đầu có nhiều và rồi đây còn có nhiều nữa Sau hồng ngọc, người ta đã chế ra máy Laser dùng khí hiếm (hêli, nêi) và chắc gần đây sẽ có những máy Laser dùng các chất bán dẫn mà đặc tính là hiệu xuất sẽ rất lớn. Phép lạ của ánh sáng kết hợp chỉ mới bắt đầu.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu :

— Bruno Friedman : Le Laser, une révolution dans les communications, Le Courrier (2-64)

— Albert Ducrocq : Le miracle du Laser, Informations et Documents (2-64)

— Pierre de Latil : Lasers et Masers révolutionnent l'optique et les télécommunications, Sciences et Avenir (12-62)

HỌP MẶT

đèn xanh và áo tím của người
vui của đêm và buồn đó của tôi,
mắt trong này và trăng ngoài phố
những giọng đàn và những ngón tay

●

căn phòng và bấy nhiêu khuôn mặt
e ấp của người và xao xuyến của thơ
đó, hạnh phúc — và gần như vừa đủ
đó, tình yêu và giây phút tình cờ

●

tình cờ trên hồn tôi người hát
những bài ca còn hơn một bài ca
tôi muốn dụi đầu trong nhỏ dại
nghe một lần — khi lớn — những lời ru.

●

lời ru ở trên môi người
lời ru ở tim óc đang trôi
lời ru ở giữa đời xé mở
đuổi theo tôi hoài lúc chia tay

●

còn phút cuối khi bước xuống đường
người tiễn chân hay tôi tiễn chân
còn đêm nay kẻ thức khuya chờ sáng
thở ưu phiền cho tan biến lên trăng

T.Đ.

Về một loài hoa

qui phái tràn khuôn mặt đông phương
hơi thở qua trên mười ngón buồn
trán đó phẳng phiu tường cẩm thạch
mắt đó một đời thấy nhớ thương

●

tóc thơm của loài cỏ đã thơm
nụ cười băng giá chiếc sao băng
lướt qua linh hồn đêm rất lạ
bây giờ ở thành phố hay rừng

●

trái tim và chiêm ngưỡng đang bầy
đêm ơi, đêm ơi, ngàn đêm ơi
xin kéo linh hồn ra khỏi xác
để nâng niu e lệ của người

●

để nâng niu hình tượng của đời
trong đêm lìm thấy trong đời tôi
trong tên của người — tên một người
tên một loài hoa dưới mặt trời.

T.Đ.

Đời sông sinh viên ở đại-học Tân-Tây-Lan

BÙI-HỒNG-CẨM

NHÂN dịp ông Nguyễn-Văn-Trung đưa ra vấn-đề cải-tổ đại-học, chúng tôi thấy có bổn-phận hưởng-ứng. Trên toàn mặt địa-cầu từ Âu sang Á đến rừng thẳm Châu Phi, người ta bỗng nhận thấy ở giáo-dục chìa khóa mở chân trời hạnh-phúc no-ấm. Người ta tìm thấy ở giáo-dục không những giá-trị nhân-bản mà còn có giá-trị kinh-tế, chính trị v.v...

Kẻ cho người nhận, kẻ bán người mua đều quan - trọng ngang nhau cho sự thành-công của bất cứ công việc nào. Ở Đại-học cũng vậy.

Trong bài này tôi xin đề-cập một vài khía cạnh về cuộc sống sinh-viên — người nhận —.

Lý-thuyết về tổ-chức sinh - viên các bạn đọc chắc đã biết nhiều, tự sáng-tạo cũng có, đọc sách học cũng có. Kinh-nghiệm cho ta thấy không mấy ai có thực lòng tin ở lý-thuyết của mình, tôi xin góp ý-kiến cùng các bạn trong việc tổ-chức hàng-ngũ sinh-viên bằng cách tả đời sống và hoạt-động của sinh-viên Đại - học Canterbury, ở Christchurch Tân-Tây-Lan.

Chúng tôi sẽ cố-gắng trình-bầy những biến-cố chính mà người sinh-viên sẽ trải qua trong một niên học ; giới hạn vào hoạt-động ngoại - vi có tính cách truyền-thống (traditional activities, extra eurriculum).

Để thông-cảm dễ-dàng hơn tôi xin mời bạn du-hành trong trí tưởng-tượng, sang đây sống và làm việc cùng chúng tôi :

Quanh khu Đại-học với mấy dãy nhà bằng đá xám xây kiểu Gothic, nhan-nhản những bảng chỉ-dẫn. Hôm nay là ngày ghi tên nhập học.

Nếu bạn không biết thể-lệ xin nhập-học thì xin theo bản chỉ-dẫn, khỏi phải chen-lấn, vì ở đây từ việc mua vé chiếu bóng đến đợi xe buýt người ta đều xếp hàng thứ-tự. Đơn đủ loại đủ mẫu xếp dọc trên các bàn, bạn nhặt mỗi thứ một lá, đừng bỏ sót vì bạn sẽ phải mất công xếp hàng đợi lại lượt mình.

Trong khi làm hồ-sơ chắc bạn để-ý đến số tiền 1200 đ VN bạn phải trả cho Liên-đoàn sinh viên và cuốn hướng dẫn cẩm-nang (orientation handbook). Bạn giữ lấy quyển ấy vì trong đó chứa-đựng phần lớn những điều bạn muốn biết về đại-học và cuộc sống mới đợi chờ bạn.

Tuần tới là tuần hướng dẫn (orientation week), trong tuần này bạn sẽ được khai-nhập vào làng Đại-học. Xin hẹn bạn 8 giờ tối thứ hai tại Đại-học-sảnh, nhớ đến lúc giảng về năm học bắt đầu.

Chắc bạn cũng như tôi năm đầu đến Đại-học, nôn-nao chen-chúc tìm một chỗ ngồi trong Đại-học-sảnh. Chuông nhà thờ dõng-dạc đồ tám tiếng, bạn giật mình thấy một lũ người mình trần-vẽ hình cổ-quái, đầu đội nón mẫu đen, mặc váy cỏ, nhảy múa la hét ầm-ĩ. Đứng ngạc-nhiên. Đó là đoàn Haka (1). Nhiệm - vụ của họ là làm náo-nhiệt không-khí Đại-học.

Máy vi-âm vang lên : « Hội Đồng Giáo-sư », mọi người đứng dậy im-lặng. Một toán người đầu đội mũ đen vuông có tua rủ bên gáy, mặc áo choàng đen, cổ áo hình tam giác rộng phủ vai, mầu-sắc khác nhau, nghiêm - trang tiến vào. Mọi người vỗ tay, đoàn Haka tiu-nghỉu rút lui, trợn mắt le lưỡi (1) dơ tay nhè ban giáo-sư doạ-nạt. Thiên-hạ cười-rộ, bạn cười theo, vui lây bầu không-khí thân-mật.

Một giáo-sư đọc diễn-văn khai-mạc, đại-khái thay mặt ban giáo-sư chào mừng tân-sinh-viên, nhấn mạnh sự khác-biệt giữa trung-học và đại-học ; khuyến khích tân-sinh.viên tham-gia vào hoạt-động sinh-viên, bỏ đi mọi thành-kiến và cố gắng tạo cho

(1) Haka là điệu múa của người Maori (bản-xứ) khi ra trận để khủng-bố tinh-thần địch-thủ

mình óc quan-sát tìm-tòi suy diễn và sáng-tạo v.v... Bài diễn văn thường rất ngắn và ý-nhị. Xong giáo-sư giới-thiệu ông Chưởng ấn (chancellor) phó Chưởng-ấn (vice chancellor) và hội-đồng giáo sư. Đoàn Haka trở lại quấy-nhộn khi ban giám đốc rút lui trong tiếng vỗ tay và bầu không-khí tưng-bừng.

Sau đó sinh viên được chia thành từng toán, tùy theo môn học, mỗi toán có một hay hai người chỉ-đạo (Counseller) — sinh viên năm thứ hai trở lên xung-phong làm việc. Mỗi toán tự tìm nơi họp. Sinh-viên chỉ đạo giới-thiệu toán viên với nhau và toán viên có thể hỏi bất cứ vấn-đề gì liên-quan đến môn mình học và cuộc sống đại-học.

Mười giờ rưỡi mọi người trở lại hội quán sinh-viên dùng trà (supper) sau đó là khiêu-vũ đến 12 giờ đêm.

Nếu bạn thích chơi thể-thao hoặc có khuynh-hướng văn-nghệ, kịch-trường, hoặc thích bàn-luận triết-học hay chỉ vui sống xã-giao, chiều thứ tư xin mời bạn đến Đại-Học-Sảnh vì các hội (Club), trưng bầy quảng-cáo về hoạt-động và thành-tích của họ. Bạn thích nhập hội nào thì chỉ việc trả tiền niên-liễm và bạn trở thành hội-viên của hội.

Tất cả có 60 hội chính-thức về đủ mọi môn :

a) Thể thao : như trượt tuyết, trượt băng, đánh gươm bơi lội, bơi thuyền, rugby, crichet v.v...

b) Khoa-học : hội điện-tử, hội toán-học. v,v.

c) Văn-hóa : hội văn-chương, bi-kịch (Drama) hài-kịch, dân ca (Folk music Club) v.v...

d) Triết-học : hội Socrate, tranh-luận (debate club)...

e) Tôn-giáo : Phong-trào sinh-viên công-giáo (S.C.M.) truyền giáo v.v...

f) Chính trị — Xã-hội : hội khoa-học chính-trị, hội quốc-gia, thân tả v.v...

g) Linh-tinh : Hội sinh viên quốc-tế (International club) hội leo núi, đi bộ, đánh cờ v.v...

Các hội nắm vai trò quan trọng trong hoạt-động sinh-viên hàng năm. Các hội thể-thao tuyển lựa đấu-thủ cho hai kỳ tranh giải thể-thao sinh-viên toàn-quốc (vào dịp lễ Phục-sinh và kỳ nghỉ tháng tám). Các hội văn-hóa, triết-học tham-dự vào đại-hội văn-hóa toàn-quốc (arts festival). Ba kỳ đại-hội này do Tổng-hội sinh-viên quốc-gia Tân-Tây-Lan tổ chức (tôi sẽ bàn kỹ hơn trong kỳ sau).

Tối thứ tư ban trị-sự liên-đoàn sinh-viên đại-học Canterbury sẽ ra mắt các bạn tân-sinh-viên. Hẹn bạn ở Đại-học-sảnh.

Anh Chủ-tịch liên-đoàn sinh-viên nói về đời sống sinh-viên, chương-trình hoạt động trong năm và giới thiệu toàn ban trị-sự cùng những bộ mặt quen thuộc trong làng sinh-viên như bác sĩ, huấn-luyện-viên thể-thao, cha tuyên-úy .v.v. Đoàn Haka hôm nay còn hoạt-động hơn hôm trước, sinh viên đã quen đùa với họ, không khi vui nhộn hơn nhiều. Sau đó lại một kỳ vấn-sự (counselling) mỗi toán về khu mình. Xin bạn đừng thẹn-thùng, hoạt-động đi, bàn cãi đi, chán với toán mình đi nhập với toán khác, chẳng sao, không ai phiền bạn về việc ấy. Với bạn trai tôi cần nhắc là bạn được mời đi dự hội khiêu-vũ thứ năm tuần sau và bạn cần một người bạn gái !

Thứ năm và thứ sáu dành cho các phân-khoa, vậy bạn nhớ đến dự buổi họp mặt giữa ban giảng-sư và sinh-viên (Staff - Student Social) Thường bạn phải mua vé vào cửa, đừng ngại, đây là dịp đầu-tiên và độc-nhất cho bạn gặp-gỡ giảng-sư của mình trong vòng thân mật, và cả bạn đồng-môn nữa !

Hai tuần qua trong hoạt-động, vui đùa và bao kinh-nghiệm, bạn cảm-thấy mình dần dần đồng-hóa với Đại-học, một phần-tử của cánh tay khổng-lồ nhân-loại xé rách màn u mê, tìm tới chân-lý. Tôi mừng bạn đi đúng đường, nhưng cần nhắc bạn về đống bài làm phải nộp, các đống sách để cầy và bao nhiêu ống nghiệm bạn sẽ đập vỡ !

Cuộc sống dần lắng trong học-vấn và hoạt động ngoại-vi giới hạn trong các hội. Nếu bạn yêu nhạc cổ-điển tây-phương xin mời bạn đến Đại-học-sảnh mỗi thứ năm lúc một giờ trưa. Ban nhạc sinh viên trình diễn những nhạc-phẩm danh tiếng của Mozart, Brahms, Dvorak, Tchaikovsky, Berthoven v. v... mục hay nhất là không mất tiền vào cửa !

Trong khi các sinh viên ưa chuộng thể-thao ráo-riết thao dượt hòng mong được tuyển đi dự kỳ đại hội thể-thao vào lễ Phục-sinh — thường mỗi sinh viên T.T.L chơi vài ba môn thể thao. Các sinh viên có khuynh hướng kịch-trường ngoài việc hoạt động cho các hội văn-hóa có thể xin thử một chân trong ban kịch diễn vào dịp tuần lễ trao bằng « Capping week ».

Tuần trao bằng được tổ chức vào tuần đầu tháng năm khi sinh viên tốt nghiệp được đội mũ trao bằng. Tuần này sôi nổi nhất trong năm, có thể nói đây là cuộc giao tiếp chính giữa làng đại học và thị trấn Christchurch.

Việc sửa soạn bắt đầu ngay sau tuần hướng dẫn (orientation week). Nếu bạn để ý sẽ thấy đâu đây quanh đại học — nhất là ở hội quán sinh viên — cáo thị mời sinh viên có khả năng và sáng kiến tham gia vào tuần lễ trao bằng. Nếu bạn có tài tổ chức và óc sáng chế bạn có thể tìm người đóng một chiếc « xe hoa » Mỗi «xe hoa» trình bầy một khía cạnh nào đó của cuộc sống, hoạt kê những việc xảy ra trên sân khấu xã hội, chính trị văn-chương trong nước hoặc ngoài nước. Nếu bạn thiên về khoa học và kỹ-thuật bạn có thể đóng một chiếc hỏa-tiễn xuyên lục địa hoặc một vệ-tinh — tất nhiên bằng gỗ và giấy ! Nếu bạn không thích công việc chân tay thì nghĩ một trò gì để biểu diễn, miễn là quấy-nhộn và ý-nhị là được. Bạn không hoàn toàn phí công tốn của vì vật liệu do liên đoàn sinh viên cung cấp và nếu « xe hoa » của bạn được chấm nhất, phần thưởng 2000đ. là của bạn. Tôi tin bạn cũng đồng ý rằng phần thưởng sâu đậm nhất vẫn là cái hãnh diện của một kẻ đã làm được cái gì với đời, dù rất nhỏ.

Những bạn yêu văn nghệ đừng vội buồn vì cảm thấy vô-dụng, Capping week có việc cho mọi người. Các bạn có thể giúp vào việc xuất bản « Tập san tuần trao bằng » « Capping mag ». Bạn đừng viết gì nghiêm trang quá, trí thức quá, tìm một đề tài tế nhị trào phúng nghĩa là bất cứ một đề tài nào có thể giúp cho người đọc quên được trong một phút tất cả những cái trang trọng, nghiêm khắc, giới hạn của cuộc sống. Mỗi năm sinh-viên xuất bản và bán hết độ 30.000 đến 40.000 cuốn Capping mag, việc làm của bạn quan trọng lắm vậy !

Trong hai tuần cuối tháng tư sinh viên bắt đầu cổ-võ cho tuần trao bằng. Họ làm đủ trò để lôi cuốn sự chú ý và kích thích trí tò-mò của quần chúng. Có anh thả một chiếc bè giữa hồ trong Hagley Park cạnh đại học gần trung tâm thành phố, trên bè làm một cái chòi mà ở vài ngày. Nhiều nhóm phá kỷ-lục thế giới về tốc độ cbặt dương-cầm thành mảnh vụn. Có sinh viên phá kỷ-lục về bắt tay, anh ta đứng ở khu đông nhất của thành phố bắt tay mọi người qua lại. Tất nhiên bao giờ họ cũng cẩn thận mời một phóng viên nhà báo đến chứng kiến.

Tuần trao bằng khởi đầu bằng một cuộc đua xe trên giòng sông Avon (Bike race). Sông rộng độ 10 thước và sâu quá đầu gối.

Cuộc đua bắt đầu lúc 1.15 nếu bạn có lớp giảng đến 1 giờ thì đừng về ăn trưa vội. Dân chúng, sinh-viên đứng chật hai bên bờ, nhiều người từ các thị-xã lân-cận đến Christchurch để xem cuộc đua. Một đoàn người ăn mặc lôi-thôi, trớt như chuột

lột, kẻ đẩy thùng người vác khung xe, đẩy bè, kênh kiệu nhau, thi nhau chạy xuôi theo giòng sông đục ngầu. Dẫn đầu là đoàn Haka, ướt và bẩn, vừa chạy vừa nhảy múa la hét, lúc trên bờ, lúc dưới sông. Thiên-hạ hai bên bờ cổ-võ, la hét chạy theo. Người hoặc nhóm đến đích trước nhất được thưởng 10000đ. (V.N)

Các biến-cố chính khác trong tuần trao bằng là : Đại nhạc kịch (Review), đám rước xe hoa (procesh), lễ trao bằng và sau đó là dạ-hội kkiêu-vũ cho sinh-viên tốt-nghiệp (graduate ball). Đại nhạc kịch (*Review*) là một kịch dài thường do sinh-viên sáng-tác, có tính-cách trào-phúng, dựa trên một biến-cố lịch-sử nào đó hoặc một đề-tài văn-chương (Inside Cleopatra chẳng hạn). Kịch được trình-diễn theo kiểu « đại quy-mô », có bối-cảnh đồ-sộ, dàn nhạc (oschestra) hòa tấu. Số diễn-viên lên tới trăm người. Thường thường kịch được diễn liên-tiếp trong mười đêm ở một rạp hát lớn nhất thành phố. Đêm nào cũng chật chỗ.

Đám rước xe hoa : Đối với dân-chúng của thị-trấn Christchurch đây là biến-cố chính của tuần trao bằng, một hình-ảnh mà họ mong đợi. Từ mười giờ sáng dân-chứng đã tụ-tập quanh khu đại-học xem các xe hoa lần lượt đến chỗ dành sẵn. Khu đại-học biến thành rạp xiếc khổng-lồ với đủ loại người ăn mặc khác nhau. Có lẽ hề quần áo rộng thùng - thình, mặt bôi phấn nhún-nhẩy trên những chiếc xe đạp đủ kiểu, bánh to bánh nhỏ, một bánh, ba bánh. Có nhóm sinh-viên lênh-khênh trên những cặp cà-kheu với nhãn-hiệu « Thế-hệ hướng - thượng » (a rising generation). Nữ-sinh viên hoạt - động không kém bọn mày râu, tinh-quái, liều-lĩnh.

Mỗi năm có độ 40 đến 50 chiếc xe hoa với những đề-tài khác nhau, từ việc hút thuốc là căn bệnh của ung-thư đến việc ông Khruschev cầm giày đập lên bàn trong hội nghị Liên-Hiệp-Quốc, từ vượt ngục v.v...

Sau khi ông Chưởng-ấn và đại diện sinh-viên duyệt đoàn xe hoa chấm điểm, cuộc rước xe hoa bắt đầu. Dân chúng đông nghẹt hai bên bờ phố, mấy căn gác dọc theo đường đi của xe hoa đầy ắp những người. Người ta đóng cửa hàng nghỉ việc xem đám rước.

Những sinh-viên không tham dự trực tiếp trong đám rước có thể đi quyên tiền trong dân chúng. Dân-chúng hài lòng với đám rước cho rất rộng rãi. Những người đã cho tiền được một tấm vé gọi là immunity tag, người nào cũng phải cho. Bạn có cảm tưởng đây là cuộc thu thuế hoặc đòi tiền mãi-lộ. Số tiền thu

được dùng vào một mục-đích xã hội nào đó như đã quảng cáo. Giúp hội người bị bệnh tê-liệt, trẻ em kém thông minh (intellectually handicapped children) v.v...

Lễ trao bằng : 12.30 : Sinh-viên tốt-nghiệp tập-trung trong sân đại-học. Người nào người nấy đội mũ vuông đen (trencher) bận áo choàng đen, cổ cao hình tam giác rộng trùm vai buông quá ngang lưng, mầu sắc khác nhau tùy theo phân-khoa và văn-bằng: kỹ sư mầu tím, văn-chương mầu hồng, luật-khoa mầu xanh nhạt v.v...

Sinh-viên xếp hàng chụp ảnh tập đoàn rồi chia thành từng toán tùy theo phân-khoa. Họ đi diễn hành từ Đại-học đến tòa Đô-sảnh. Nơi đây cha mẹ hoặc hai người thân được mời đến chứng-kiến buổi lễ trao bằng. Vào tòa đô-sảnh, sinh viên đứng ở chỗ mình cho đến khi ông Chưởng-ấn đã an vị. Sinh-viên bỏ mũ chào ông Chưởng-ấn và cầm mũ trong tay không được phép đội cho đến lúc được trao bằng. Chỉ những sinh-viên tốt nghiệp các bằng cao học danh dự mới được tiếp riêng từng người trong lúc nhận bằng. Sinh viên với cấp bằng thấp hơn sẽ được gọi lên từng nhóm năm người. Ông Chưởng-ấn bắt tay từng người và ban bằng. Sinh viên sau khi nhận bằng phải đội mũ cho đến hết buổi lễ.

Sau đó sinh viên và các người thân được mời dự tiệc trà ở Đại-học (affernoon tea).

Một dạ hội khiêu vũ được ban quản trị đại học (University council) tổ chức và mỗi sinh viên tốt nghiệp đến dự. Trong suốt buổi khiêu vũ, sinh viên tốt nghiệp phải mặc bộ lễ phục của mình (academie dress).

Sau capping week là ba tuần nghỉ tháng Năm xả hơi, mục đích cho sinh viên đuổi kịp chương trình.

Cuối tháng Năm, kỳ học thứ hai bắt đầu. Kỳ này các hội đã củng cố được nội bộ, hoạt động mạnh hơn. Các hội thể thao như hội trượt tuyết, trượt băng mở những cuộc du hành trực tiếp trong khi các hội thể thao mùa đông như bóng bàn bóng rổ v.v... Ráo riết thao dượt cho kỳ đại hội thể thao toàn quốc tháng tám ; các hội văn hóa sửa soạn cho kỳ đại hội văn nghệ. Các đại học xá mở những buổi khiêu vũ hàng năm (annual ball) và những cuộc tranh thủ thể thao liên cư xá.

Hội sinh-viên quốc tế mở một buổi trình diễn văn nghệ bán vé cho quần chúng.

Sinh viên ngoại quốc ở đây đều tham dự trình diễn văn nghệ dân tộc của mình.

Sau kỳ nghỉ tháng Tám, 3 tuần, kỳ học thứ ba bắt đầu. Mọi hoạt động dịu xuống và sinh viên bắt đầu chúi đầu vào sách vở. Tuy nhiên thao trường của Đại học lại bận rộn hơn trước vì sinh viên TTL. tin rằng sự điều hòa giữa hoạt động thể chất và trí tuệ giúp cho việc học tập thêm có hiệu quả.

Cuối tháng mười, sau hai tuần nghỉ để học ôn bài vở, kỳ thi bắt đầu. Năm học kết thúc với những bộ mặt tiu-nghỉu của kẻ trượt và hớn hở tin tưởng của người đỗ.

Dù đỗ hay trượt, người sinh viên sau một năm học nếu đã hoạt động mạnh trong năm, lợi dụng những phương tiện sẵn có, đã tiến một bước dài trong việc tìm hiểu khả năng tiềm tàng của mình trong việc đối đầu với cuộc sống giao tiếp với người đồng loại. Chân trời cuộc sống mở rộng và người sinh viên đã tháo bỏ được những mặc cảm dính liền với cái tôi nhỏ hẹp, mở rộng hai tay đón vũ trụ vào lòng.

BÙI-HỒNG-CẨM

(trong nhóm sinh viên tự học Canterbury University)

THỞ DÀI

— Tập truyện đầu tay của TÚY-HỒNG.
— Tâm trạng một lớp người trẻ.
— Do một ngòi bút phụ nữ táo bạo chưa từng có.

THỜI MỚI XUẤT BẢN — 200 trang — **50 đ.**

Một số báo mà văn giới và học giới không thể thiếu

VĂN số 14

tưởng niệm NHẤT.LINH
đã ra ngày 7-7-1964

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả_____

Địa chỉ_____

Thời hạn mua (1)_____ bắt đầu từ_____

Thể thức trả tiền_____

_____ ngày____ tháng____ 1962

Ký tên.

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 $

6 tháng : 100 $

— Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó

— rả trước 200 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (22 số thường 220 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 $ = 260 $)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn qnen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiếu.

SẮP CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH

KHỞI HÀNH

tập truyện đặc sắc nhất của LÊ TẤT ĐIỀU

cây bút trẻ mà bọn đọc ưa thích

BÁCH KHOA XUẤT BẢN

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trăng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

— Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260$

— 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :

— 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110$)

— 12 tập (1961 63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65$)

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa

160, Phan-Đình-Phùng Sàigòn

Vòng tay học trò

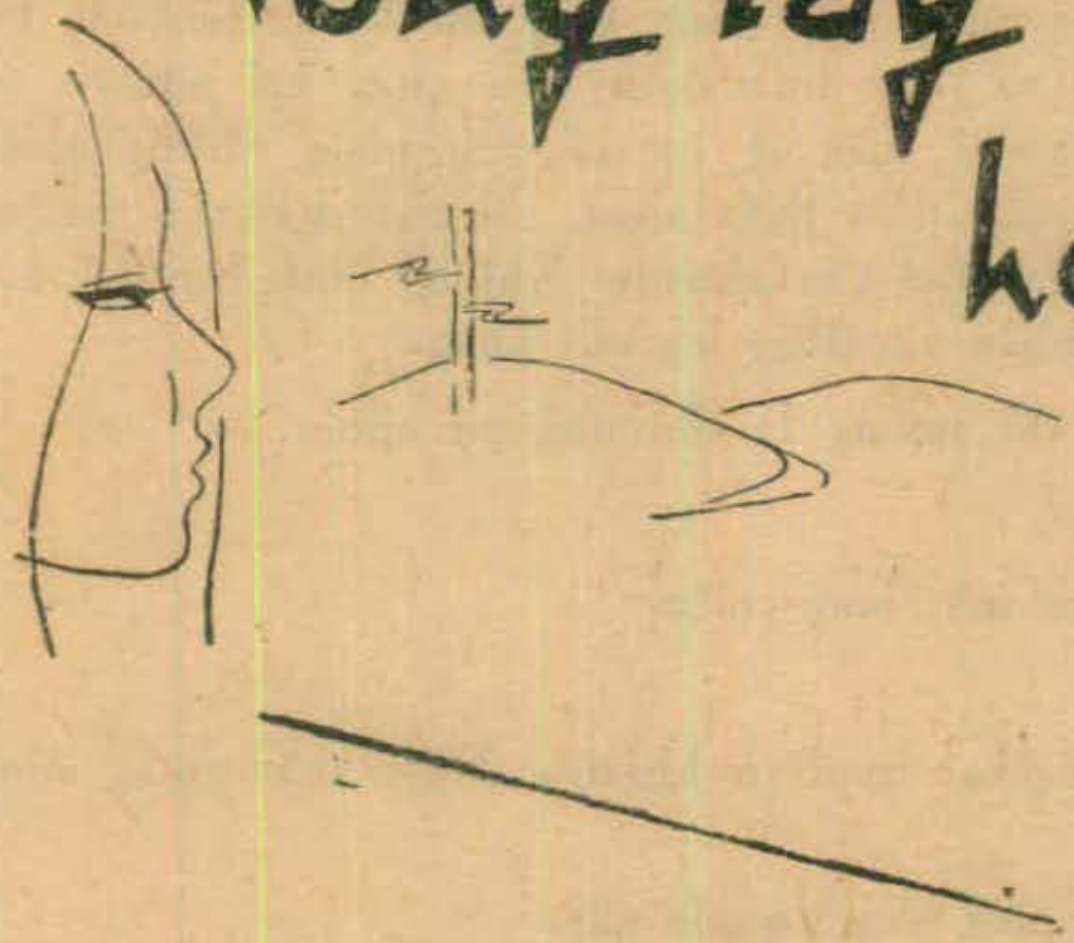

Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

Từ cửa sổ lầu cao nhìn xuống, Trâm nhận ra dáng người cao lớn của người đàn ông thấp thoáng sau bờ hoa quì. Nàng nghĩ ngay đến chuyện lẩn trốn, quay lại bảo thằng Tuân :

— Cháu ra bảo ông khách kia, cô đi vắng rồi.

Nhưng Tuấn đã ngơ ngác nhìn lên trông thấy Trâm và gật đầu mỉm cười. Đối diện nhau ở ngưỡng cửa phòng khách dưới lầu, Tuấn nhìn mái tóc xòa dài không chảy gỡ của Trâm :

— Trông Trâm không giống hôm ở sân bay tí nào.

Trâm đứng nép sang một bên nhường lối cho Tuấn vào, bối rối vuốt mớ tóc lòa xòa che mặt.

— Khác sao anh còn nhìn ra?

Tiếng anh thốt ra bất ngờ không tính toán làm Trâm hoảng hốt muốn giữ lại. Nhưng nhân cơ hội, Tuấn đã bám lấy danh từ mới đó :

— Nhìn ra chứ. Như anh còn nhìn ra Trâm trên máy bay sau hai năm vắng mặt.

— Cái gì làm anh nhận ra Trâm ?

— Đôi mắt.

— Mắt làm sao anh ?

— Anh không diễn tả được.

Hai người thong thả lên lầu. Trâm kéo chiếc ghế nhỏ :

— Anh ngồi tạm. Nhà Trâm chẳng có cái ghế nào đáng cho anh ngồi.

Nói xong, Trâm cúi xuống mỉm cười bằng lòng câu khách sáo đó. Để Tuấn có thể nhận ra giới hạn và sự cách bức hoàn toàn giữa hai người, và nàng không tiếp Tuấn như một người thân để có thể chấp nhận những thiếu sót hay bừa bãi trong nhà. Bởi nếu thân thiết nhau, thì nhà lộn xộn, không ngăn nắp càng dễ gây « cảm hứng » cho câu chuyện. Khung cảnh bừa bãi bao giờ cũng thuận tiện cho những nhân vật đồng lõa với nhau.

Nhưng Tuấn không hiểu, chỉ tưởng là chủ nhà quí mình.

— Anh là gì mà ghê vậy ?

— Khách. Là người khách một buổi chiều.

— Có gì lạ đâu.

— Lạ chứ. Bởi Trâm không bao giờ có khách». Nhận thấy giọng mình xạo và điệu thế nào, Trâm tiếp :

— Cũng có nhưng không phải khách muốn tiếp.

— Sao Trâm tiếp anh ?

— Vì anh là bạn anh Lam của Trâm, Trâm tiếp người anh xa về thăm, vậy thôi.

Tuấn vắt cái manteau qua thành cửa sổ, nhìn quanh phòng :

— Trâm ở đây với ai ?

— Một mình.

— Vô lý.

— Sao ?

— Anh đi qua bao nhiêu miền cô đơn chưa bao giờ gặp một quạnh hiu tuyệt đối thế này, cả đến đời sống sa mạc.

— Sao anh biết nhà Trâm ?

— Hỏi nhân viên ở hãng máy bay. Đến đầu đường tìm quanh quẩn, người ta chỉ lại đây. Sao ai cũng biết nhà Trâm vậy ?

— Dĩ nhiên. Như anh hỏi dã nhơn đâu mà người ta chỉ anh lại sở thú. Ở đâu rồi Trâm cũng là quái vật cho thiên hạ tò mò.

— Không phải thế tại Trâm khác thường đấy thôi. Ở một mình, Trâm không sợ sao ?

— Sợ gì ?

— Ma quỉ. Cướp trộm bao nhiêu chuyện bất ngờ.

— Trâm là ma rồi còn sợ gì ma. Ăn cướp ? Chẳng có gì để lo bị cướp. Chỉ sợ một thứ : ma quỉ và đạo tặc chính ở trong lòng mình nổi loạn.

— Trâm nói cái « passion » của con người phải không ?

Trâm cười nhẹ, chớp mắt, giọng miền Bắc của Tuấn trầm ấm vuốt ve như một nhạc điệu cám dỗ :

— Anh cũng thế.

Rồi Tuấn ngừng bặt yên lặng nhìn Trâm một lúc lâu khiến nàng bối rối cúi mặt, Trâm sợ một phút giây nào đó, Tuấn sẽ nói thẳng điều Tuấn muốn nói với nàng hai năm trước. Trâm lảng sang chuyện khác :

— Buổi chiều ở đây dài quá.

Nhưng Tuấn như không nghe thong thả nối lời :

— Hôm gặp Trâm trên máy bay, anh như bị xô đẩy vào một vùng gió lạ. Anh mang cảm giác choáng váng đó theo khi lái máy bay trở lại Saigòn chiều hôm đó. Suốt đêm anh nghe tiếng gọi của « passion » trong lòng mình. Sáng nay anh giao chuyến về Tourane cho một người khác lái, anh đi tìm lại Trâm không đắn đo suy tính. Có thật Trâm còn một mình không ? Chính anh cũng không thể sống được một ngày cô đơn trong nhà này. Cái gì làm cho Trâm chịu đựng được cuộc đời như thế ?

—Anh làm như Trâm bị lưu đày.

— Còn hơn cả lưu đày nữa, nhất là với một đàn bà như Trâm. Trâm phải sống thế này, anh nghĩ là Thượng Đế bất công.

— Anh lạc quan thật, còn tin có thượng đế, và thượng đế xếp đặt số phận mình !

— Trâm có vẻ vui tươi thế, bi quan sao ?

— Trâm có bi quan đâu. Trái lại ấy chứ. Nhưng không tin tưởng gì hết. Hoài nghi chính hiện hữu của mình. Con người như một hành tinh bằng cát bụi lơ lửng giữa không gian, bắt đầu bằng hư không rồi cũng chấm dứt ở đó. Sống như một di chuyển lạnh lùng. Mỗi người chỉ có thể xây dựng hay tàn phá chính mình. Không có một bàn tay cứu trợ nào khác. Trong cô đơn tự ý đó, Trâm muốn mình là thượng đế của chính mình, và hướng dẫn đời mình theo con đường này, lang thang và khổ ải.

— Vậy chính Trâm bất công đối với Trâm ?

— Có lẽ. Nhưng trong lúc tự hành hạ mình, Trâm cảm nhận một hờn tủi và khoái lạc xa xôi. Điều đó kỳ dị lắm, anh quen sống sung sướng, anh không hiểu đâu. Điều khác thường mà anh gán ghép cho Trâm thật ra chỉ là một cố gắng mơ hồ và vô ích. Cố gắng tìm một nghĩa lý trong mỗi mấp máy của đời sống. Chấp nhận suông đời mình, Trâm không chịu được. Tìm một nghĩa lý cho những điều hoàn toàn không nghĩa lý. Thế nào cũng thất vọng, như thất vọng trong những tình yêu đã tưởng thần tiên, biết vậy mà vẫn kiếm tìm, cho đến khi gục xuống.

— Không ai can đảm tìm, Trâm ạ. Như mỗi lần bay xa mặt đất, đỉnh trời anh ngó thấy đó thật gần gũi như mình có thể với tay là chạm đến Vô Cùng. Nhưng nhận ra sự cách xa vời vợi, điều không thể đạt đến đó làm cho mình thất vọng và đau lớn vô cùng. Như trường hợp một người đàn ông tìm đến một người đàn bà...

Trâm chợt nhận ra mình vô ý khơi nguồn mạch suối từ lâu quên trôi chảy, những lời độc thoại âm thầm trong tâm hồn mình và tình cảm xa xôi vừa trở về đốt cháy trong lòng Tuấn. Bao nhiêu ý tưởng Trâm ủ kín qua thời gian không trao đổi cùng ai, hôm nay bất ngờ nàng trút vào câu chuyện với Tuấn. Mà Tuấn, sau mỗi câu, mỗi chữ đáp lời Trâm đều cố ý chuyển xoay về một điều duy nhất : gợi những cảm xúc sôi nổi trong lòng người đàn bà và tìm cách lung lạc... Trâm biết, nhưng vẫn du mình trong cơn hoang mê kỳ thú, nói hết những điều muốn nói một lần sau bao nhiêu lâu câm nín không có người nghe. Từ lâu, Trâm sống như mộng du trong một vũ trụ bồng bềnh mây khói. Những nói cười chuyện vãn ấy, những trao đổi hàn huyên ấy với người đời chung quanh, trong tương giao luẩn quẩn đó không phải do nàng, không phải thuộc về bản ngã tâm linh nàng. Vậy ra Trâm đã câm. Đã hoàn toàn câm trong suốt quá khứ mù mịt đó. Ngôn ngữ đích thực như một chìa khóa mở cửa vùng tâm thức huyền bí không bao giờ được dùng. Không ai trao đổi Chiều nay là Tuấn. Nhưng Tuấn không phải là người đối thoại chờ mong. Còn ai, ở đâu. Trâm không biết, không bao giờ có. Không bao giờ gặp. Như Tuấn ngó thấy mà không thể chạm đến đỉnh trời. Như Trâm làm con thuyền lênh đênh qua nhiều bến để cuối cùng lại tiếp tục xuôi dòng theo tháng năm trôi. Như những bóng hình lao xao suốt đời Trâm cũng rã xuống, tan tành theo bọt sóng... Cả đến đời sống ở đây, trong nhà này, tự chọn, cuối cùng cũng là một vẩy bụi sỏn con trong dự định trùng điệp không bao giờ thành tựu. Và đời sống đó, một hương thơm, một hoa thắm sẽ có nghĩa lý gì không ? Minh như một chiếc bóng nhỏ bé lẻn vào cuộc đời cô quạnh của nàng, có nghĩa gì không ? Hay Minh cũng chỉ là một đáp số vu vơ cho một bài toán đời đã sai ngay từ phần giả thuyết. Nhưng làm sao có thể nhận định dứt khoát rằng tôi không có gì không được gì, mọi sự phi lý vô nghĩa hết và mỗi cuộc đời sẽ chẳng đi đến đâu. Còn ảo tưởng. Và những viễn tượng vô cùng. Một ngày nào đó em sẽ thuộc về tôi. Đời em nhập vào đời tôi. Tâm hồn em chảy vào tâm hồn tôi như một dòng sông xuôi về biển cả. Và hai thân thể dìu nhau vào vòng sinh hóa chập chùng. Đời này cũng như mọi đời khác trên địa cầu mỏi mệt. Có gì khác lạ, kém hay hơn không. Tôi từ chối. Tôi đuổi theo nhưng ai dừng lại tôi sẽ vội vàng từ chối. Để còn ảo tưởng rằng điều mình có thể tiếp nhận lớn gấp nghìn lần mình muốn xin. Và ở bên ấy bên kia bờ cách ngăn không thuyền nào ghé tới đó, là cõi lạc thú hoang đường, là thần tiên diễm ảo. Bởi không có gì nghĩa lý ở những thực tại gần gũi. Cả thể nghĩa lý cuộc đời còn thoi thóp ở cõi bên kia, ở phương trời viễn mộng đó. Còn thực tại này, vũ-trụ nhỏ bé này, phải đương đầu và chấp nhận.

— Anh nghĩ là Trâm hy sinh đời mình cho một thái độ sống... Hy sinh vô ích.

— Vô ích, và có lúc mỏi mệt. Bây giờ thì chưa.

— Trâm khó hiểu thật. Trâm kéo dài cuộc phấn đấu phi lý này đến bao giờ.

— Không biết, một hai ba năm. Có thể suốt đời.

— Như một nữ tu?

— Không bao giờ thế, trái lại.

— Trâm thích thú nghề nghiệp hiện tại?

— Chán ngấy. Không phải chán học trò, chán vai trò mình. Mà không khí và cách thế của những người sinh hoạt trong vòng đó.

— Trâm xin đổi về Saigon không?

— Việc gì phải đổi. Ở lại hoặc bỏ đi, cắt đứt một quãng đời, ném cho quá khứ, không mang gì theo tương lai và cũng chẳng cần bám víu vào hiện tại nữa.

Thấy câu chuyện đẩy xa vấn đề Tuấn mở đầu lúc nãy. Trâm tưởng đã yên thân.

Nàng pha trà ra chén và mở hộp bánh mời Tuấn. Tuấn chọn một chiếc qánh chocolat nhỏ nhất cuộn trong giấy bóng đỏ thắm.

— Sao anh ăn cái nhỏ xíu vậy?

— Cái nhỏ xíu dễ thương. Trâm có thấy Trâm nhỏ xíu trong tòa lầu này không? Ban nãy thấy Trâm, anh tưởng cô bé nào. Hôm ở máy bay, Trâm mang giày cao cơ, trông « proportionnée » lạ, vừa kiêu kỳ vừa lãnh đạm.

Rồi Tuấn lơ đãng ngắm bức tranh dở dang trên giá vẽ cạnh lò sưởi.

— Ai vẽ thế?

— Trâm vừa bắt đầu.

— Trâm cũng vẽ. Tiếc Trâm không vẽ chính mình. Nếu anh biết vẽ, chiều nay anh xin phép Trâm ở lại ở lại để pha màu đôi mắt Trâm.

— Mắt Trâm không màu.

— Có màu, một màu không tên...

— Có lẽ vì thế mà không một cái nhìn nào gọi được mắt Trâm. Chẳng ai gọi đúng cho nên Trâm nhìn lại đám đông, mà không thấy ai cả.

Chiều xuống thấp trên những đồi cỏ già. Hơi lạnh và gió ẩm ngất ngây tỏa xuống. Tự nhiên Trâm nhìn Tuấn và nhìn quanh. Im lặng đè nén như báo trước một tàn phá bão táp nào. Mắt người đàn ông nhìn nàng mỗi lúc

một chăm chú hơn, và giọng nói chàng dịu xuống như sắp sửa chỉ còn là hơi thở,

— Mấy giờ máy bay về Sàigòn.

— Anh không cần máy bay nữa. Trâm đuổi anh thật à ?

— Chiều rồi, anh về thôi. Anh làm Trâm sợ. Trâm hét lên cho xem

— Hét đi chỉ có anh nghe thôi mà.

— Minh ơi.

— Ai vậy ?

— Một người, đi vắng rồi.

— Thảo nào Trâm đuổi anh.

— Không phải lý do ấy. Vả lại không đuổi, chim trời cũng lại bay.

Bàn tay Tuấn dịch lại gần cánh tay Trâm trên bàn. Nàng thu tay lại lắc đầu thật nhẹ.

— Nhưng bay lượn trong vòm trời nhỏ hẹp và quen thuộc chỉ cảm thấy thân phận lưu đầy của con người. Nhiều lúc anh nhớ tiếc vô cùng, những năm đầu được huấn luyện ở gần miền sa mạc. Bọn anh thường tập dượt buổi chiều và bay về trong đêm. Vòm trời đêm sa mạc xanh vô cùng. Nhiều lúc anh bay lượn bồng bềnh giữa những mảnh vỡ các vì sao. Với những chiều chiều bay về phía mặt trời lặn. Người Á-Rập lùng thùng trong những chiếc áo trắng lê thê phủ kín đầu đến chân nối tiếp nhau thành hàng dài như một đoàn cừu trắng lô nhô vượt qua những cồn cát bỏng cháy. Vẻ yên lặng của họ lạ lùng bí hiểm thế nào. Có một điều anh cho khó hiểu nhất là đôi mắt của người đàn bà Á-Rập. Bắt gặp đôi mắt đó mình vừa bàng hoàng xao xuyến vừa khắc khoải chờ mong, vừa buốt tê rung động trong lòng. Khi nhìn trong mắt Trâm, anh cũng cảm thấy thế, Trâm biết không ?

Từ dạo ở Sàigòn, Trâm đã nghe Tuấn nổi tiếng là một cây tán cự phách, nên nàng không chút ngạc nhiên khi thấy chàng dở ngón tuyệt diệu ra như vậy Nhưng Trâm muốn trút cái lốt em gái ngoan ngoãn từ đầu câu chuyện và tìm cách choảng Tuấn :

— Anh đọc nhiều St. Exupéry lắm nhỉ ?

— Thằng nào lái máy bay cũng có đọc Exupéry. Nhưng Ex. đâu có diễn tả nổi cảm giác kỳ diệu của những chuyến bay đêm. Nếu anh bay đêm qua Dalat, anh sẽ bâng khuâng tự hỏi có phải tất cả những đốm sáng long lanh dưới. kia là ánh sáng từ đôi mắt một người nhìn lên và nghĩ đến mình không.

— Anh tự tin đến tưởng có một cặp mắt nhìn lên và nghĩ đến anh trong thành phố này sao ?

— Không bao giờ Trâm nhìn một máy bay trong vòm trời đêm ?

— Có chứ.

— Trâm nghĩ gì lúc đó ?

— Trước thì không nghĩ gì. Nhưng từ nay nhìn máy bay, Trâm nghĩ máy bay sắp đâm vào một đỉnh núi nào đó.

— Trâm làm anh nhớ một người đàn bà ở sa mạc. Chồng bà ta chết trong một chuyến bay. Anh hỏi nhìn máy bay sẽ nghĩ gì bà ta cũng trả lời như Trâm.

— Bà ấy muốn ai cũng phải chết như chồng mình. Còn Trâm muốn máy bay anh lái đâm vào đỉnh núi để sống cảm giác có người thân chết cách ấy ra sao ?

— Nếu thật sự Trâm nhận anh là người thân, anh sẽ đền đáp bằng cách... đâm máy bay vào núi.

— Vậy để cứu những hành khách, Trâm sẽ không bao giờ nhận anh là người thân.

Tiếng cười hai người vui vẻ hòa lẫn vào nhau. Giọng Tuấn bỗng buồn buồn xao xuyến :

— Như thế, hai năm trước, và bây giờ, anh chẳng là gì cả đối với Trâm?

Trâm sẽ nghĩ đến anh như người khách bất ngờ một chiều nào đó... Còn sao hơn nữa. Anh là chim trời, rồi anh lại bay đi.

Tuấn rút một đóa cẩm nhung đỏ thắm trong bình đưa lên môi :

— Nhưng nếu chim trời gãy cánh ở nơi này, Trâm nghĩ sao ?

Các chuyện kéo dài lan man để cuối cùng dồn mình đến chân tường cao đó, Trâm nghĩ thế và đứng lên thong thả đến tì tay vào khung cửa sổ nhìn qua bên kia đồi. Nắng vàng đã nhạt. Vòm trời thấp xuống âm u và nàng bỗng dưng cảm thấy tất cả nỗi lạnh lùng tê dại của đời cô quạnh chụp xuống hai bờ vai yếu đuối. Nghĩ sao. Nhất là lúc này, Trâm không muốn nghĩ sao. Hiện tại êm đềm đầy đủ và Trâm không muốn vẽ thêm một đường cong nào khác trong đời. Có lẽ một ngày nào đó, ý định suốt đời cô đơn sẽ không còn quyết liệt nữa. Bao nhiêu lạnh lùng kiêu ngạo cũng mất đi. Rồi chính nàng sẽ bơ vơ tìm kiếm một bóng mát bờ cây ấp ủ đời mình. Bây giờ thì không. Như trước kia, những tháng ngày rực rỡ như dung nhan phù du của đời con gái.

Tuấn châm một điếu 555 rồi thong thả đứng dậy, đến bên Trâm. Mùi thuốc thơm gần gũi gợi nhớ một điều gì quen thuộc. Cảm giác thiếu vắng bỗng xoáy vào lòng Trâm như một vết thương. Và nàng quay lại nhìn Tuấn. Nhưng đôi mắt van nài xua đuổi đó, người đàn ông hiểu lầm như một gọi mời níu kéo. Chàng tiến lên một bước. Cánh cửa lắc nhẹ trong một cơn gió bất ngờ. Cành thông quất lên đập mạnh xuống má

cao. Vòm trời chao động trong một giây liền thay đột ngột. Và giọng Tuấn trầm xuống trên mái tóc Trâm tả tơi bay :

— Anh có làm Trâm buồn không ?

Cánh tay Tuấn tì vào cánh cửa, mở thành vòng cung ấm áp và xa cách trên đầu Trâm. Tưởng như một vòm lá hoa nhiệt đới sắp sửa choàng xuống vai mình, một vòm trời đầy mây và nắng lung linh thấp dần kết võng đan tơ cho thân thể rã rời của mình ngả xuống ngủ thiếp mê, bằng một liều lĩnh quyết liệt và lạnh lùng, Trâm đặt bàn tay lên ngực áo Tuấn, đẩy nhẹ ra :

— Chiều rồi, anh đi đi.

Rồi nàng xoay người lùi lại cách xa Tuấn và yên lặng nhìn ra nét đồi dịu dàng sắp chìm vào hoàng hôn. Sau lưng nàng, Tuấn đứng im như một đợi chờ vô vọng. Cảm giác có một người đang ở gần mình mà rất xa xôi, ngăn cách làm bằng từ chối của người này, van xin của người kia, dậy lên trong lòng Trâm một nỗi bứt rứt khó chịu, Trâm chợt kêu gọi, cầu cứu đến một người nào — dù là hình ảnh — để nhận ra mình sắp định đoạt đời mình ra sao. Minh ơi, sao Minh chưa về. Tiếng gọi thầm len lỏi vào lòng cho khuôn mặt Trâm buồn ngơ ngác — Nàng cảm thấy bơ vơ lạc lõng trong một nỗi buồn chán mênh mông vô cớ. Trâm không biết mình muốn gì lúc đó. Cuộc đời dài ra trước mặt. Dĩ vãng vây kín sau lưng. Đi đâu Trâm không biết. Chờ đợi đời hỏi gì thêm Trâm không biết. Sự hiện diện của một người đàn ông làm nàng mệt mỏi khó chịu lúc này. Như thêm một lần đắn đo quyết định lại tất cả. Tuấn đến. Rồi Tuấn đi. Nhưng bước chân đàn ông vào thềm đời người đàn bà rồi chỉ là những đợt sáng khỏa lấp bờ xa, thoáng qua một lần rồi mất hút không còn dấu vết.

— Anh Tuấn, sao anh đi tìm Trâm ?

— Anh theo một đam mê không kháng cự nổi.

— Tìm đam mê là tìm chán nản. Thỏa mãn hay tuyệt vọng, sau đó cũng không còn gì. Bây giờ anh nên về, anh về ngay. Không phải Trâm đuổi anh đâu, nhưng đuổi chính mình. Cảm thấy như thế.

Đưa Tuấn xuống thang lầu, qua những gian phòng trống không lạnh lẽo. lòng Trâm chợt trùng xuống trong một niềm bồi hồi thương tủi. Tuấn đến và đi như một người khách lạ lầm đường. Trước, sau Tuấn, những người đàn ông khác cũng thế đối với Trâm. Nàng lạnh người nghĩ ra rằng nếu một ngày mình yêu, thiết tha cần đến một người trong đám lao xao đó. Rồi tất cả đều lạnh lùng đi qua, đi qua mãi mãi trong đời không bao giờ trở lại, dù chỉ là một lần thăm viếng sơ giao. Biết thế, nhưng Tuấn — hay một người nào khác — nấn ná thêm, nàng sẽ lạnh lùng xua đuổi. Hay Tuấn trở về một ngày nào đó Trâm sẽ trốn lánh ngay. Mặc cảm từ đấy lạc lõng đẩy xa Trâm tất cả những người giả dối hay chân thành tìm đến. Người ta đến một lần rồi bỏ đi, tiếp tục

với những người đàn bà khác, những say đắm khác. Còn nàng chết ở đó, quằn quại giữa khoảng trống vô cùng đó, cho đến ngày rêu cỏ thời gian chôn vùi nhan sắc. Và một mình nhớ đến, những con đò qua bến, những chuyến tầu rời ga, những cánh chim quen lối mây trời.

Trâm đẩy nhẹ cánh cửa. Gió lạnh ùa vào làm nàng đứng nép vào tường, hai tay choàng chéo trước ngực ôm lấy vai. Hai con mắt nhuốm buồn ngước lên phút đó, Tuấn tưởng là quyến luyến não nùng,

Trâm nhắc lại :

— Thôi, anh đi đi. Đừng trở lại. Trâm không muốn nhìn thấy anh nữa.

Hai người đứng im một lúc lâu trong khung cửa lộng đó, Tuấn xốc cao cổ áo. Đốt một điếu thuốc. Chàng nhìn trời, nhìn Trâm, rồi nhìn ra con đường rừng heo hút ngoài kia.

— Thôi anh đi. Cho cánh chim trời lượn bay, và trở về với Trâm một ngày nào đó.

Tự nhiên Trâm muốn khóc. Không Phải vì Tuấn, mà hình ảnh một người đàn ông lướt qua đời mình, để hồn cô đơn lại bỏ ngỏ. Tuấn lách mình ra ngoài. Lên đến đường, chàng quay lại vẫy Trâm. Trên lối Tuấn đi mùa xuân đã qua mau như đời người con gái, hai hàng hoa đào trơ những xương trắng, gầy guộc vươn lên níu gượng chút nắng tàn đi khuất trong hoàng hôn.

Những ngày tiếp đó, Trâm không làm gì được, dù một việc nhỏ. Ra vào lên xuống, thẫn thờ câm lặng như một bóng ma, Ban đêm thức giấc, nàng nghe như có tiếng ai mơ hồ gọi cửa, đốt nến cầm tay lẳng lặng xuống lầu. Chỉ thấy bóng mình chập chờn yêu ma hiện lên trong khung cửa kính mờ với mớ tóc dài xổ tung rũ rượi chảy xuống bộ áo ngủ trắng xóa hắt hiu. Trâm đứng lặng người nhìn rất lâu hình ảnh đó như đang đối diện một người khách bí mật và quyến rũ. Nhiều lần như thế, rồi Trâm nhận ra mình mê say ảo ảnh đó. Mê say chính mình, và nàng có ảo giác là đang hóa thân đã hoàn toàn biến thành hai trong cùng một xác thân, một số kiếp. Trong những phút giây kỳ ảo đó. Trâm nhận ra mình thích cô đơn vì chỉ yêu mình, yêu chính mình. Tình yêu đó là một huyền nhiệm không thể hiểu được. Thôi phải rồi, chỉ vì vậy mà từ trước đến giờ tôi chưa đích thực yêu ai. Vì vậy mà tôi từ chối hết, tôi đùa cợt và lãnh đạm với tất cả những cơ hội có thể làm cho tôi không là tôi nữa. Nếu bị lôi cuốn hoàn toàn, có người làm chủ đời tôi, sai khiến tình cảm tôi, tôi sẽ là một phần đời của họ, lệ thuộc vào họ, vâng chịu và hòa điệu theo họ, nghĩa là tôi phải mất tôi, mất tình yêu tôi chỉ dành cho một mình tôi. Tôi tự đầy đủ cho tôi và tôi là đối tượng tuyệt đối của chính mình. Nhưng sao bây giờ với Minh ? Minh như một hiện hữu thiết yếu trong đời sống. Tôi thích gì ở Minh. Người con trai đó không có gì cả. Không là gì cả. Một khuôn

mặt. Một giọng nó. Một hiện diện thản nhiên và lạc lõng, không thay đổi không thêm bớt không dự phần gì vào những dự định đời tôi. Thế mà tôi không thể thiếu vắng. Lúc này tôi cảm thấy thế Dẫu một ngày, một giờ, một phút. Tôi cảm thấy thế từ những ngày về nhà nghỉ tết. Từ hôm trở về Dalat sớm hơn hạn định. Từ khi gặp lại Tuấn và nói chuyện với hắn suốt buổi chiều để nhận ra rằng không có một hiện diện nào thay thế được Minh trong tâm trí tôi. Minh thôi, không thể một người nào khác. Minh và sự ngăn cách như một khát vọng mơ hồ không bao giờ đạt tới. Đối tượng chỉ còn là một ý niệm, trong ý hướng kiếm tìm không mong gặp gỡ đó, Trâm thấy rõ chính hình ảnh và cảm xúc mình. Bởi người đàn bà chỉ hoàn toàn chú ý và nhận ra mình bên sự hiện diện của một người khác phái. Hiện diện trong ngăn cách. Cho nên nó cứ là nó. Tôi cứ mãi là tôi. Tôi như một hiện hữu tự tại và tình cảm nó với tôi, tôi với nó không biến diện được khuôn mặt đời chai đá của tôi được. Rồi tôi sẽ lướt qua đời nó. Rồi nó sẽ lướt qua đời tôi, Tất cả rồi đâu lại vào đấy, phẳng lặng, trơ lì, như thuyền không để dấu trên thân xác người đàn ông từng khăng khít gối chăn. Trong những ý nghĩ đó, Trâm gọi Minh về, như rặng hoa đào bên kia rừng chờ đợi một ngày nắng ấm cuối cùng rồi vĩnh biệt mùa xuân.

Từng buổi chiều yên tĩnh kéo dài vũng bóng tối hoàng hôn chập choạng cho những tiếng động mơ hồ gợn dậy trong lòng Trâm những cơn thức tỉnh bàng hoàng. Tiếng xe nào gần lại rồi trong một thoáng, xa tắp trên đường. Tiếng vỗ cánh nhẹ nhàng và rung động của bầy chim sẻ trên mái cao, những côn trùng nhỏ bé không tên bắt đầu khóc đêm trong bờ cỏ. Những bước chân nào xào xạc ngoài xác lá ven rừng. Mỗi một mấp máy không gian đều như báo tin giây phút Minh về. Niềm mong đợi sôi nổi điên mê. Và dịu dàng chìm lắng xuống. Như con nước thủy triều dào đạt xuống lên đều đặn ở một bờ hoang. Giác quan Trâm nhảy bén hẳn lên, và sau đó lầm lẫn xáo trộn. Một con chim quết nhẹ mỏ vào cánh cửa. Chiếc lá rơi siết mình trên thềm. Như Minh đã về. Trâm mở cửa. Bóng tối ấp vào lạnh ngắt trong khoảng trống heo hút tan hoang của đời người đàn bà. Rồi lòng Trâm chín héo, tê dại, không còn trông đợi nữa.

Cho đến buổi chiều mồng bảy tết. « Chiều buồn dần xuống đời người tình tìm đến người thấy run run trong ngày phai... » Tiếng hát ru cơn sầu muộn tắt nửa vời trong tiếng gõ cửa rộn ràng. Đang nấu ăn, hai tay hám đầy bơ và than bẩn, Trâm nghe đau nhói một cái trong lòng, từng bước từng bước một thẫm rãi và hoài nghi, bâng khuâng và hồi hộp. Cửa mở. Cái dĩa thủy tinh trong tay Trâm rơi xuống đất. Nỗi mừng vui đột ngột kéo dềnh lên như một lượn sóng và Trâm lao đao cả người đưa hai tay về phía trước cho tiếng kêu chết ngất giữa môi cười.

— Minh, trời ơi trời ơi.

Minh đặt hành lý xuống ngoài ngưỡng cửa, lách mình vào cùng với cơn gió lạnh. Hai người chỉ còn cách nhau một khoảng không lờ mờ tối, chỉ đưa tay là cùng ở hẳn trong vòng ôm của nhau. Trâm buông thẳng hai tay và vừa ngạc nhiên vừa chăm chú nhìn Minh như nhìn một người lạ.

Ngón tay Minh phủi nhẹ một vết bụi trên má Trâm :

— Cô sao thế ?

— Có thật Minh về đây không. Chiều nào hình như tôi cũng thấy Minh về như thế, vào đúng lúc này.

— Sao vậy, cô có gì khang khác. Nghe tiếng cô hát từ ngoài đường, cô có chuyện gì vui phải không.

— Thì vui như thế này này...

— Cô nấu gì thế.

— Chiều nào cũng làm thức ăn, sợ Minh về bất ngờ...

— Để em mang đồ vào.

— Khoan...

Trâm đứng chắn ngang cánh cửa mở hé, tưởng như chỉ một xê dịch nhẹ nhàng, Minh cũng biến tan vào sương khói ngoài kia. Họ nhìn nhau, cười với nhau, cũng cảm thấy khuôn mặt nhau lạ lùng mới mẻ lại sau những ngày vắng mặt. Có tiếng động nhẹ ngoài phòng khách. Thằng Tuân la lên : a a anh Minh, anh Minh về. Nó nhảy cỡn lên và nhào tới, đánh đu cả người lên cổ vai Minh. Minh gỡ ra gàng lấy chân Tuân cả hai cuốn vào nhau lăn xuống đất.

Một lúc sau, tòa nhà huyên náo như phút giây hoàng tử đánh thức nàng công chúa ngủ giấc cổ tích trăm năm. Cười vui suốt hữa cơm chiều Minh bỗng hỏi đột ngột :

— Này Tuấn, có gì là lạ trong nhà phải không bồ ?

— Gì đâu, à cách đây mấy hôm có một người khách.

— Lưu chứ ai.

— Lưu thì cũ mèm rồi. Ông kia cự phách lắm. Kìa kìa, ông ta hút 555, cô còn để dành cái bao không đàng lò sưởi,

Minh trườn xuống sàn nhà, bên lò sưởi tìm bao thuốc. Nhưng thằng Tuân tinh quái đã chộp lấy định ném qua của sổ. Muốn trêu tức Minh, Trâm giằng lấy bao thuốc không trong tay Tuân :

Đừng nào, người ta giữ làm « quỉ liệm »

Tuân bồi thêm :

— Ông ấy phi công, cứ nghe tiếng máy bay là cô nhìn lên trời.

Minh bỗng nhiên phá lên cười :

— Ê Tuân, bồ biết chuyện tàu thủy của cô chưa ?

— Giảng bài thỉnh thoảng cô vẫn ví dụ bằng tàu thủy.

Minh cười nhạt và điếu thuốc rít chặt giữa hàng răng.

— Cô tự mình xài sang quá phải không Tuân, đủ phương tiện tàu thủy tàu bay...

Trâm nhìn nghiêng, thản nhiên :

— Ừ, tàu thủy tàu bay tàu lửa xe hơi, xe ngựa xe bò xe kéo xe ba bánh xe xích lô....

Rồi Trâm vặn xoắn cái bao thuốc không ném vào lò sưởi :

— Còn Minh, không có xe gì cả : ngoại sổ

Đối thoại rắc rối dần theo khí căng thẳng, thằng Tuân lẫn vào phòng riêng. Còn lại hai người trong căn phòng thênh thang lờ mờ tối chưa lên đèn. Trâm ngồi nhìn mũi giày vấy bụi của Minh, giọng trùng xuống :

— Những ngày Tết, Minh vui chơi những đâu ?

— Lang bang rồi kéo bạn bè vào đồn điền cà phê phá phách. Đêm giao thừa, cô làm gì ?

— Ngồi bờ biển, nghe bọt sóng tan cố quên thành phố và tiếng pháo.

— Sao cố quên ?

— Mỗi lần đi phố đêm, thấy người ta vui chơi, tôi lại nghĩ đến Minh. Tôi tức không chịu được. Giao thừa dương lịch, Minh với tôi, giao thừa âm lịch, Minh với ai ?

— Cô hỏi lằn gì vậy.

— Biết, vậy hỏi, nói thực là cái biết sẽ làm tôi khó chịu.

— Với..với, một con bạn cũ. Mà cô có biết tại sao phải làm thế không ? Để xao lãng để tìm quên, để thử quên người khác. Không được, vô ích, thử vô ích. Cho nên về đây sớm, không mua được vé máy bay lại phải chờ mấy hôm. Thành ra cô về sớm hơn. Cô định về sớm hơn để gặp tên phi công chứ gì.

— Thôi đi, kẻ em không nhận được thư tôi

— Thư nào ?

— Gửi cho Minh từ trước tết, có mấy chữ : tôi về Dalat khoảng mồng ba tết, nếu có thể, Minh về sớm...

— Thôi chết, chắc lọt vào tay ông bà via rồi. Các ngài đang điều tra vì bắt đầu nghi. Ông già hỏi cô giáo bao nhiêu tuổi, em nói... hơn ba mươi.

— Nếu ông bà về thăm em sẽ tính sao ?

— Đến đó hãy hay.

Một lúc rồi Trâm nhớ lại chuyện cũ :

— Sao không đem cô bạn về đây chơi ? Nhà cô rộng...

— Sao cô không mời ông máy bay của cô ở lại vài hôm.

Trâm đứng phắt dậy :

— Đừng nói khùng vô lý vậy.

— Đã khùng còn lý sao được.

— Mỗi người một khác, mỗi chuyện một khác, đừng lý luận kẻ ăn nem vậy. Với lại mình không liên quan nợ nần gì nhau.

— Phải, khác nhau vì chuyện cô với người khách đầu năm của cô mới quan trọng, còn em với con bạn thì không sao.

— Thôi, thôi đừng nói càn, hắn là bạn anh tôi, hắn tìm thăm, tôi nói với hắn, rồi hắn bỏ đi, thế là quan trọng ? Còn Minh, Minh làm gì, trong lúc tôi ngồi bãi biển, tôi nghĩ đến những điều thật đẹp, thật hay, thật trong sạch, thật dễ thương về Minh, về tôi, về chúng mình, thì Minh lại... với một người con gái. Không sao, ừ phải, cậu quen quá những trò đùa ấy, những thói chơi ấy, nên có thấy sao đâu.

— À, bây giờ gọi bằng cậu, cô coi em là đồ trẻ con phải không. Không trẻ con đâu, không với cô, với ai hết. Em là đàn ông, đàn ông như họ, như chúng nó, như những đứa bám cô.

Chỉ có thể đến đó. Rồi Trâm mỉm cười. Thôi, im cả đi, cả em cả tôi. Tức tối gây gổ đã chứng minh mình nghĩ đến nhau quá nhiều. Tự dỗ dành, nhưng Trâm vẫn bưt rứt :

— Thôi, tôi nói nhảm, quên đi, Minh làm gì thì làm, có ăn thua gì đến tôi đâu.

— Cô giận em đấy à. Chuyện đó thường mà, một phút vui thoáng qua. Vả lại trời sinh ra như thế, tay đàn ông là vòng tay công cộng.

— Cứ việc đổ lỗi cho trời. Cái gì cũng tại trời. Cái gì cũng tại trời sinh. Như trời sinh ra thân thể đàn bà. Cũng được. Nhưng tôi không nghĩ Minh như một người đàn ông hoàn toàn. Vòng tay Minh là vòng tay học trò, Vòng tay khoác kín bao nhiêu hy vọng tương lai, bao hoài bão của một đời mê say vươn lên sự sống. Vòng tay đó không có quyền sớm mệt mỏi buông xuôi vì nỗi chán chường sau đam mê nhục cảm hay rã rời trong tuyệt vọng hoài nghi. Nếu coi Minh như một người đàn ông tôi cứ nhắm mắt không băn khoăn nữa. Cần gì... Tôi cũng đi điên cuồng, đã chán mứa, đã cùng cực hoài nghi. Cuộc đời tàn phá tôi. Còn Minh, Minh đã sống những gì, đã làm gì đến nỗi phải chán chường bê tha đến thế.

Minh cười nhạt :

— Lại khinh thằng nầy trẻ con nữa rồi. Cô đã biết gì về đời sống em.

— Quá khứ Minh tôi không thể biết và cũng không cần biết. Nhưng không ai xóa hết vết tích quá khứ trên hiện tại này. Minh đi chơi, hút thuốc liên miên, bất chấp luật lệ, thách thức và chống đối tất cả. Như tôi cũng đã làm thế. Tôi đã vùng vẫy quẫn quại để ngoi lên, tôi thèm ánh sáng dù vẫn linh cảm suốt đời bóng tối vây quanh. Chỉ cần có ảo tưởng bắt gặp một ánh đèn le lói trong đêm sâu hút. Ở đoạn đời này, với tôi, Minh là thứ ánh sáng mong manh và có thật đó, hay rồi Minh cũng chỉ là bóng đêm, đời làm vực sâu và chúng mình sẽ cùng mù lòa rơi xuống đó. Minh đừng lầm tôi tỏ vẻ khó chịu khi nhắc đến những vui chơi của Minh. Minh vô phận sự đối với nhau, tôi cũng chẳng có quyền hờn dỗi ganh ghét gì ai. Người ta chỉ ghen với những kẻ hơn mình, đàn bà với nhau cũng thế. Tôi tự tin, tự hiểu, và tôi nghĩ là không ai hơn tôi, không có một người nào đối với Minh lại có thể hơn tôi đối với Minh. Trong hiện tại thì như thế. Tôi không nói tương lai. Tương lai mỗi người trong chúng ta sẽ thuộc về một cuộc đời khác — nếu còn sống — sẽ có những liên hệ những ràng buộc hay tự do khác. Vì thế người ta phải mất nhau, mất nhau từ hiện tại. Minh mất tôi khi tôi ngồi nói chuyện với Tuấn. Tôi mất Minh khi Minh tìm đến một người không phải là tôi. Minh mất nhau trong những ngày nghỉ Tết vừa rồi. Mỗi người là một hành tinh lạc lõng, trừ khi hai người có thể trộn lẫn đời nhau bằng một tình yêu tuyệt đối. Tôi đọc thấy hàng chữ khắc trên mộ bia ngoài nghĩa địa : si loin de nous, si près par la penssée... Có thể, một ngày kia tôi hay Minh không còn nữa trên đời, hơn bây giờ người sống sẽ cảm thấy gần người chết. Tôi hay nói dài dòng, sao Minh không bắt tôi câm đi ?

Phòng tối hẳn. Tiếng Trâm vút nhẹ, xa dần như hơi gió. Bên khung cửa sổ, hai ngôi sao đầu đêm vẽ thắp sáng đôi mắt long lanh của người đàn bà. Khuôn mặt Minh gần gũi và xa mờ như giấc chiêm bao nghiêng dần vào má môi Trâm. Ngực áo len người con trai nồng ấm như hơi thở gần kề. Trên cửa kính bóng hai người rung đưng vào nhau. Bỗng dưng, Trâm muốn chết.

(còn tiếp)

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

phát hành vào tháng 7-1964

NHỮNG NHÀ THƠ HÔM NAY

của MINH-HUY — NGUYỄN-ĐÌNH-TUYẾN

Con tàu

con tàu về ga nhỏ
với tiếng còi nửa đêm
với tiếng còi nức nở
với tiếng còi chậm buồn
sân ga một người khóc
chờ nhận xác thằng con
chết như toa tàu đỏ
những toa tàu màu đen
những toa dài dĩ-vãng
chạy băng băng trong hồn

●

tuổi trẻ em ở đó
với hình ảnh người cha
ôm xác người anh cả
bước về trên sân ga

●

và con tàu đêm qua
với con tàu đêm nay
hay con tàu đêm mai
còn về trên ga vắng
nhưng không còn trả lại
những người đã ra đi
hay chỉ còn trả lại
xác người đen như than
chiến tranh là chiến tranh
không một lời bình phẩm

cuộc đời là con tàu
đi qua không trở lại

T. H. D. V.

bài ca mùa hè

Phượng hé cười nụ lửa
Hoa vội leo lên cành
Lời chim qua thành phố
Không gian là âm thanh

Xuân chết chiều hôm qua
Thời gian vừa khâm liệm
Lễ đăng quang mùa hè
Treo toàn đèn hoài niệm

Thuở chúng mình còn nhau
Tháng tư về quê mẹ
Em đi những bước sầu
Chiếc xe đò màu đỏ

Một con sông thương nhớ
Một cánh đồng cách ngăn
Tháng năm anh thi đỗ
Nắng ngoài nội đã vàng

Giờ xe sơn màu khác
Lòng em đổi thay rồi
Mùa cúi đầu ngơ ngác
Tình yêu là mây trôi

Phượng hé cười nụ lửa
Hoa vội leo lên cành
Em buồn trong thành phố
Anh buồn trong ngày xanh

1963
T. H. D. V.

ĐOẢN CA

thơ hữu-phương

số 7

Buồn dâng sóng mắt triền miên
Vành mi tôi ngỡ viễn biển lạnh lùng
Tình yêu chợt quá mênh mông
Và em một áng mây hồng gợn xa
Hồn tôi bỗng thấy hoang sơ
Tương lai — quá khứ — bây giờ là đâu ?
Đành mang trả biển cho tàu
Trả xuân cho én trả sầu cho thu
Xin làm kiếp lá bơ vơ
Biếc xưa thôi cũng chối từ trả em.

số 8

Ngày tôi biết cánh môi mềm
Ngửa lòng tay nhận muôn niềm đớn đau
Gặp em bởi chẳng trạm đầu
Cách ngăn bởi lễ nhịp cầu dở dang
Bão bùng vây lấy trần gian
Dẫu xanh rừng cũng đã hoang mất rồi
Cầm em một áng mây trôi
Mù lên một thuở phương tôi lạnh lùng
Mây qua còn rớt mưa phùn
Mưa tan rồi... có hẹn hồng mai sau ?

số 9

Từ em đã quyết ra đi
Thủy chung còn lại chút gì lứa đôi ?
Se lòng trước cảnh chia phôi
Phiêu lưu biển thẳm đơn côi bóng thuyền
Hồn tôi bến lạnh triền miên
Buồm ai chới với giữa miền gió giông
Bâng khuâng chiều nắng len buồn
Áo bay chợt nghĩ kiếp hồng phù du
Dù em không tiếng giã từ
Bóng xưa đôi lúc giăng mờ nẻo tôi.

TRUYỆN 2 KỲ

Lạnh tuổi vàng

(tiếp theo B. K. số 180)

● NHÃ - CA

Phải tắm một cái đã rồi đi đâu hãy đi. Buổi chiều nay nhất-định phải ra khỏi nhà. Đã lâu tôi không ló mặt ngoài phố, tôi hoảng sợ trước những con mắt của bè bạn cũ. Sáng sáng tôi thường đứng trong nhà nhìn tụi bạn học những nữ sinh đi ngang qua mà cảm thấy lòng đau xót. Tôi biết tôi đã mất hết. Kỷ niệm học đường như thiên đàng đã mất. Tôi đưa tay lơi lơi mái tóc : Mày phải cắt ngắn đi Nhiên ạ, để vậy trông vẻ tụi học sinh lắm. Ngân đề nghị nhiều lần nhưng tôi không cắt ngắn. Khi mái tóc đã cắt ngắn rồi chắc tôi sẽ thay đổi ghê gớm lắm. Phải đi tắm, phải ra phố. Tôi sắp khăn mặc quần áo, vừa định đi xuống nhà tắm thì có léo véo ngoài cửa :

— Nhiên ơi, có nhà không mày ?

— Mở cửa bỏ ơi.

Tiếng Ngân, tiếng Hồng, tiếng Nguyệt lao xao. Tôi vất các thứ xuống đất, ra mở cửa, một bọn bốn đứa ùa vào cả con Tuyết Đen nữa. Ngân vồ lấy tôi :

— Làm gì vậy mày ?

— Em định đi tắm rồi ra phố có chút việc, các chị đi đâu vậy ?

— Đi tới rủ Nhiên đi chơi đây, chịu không ?

Tuyết Đen láu táu :

— Thằng Hanh nó bao cả tụi đi ăn đêm nay đó, si bà Ngân một cây.

Tôi sợ mẹ tôi nghe tiếng, nhưng không làm thế nào để bịt mồm tụi chúng được. Tôi đã dặn Ngân đừng cho chúng lại nhà, vậy mà Ngân vẫn đưa lại.

Tôi không tiện tỏ thái độ bất bình, dù sao tôi cũng thương yêu tất cả những người bạn cùng cảnh ngộ, tất cả đều đáng thương, nhưng không hiểu sao tôi không chịu được họ, khinh thường họ. Đôi khi tôi tự hỏi rằng thì tôi có hơn họ gì không, đêm đêm tôi cũng bán nụ cười cho thiên hạ, họ cũng vậy. Cái gì đã ngăn cách tôi riêng ra, dù thương mến họ nhưng tôi không thể gần họ. Những cô bạn mới này thích tôi lắm, bởi tôi hiền lành hay cố ra vẻ hiền lành. Hồng Tuyết và Nguyệt lăng xăng lục lọi coi cái này, coi cái kia, chúng bảo nhà tôi giàu. Tôi mỉm cười chua chát. Chúng đâu biết những thứ này chỉ để làm cảnh và bên trong đã rút mòn trống trơn. Nguyệt nói :

— Nhà nó vậy mà nó ham đi làm như tụi mình Tuyết nhỉ, tao như vậy tao đi học.

Câu nói vô ý của Nguyệt như một cái tát vào mặt tôi, tôi tái người lặng đi. Ngân giận giữ quắc mắt nhìn Nguyệt :

— Ăn nói ngu vậy, câm mồm không.

Tôi cố gượng cười, và hình như hiểu rõ tâm trạng tôi, Ngân không nài ép tôi đi chơi nữa. Tôi nhìn Ngân bằng con mắt biết ơn. Tôi biết tính Ngân ngày xưa còn đi học, Ngân vẫn thường bênh những bạn yếu đuối hơn mình.

Đề cả bọn đi rồi, tôi mới sửa soạn đi tắm. Nước mát và ngọt lịm làm tôi sảng khoái. Buổi chiều cao vút ngoài lỗ mắt cáo nhỏ lỗ đỗ trên tường, tôi nghe thấy nước reo quanh tôi như niềm vui vỡ.

Tắm xong tôi thay quần áo, bộ đồ dài lụa trắng nhẹ và mát, tôi thích nhất, tôi đứng trước gương và thấy tôi khác hẳn con Nhiên của những đêm. Tôi không thoa son phấn, da tôi hơi tái xanh, tôi thấy mắt tôi đen thẳm và nét hồn nhiên mất mát thật rồi. Tôi vén tóc lên và thấy mình già hẳn lại, tôi bỏ mái tóc xuống và nhìn tôi quen thuộc hơn. Du đã bao lần khen mắt tôi đẹp. Màu đen đó suốt đời anh không quên. Du ơi, bây giờ thì Du quên thật rồi, quên thật rồi chứ. Đừng dối em. Khóc lóc, khóc lóc mãi, ích gì, cũng đừng khóc, đừng kể lể, đi ra ngoài kia đi, ngoài kia bầu trời sẽ làm cho niềm u uất ta loãng, nhẹ hơn. Đi đi, đã lâu mày không ra phố. Tôi lên gác, mẹ tôi nằm ở giường, khô và gầy như một que củi mục :

— Mẹ thức hay ngủ đấy mẹ.

— Thức, có chuyện gì đó.

— Không, con lên thăm mẹ.

Mẹ tôi hơi nhỏm dậy :

— Hồi nãy con vừa nói chuyện với ai đó ?

— Dạ, mấy con bạn của con.

— Bạn của con ? Lâu nay mẹ không thấy con có những người bạn như thế.

Tôi cắn môi, tìm cách nói dối :

— Dạ, tụi nó vô ý làm ồn, con xin lỗi mẹ, lần sau con dặn chúng.

Tôi nghĩ rất nhanh là tôi sẽ dặn chúng không được tới nhà nữa, nhưng mẹ tôi mỉm cười :

— Lớn lên con phải có những lớp bạn khác chứ, mẹ có phiền gì đâu.

Tôi nói với mẹ xin ra phố rồi đi làm luôn, tôi không ăn cơm nhà, mẹ tôi bằng lòng. Tôi khóa cửa, lên xe đi về miệt chợ Bến Thành. Ở đó, tôi chẳng còn biết đi đâu nữa, tôi rúc vào một rạp chiếu bóng coi một phim cũ. Phim La Strada. Và tôi đã khóc không biết bao nhiêu cho người trong truyện. Tiếng kèn trompette xoáy vào óc, vang trong tôi những tiếng nức nở không ngừng.

Khi ra khỏi rạp trời đã tối, tới giờ làm, tôi đến quán ngay. Ngân đã ở đó. Ngân đón tôi bằng nụ cười vui vẻ :

— Sao buồn thế hở mày ? Vào đây kể cho nghe chuyện này,

Ngân kéo tôi vào bên trong thì thầm :

— Tao đoán thế mà đúng phóc, papa mê mày.

— Cái ông Hanh ?

— Ừ, nó tâm sự hết với tao, lát nữa nó lại đó.

Tôi ngẩn ngơ một giây, hắn mê mình ? Trời ơi, mê, nói gì vậy. Mà tôi, tôi có thể mê hắn được không ? Ngân tiếp :

— Tao nói thật, mày để mất đám này uổng lắm đó, giàu có tiếng và tiêu luých nữa. Papa đã si thì khỏi nói.

— Để coi đã, phải bói xem có hợp tuổi không.

Ngân phá ra cười cười, tôi cũng cười góp, Ngân nói :

— Tiến bộ rồi đó, hoan hô, Tuyết Đen ơi...

Tôi vội níu Ngân lại : Đừng nói với tụi nó. Ngân lại cười, tôi nói bây giờ tôi muốn vui thôi. Ngân nói dại chi mà buồn, cũng phải, dại chi mà buồn, tôi cười vui như không và tưởng mình vui như thế.

— Ê có em nào ra đi đứng mãi thế.

Mụ Chín quay vào gọi, Tuyết Đen, Hồng nhanh nhẩu chạy ra, Ngân nói kệ nó, rồi thì thầm mãi với tôi những chuyện vui buổi chiều nàng lượm được, buổi chiều nàng đi với Hanh. Ngân nói :

— Hắn có vợ, nhưng vợ ở Vĩnh-Long lận, ở đây có hai người con cũng học mòi ăn chơi. Kệ nó, mình đâu có muốn làm vợ hắn, phải không ?

Tôi không trả lời, làm nhân tình một gã như Hanh chắc tôi không chịu nổi, Không nói về chuyện yêu hay không, lòng tôi dửng dưng như tấm băng giá từ ngày xa Du. Tôi cũng chưa muốn gì cả, tôi cũng nghĩ mình không thể góa bụa, mình không sống mãi cho một kỷ niệm. Kỷ niệm nào cũng buồn, mình chỉ để nó nhắc nhỏ và không sống mãi với nó được.

— Kìa, Hanh tới, mày ra đi.

Tôi vén màn nhìn hé ra, Hanh ngồi xuống ghế, mắt lơ láo nhìn quanh, chắc hẳn tôi đã ngồi một bàn nào. Tôi bỗng mỉm cười, dù biết lòng tôi non dại, một gã từng trải như hắn, tôi có thể tin được có tình yêu hay không ? Tôi cố nán lại không ra, Ngân nói :

— Để tao ra trước nói mầy không đến xem sao ?

Ngân ra rồi tôi bỏ vào ngồi một ghế trống và nghĩ vu vơ, nhìn ngắm các cô làm đẹp. Họ tô môi đậm thêm, trát phấn, vẽ lông mày cho nhau.

Nguyệt hỏi :

— Có cần sửa lại mặt không ?

Tôi lắc đầu, tôi trở ra định lén nhìn xem Hanh có còn ngồi lại không, nhưng khi tôi vừa ló ra tôi suýt kêu lên. Có thể lầm lẫn được chăng ? Du, chính chàng. Du đang ngồi bên cạnh một cô gái lạ, bên cạnh một người bạn trai. Tôi thấy Du ngoắc Nguyệt cho người bạn và chàng ngồi sát vào cô gái. Hai người âu yếm nhau ra gì. Tôi như người sốt rét, rung toàn thân và đứng không muốn vững. Bàn tay Du đặt trên vai người con gái siết chặt. Tôi không đoán nổi cô ta là hạng gái nào, nhưng đẹp khiêu khích. Tôi bỗng ghen với người con gái đó, tôi giận căm gan. Làm cái gì bây giờ, phải cho Du biết là không cần chàng, chàng tới đây làm gì, chàng biết tôi ở đây và tới trêu tức ? Được rồi, để coi ai sẽ tức ai ? Tôi vén tấm màn, cố tự nhiên bước ra. Hanh đứng lên vội vàng đi tới bên tôi soắn xít. Tôi làm như không thấy Du và vui cười với Hanh, Hanh rạng rỡ mặt mũi. Hắn kéo ghế cho tôi, lấy mùi xoa lau mép bàn nơi tôi ngồi Khốn khổ nơi tôi ngồi lại đối diện với Du thành thử tôi không tránh chàng mãi được. Ngân đứng lên :

— Để cho hai anh chị hàn huyên, gái già này xin rút lui đây.

Hanh giữ lấy lệ :

— Ngồi đây đã, đi đâu mà vội.

Ngân nháy Hanh đứt đuôi mắt :

— Làm bộ, mừng thấy mồ.

Và Ngân sang đấu hót với một bàn khác. Hanh đăm đăm nhìn vào mắt tôi, đã năm sáu hôm nay Hanh tới rất đều và điều đình với má Chín giữ riệt tôi ngồi bàn hắn và chỉ một bàn thôi. Hanh tưng tiền mua chuộc tất cả, từ gã bồi bàn. Đôi mắt tôi bỗng bắt gặp cái nhìn tóe lửa của Du, tôi cười nhạt trả đũa. Thì anh hơn gì tôi, anh cũng ngồi với một đứa con gái khác. Tôi thấy Du hơi mất vẻ bình thường, chàng ngồi im lặng, mặt lầm lỳ, mà cô gái bên cạnh cố gợi chuyện, chìu chuộng.

Hanh nói :

— Trông em có chuyện không vui.

Tôi cười :

— Không, chẳng có chuyện chi cả.

— Tối qua anh còn thấy đèn nhà em còn sáng lâu lắm.

— Anh đứng ngoài ?

— Không, anh lái xe ngang qua lại.

Tôi cảm động, làm thế nào không cảm động trước câu nói như thế :

— Thật không, anh lại phịa.

— Anh phịa em làm gì, em không tin là quyền em.

Tôi thấy Du cúi xuống bên vai cô gái thì thầm, à thì ra chàng cũng muốn trả đũa. Chúng ta dứt khoát rồi, rồi hết rồi và chúng ta tự do, Du có quyền như thế. Du hôn phớt lên trán cô gái, ôm vai cô gái, Mặt chàng đỏ nhừ và tránh không thèm nhìn phía tôi, nhưng tôi vẫn gặp tia mắt chàng lén nhìn hoài. Tôi bỗng nổi cáu hơn bao giờ hết, tôi phải cho Du biết là tôi còn hơn thế nhiều lắm. Tôi cười lẳng với Hanh :

— Tối nay anh đưa em đi ăn nhé.

— Anh chỉ sợ em không nhận.

Hắn cầm tay tôi, tôi để yên,, hắn hôn tay tôi, vuốt tóc tôi. Vừng trán của Du nhăn lại. Hừ, Du tức ? Cái hôn của Du trên trán cô gái chưa biến trong mắt tôi, tôi cười nũng nịu với Hanh :

— Anh chỉ có cái tài nịnh, ghét quá.

Hanh siết chặt tay tôi :

— Nhiên có thể tưởng tượng được anh yêu Nhiên như thế nào không ? Ban đầu anh không ngờ là anh yêu em đến thế.

Tôi cố dấu nỗi xót xa trong lòng, cười nhẹ :

— Em chưa nghĩ tới chuyện đó, em đi làm vì sinh kế gia đình.

— Hình như em còn một bà mẹ ?

— Một bà mẹ mù.

Hanh nhìn tôi trìu mến vừa thương hại, tôi bỗng hỏi :

— Gia đình anh không đầm ấm ?

Bàn tay Hanh vẫn giữ tay tôi :

— Vợ anh bị đau tê liệt hơn mấy năm nay chỉ nằm một chỗ.

— Vì vợ anh tê liệt mà anh chơi bời ?

— Cũng có vậy, nhưng điều quan trọng hơn là vợ anh không hợp với anh, bọn anh sống xa nhau từ lâu lắm.

Tôi đùa :

— Ông nào o bế gái không không có giọng nói như anh.

— Anh xem mới vào đây tuần lễ mà em chừng đã thay đổi nhiều.

Câu nói của Hanh làm tôi giật mình hoảng sợ, tôi thay đổi thật rồi sao ?

Làm thế nào không thay đổi được ? Tôi cũng biết tôi đã biết ăn nói với khách hàng nhiều lắm. Tôi đã biết dùng lợi khí sắc đẹp của tôi ra chinh phục. Thì dại gì đã chứ, ở đâu tùy theo cảnh đó, Ngân đã bày cho tôi cũng nhiều. Nhưng khi nghe Hanh nói vậy tôi chợt nhớ và chợt buồn thấm thía. Đôi mắt của Du ở bên kia bàn đầy vẻ khinh khi, tôi như bị rơi vào nỗi trống vắng và quay mãi tôi cố vớ vát :

— Nhất nghệ tinh nhất thân vinh mà anh, em đã chọn nghề.

Đôi mắt Hanh đầy vẻ thành thật :

— Không, em sẽ thay đổi hết, anh không để em thế này, để anh đưa em vào hãng làm, em giữ sổ sách cho anh. Đời sống sẽ khác hẳn lại. Em không hợp với không khí ở đây.

Tôi bướng bỉnh :

— Em thích nghề này hơn, làm thơ ký riêng cho anh thì cũng vậy.

— Em có lối so sánh kỳ cục lắm, đừng làm anh nổi nóng.

Tôi thấy tôi có cảm tình với Hanh chàng không đến nỗi nào. Tôi liếc qua bàn bên, cô gái vòng cả hay tay qua cổ Du, tôi thấy bộ ngực

cô ả căng quá cỡ, ép một bên vai Du. Tôi đưa tay vuốt ve Ngực Hanh, Hanh cúi sát mắt tôi :

— Anh yêu em, yêu lắm.

Tôi bịt miệng Hanh lại, nửa vờ nửa thực, tôi ra vẻ cảm động và chớp mắt. Du đang nhìn mình, đôi mắt chàng muốn bật ra ngoài. Nhất định chàng đau khổ lắm. Tôi nép người vào ngực Hanh, cử chỉ đó làm tôi đau thắt cả ruột gan. Tôi nhắm mắt lại.

Có tiếng kéo ghế mạnh và chân giày kéo nghiến trên nền. Tôi choàng mở mắt. Du xô mạnh cô gái rồi bỏ đi ra khỏi quán. Tiếng người bạn kêu : Du, Du cái gì vậy ? Cô gái vụt chạy theo ra nhưng hình như Du đã đi mất, cô gái trở vào ngồi xuống ghế thần thờ. Một lát người bạn của chàng cùng cô gái cũng bỏ đi nốt. Tôi như người mất hồn, ngồi với Hanh mà không biết gì hết ? Tại sao chàng bỏ đi, tại sao Du tức giận. Có phải chàng còn yêu tôi không ? Chắc chàng còn yêu tôi, yêu tôi ghê gớm lắm. Lấy gì làm chắc như thế được ? Dù sao chàng cũng đã nhìn thấy cuộc đời tôi đang xuống đã bị xô ngã thêm. Xô nữa thêm. Xô xuống hoài. Đừng tưởng tượng làm gì cho buồn thêm, mày không bước lui được một bước nhỏ, con trốt đã quay và mày đã dại dột rơi vào trong con trốt, cho tới khi mày tan tành ra như bụi họa may mới tách ra khỏi được một phần nào. Hanh vẫn ôm ghì lấy vai tôi, gục đầu thì thầm to nhỏ. Tôi mệt mỏi, mắt như hoa lên trăm mầu sắc. Tôi ao ước được nằm thật bình yên, thật thẳng, để nhắm mắt để lười biếng hoặc khóc. Vâng, tôi thèm được khóc hơn mọi thứ trên đời. Khóc cho nó vỡ ra trăm điều ấm ức. Tôi nói với Hanh :

— Có lẽ em ốm mất, em cảm thấy lạnh quá.

— Để anh đưa em về.

Tôi ngần ngại :

— Về sớm sợ chị Chín không bằng lòng.

Hanh cười :

— Ồ, em khỏi lo vụ đó, mụ Chín nề anh lắm, em đi với anh.

Hanh đưa tôi ra xe, tôi ngồi gục vào vai chàng lòng thổn thức. Hơi ấm từ người chàng thoát qua làm tôi thấy an ủi được một phần nào. Dù sao Hanh cũng là nơi tôi tựa được trong khi quá đau khổ, chẳng hạn lúc này. Hanh lái xe thật thận trọng. Một lát sau, Hanh dừng xe, tôi nói chàng nên đậu xe xa ngõ mỗi lần đưa về và chàng nhớ. Hanh nói để chàng đưa vào nhưng tôi từ chối. Hanh hôn tôi, tôi để yên lòng chẳng hề xúc động, môi Hanh nóng bỏng, bàn tay Hanh ôm chặt vai tôi, với Du tôi cũng chưa bao giờ để thế. Một lát tôi đẩy Hanh ra :

— Thôi anh về đi.

— Em ngủ ngon nhé.

Tôi đáp giọng chán nản :

— Chắc sẽ không ngủ ngon đâu anh.

Hanh lôi trong túi quần một ống túp nhỏ :

— Đây này, mớ thuốc ngủ anh bỏ sẵn trong túi, tặng em đó. Em uống một viên là ngủ quay ngay. Anh lười biếng nên đem theo trong túi, khi về để nguyên quần áo, uống hai viên và nằm xuống. Ngon biết bao.

Tôi mỉm cười vì câu nói của Hanh. Hanh hôn phớt tôi một lần nữa rồi trở ra xe, chàng nói với :

— Mai anh đón em đi, nhớ đợi ở nhà.

Tôi đợi cho chiếc xe bóng lộn của Hanh mất trong đêm mới thong thả đi bộ một đoạn tới nhà. Tôi mân mê ống thuốc của Hanh. Dản dị vậy mà nghĩ không ra, mấy đêm nay tôi mất ngủ và thèm một giấc ngủ quá sức. Tôi định sẽ uống hai viên, hai viên này may ra ngủ tới trưa hôm sau, ngủ và quên hết.

Tôi bỗng kinh hoàng, như có tiếng chân đi mau phía sao lưng tôi, tôi chưa kịp quay lại thì hai bàn tay to lớn chụp lấy vai tôi. Tôi muốn hét lớn mà không hét nổi gối tôi như muốn quỵ xuống. Trong bóng đêm mờ tôi thấy một người đàn ông, hơi thở nồng nặc mùi rượu. Làm thế nào bây giờ ? Trong lúc tôi đang lúng túng, người đàn ông cất giọng cười gằn :

— Nhiên, cô không nhận ra ai đây sao?

Tôi kêu thét lên :

— Du, trời, anh làm gì thế này.

— Làm gì, tôi không làm gì cả.

— Buông tôi ra, buông...

Du buông tôi ra, tôi loạng choạng một lát mới đứng vững. Hai tay Du bỏ vào túi quần, mắt chàng như vỡ ra trong đêm tối. Du vẫn giữ tiếng cười nghe như khóc :

— Đẹp mặt quá, tôi tưởng cô làm nghề gì, té ra...

Tôi hét lên :

— Im, anh im ngay đi.

Giọng Du vẫn mỉa mai :

— Nhiên, em định làm gì vậy ?

— Làm gì, anh đã thôi tôi, bỏ tôi, anh xía vào việc tôi làm gì ?

— Xía vào ? Ai xía vào ?

Thôi đúng là Du say, nhưng tôi vẫn giữ giọng tàn nhẫn :

— Anh đi đi cho tôi vào nhà, anh còn định gì nữa !

— Anh có định gì đâu.

Nước mắt tôi bỗng dưng trào ra, Du còn yêu tôi đến thế, nhưng không được nữa đâu, đã tan nát hết rồi, tan nát hết tuổi vàng. Tôi cố gắng để khỏi bật khóc :

— Tôi tưởng không nên gặp nhau làm gì, anh thấy hết rồi đó.

— Anh có thấy, Nhiên, thằng già nào vậy, anh xé xác nó ra.

Du đã say quá cỡ và chàng không nhận ra gì hết. Nói những chuyện nào với người say cũng vô ích cả, tôi vỗ về :

— Anh về đi, Du.

— Không, tôi không về, còn cô, cô làm nghề gì vậy ?

Như bị ai xé vào vết thương của tôi tôi tím mặt. Tôi đưa tay đẩy Du ra, Du bỗng phá lên cười.

— Đồ đĩ, mày chỉ là một con đĩ, ha ha, con đĩ.

Tôi choáng váng muốn ngã vật xuống, muốn chết đi. Du, Du đã nói tôi thế, dù trong cơn say chàng đã khinh tôi dường nào. Tôi tát bốp vào mặt Du. Cái tát của tôi hình như làm Du dịu cơn say rượu, chàng đưa tay xoa má, cười lặng lẽ rồi chàng bỏ đi sau khi ném lại tiếng con đĩ. Tôi thất thểu đi vào nhà, lòng tan nát. Tôi bật đèn, lên gác nhưng mẹ tôi đã ngủ, bà nằm chèo queo trên giường, hai ba con muỗi đậu trên cổ chân khẳng khiu. Tôi đuổi muỗi buông mùng cho mẹ rồi trở về phòng mình. Tôi nằm vật xuống, úp mặt xuống gối và tôi khóc, tôi khóc nức nở, khóc thê thiết khóc thảm thương, khóc cho tôi lúc tôi không còn khóc được nữa. Tôi lau lệ, ngồi dậy và tôi cứ ngồi vậy mãi. Đồ con đĩ, mày là con đĩ. Tiếng Du vang cùng khắp, chật ních căn phòng. Em làm nghề gì vậy em, em làm nghề gì ? Nghề gì ? Tôi làm nghề gì vậy ? Tôi muốn nhảy lên như choi choi, muốn lăn lộn, muốn gào thét, muốn có một cái gì trước mặt để đánh đấm. Mau lắm mày ơi, rồi nó cũng thường hết. Tiếng Ngân, tiếng cười của Hanh, tiếng nút chai, tiếng xót thương của Du, tất cả xáo trộn chen lấn nhau bao vây lấy tôi, kéo tôi vào con trốc. Rồi cái gì cũng quen đi hết, thường hết. Đó, mày thấy chưa Nhiên Con đĩ, con đĩ, nghe qua rồi cũng thường, thôi ngủ đi, ngủ đi con. Tôi dỗ dành tôi, tôi ngã xuống giường nhắm mắt.

Nhưng tôi thao thức mãi trong khi con buồn ngủ vẫn lảng vảng quanh mắt tôi. Tôi chợt nhớ ống thuốc của Hanh đang còn nắm chặt trong tay. Tôi giơ lên coi và lắc lắc. Còn đầy một ống. Tôi mở ra, uống một viên, ngủ đi con. Uống hai viên ngủ đi con. Tôi nhắm mắt và tưởng tượng giấc ngủ tới. Quên đi, quên hết. Tại sao mày không ngủ. Thuốc

chẳng ứng nghiệm gì hết trơn. Tôi bực tức, phải ngủ, phải ngủ để quên tôi không muốn đau đớn nữa, tôi muốn được bình yên. Cái gì rồi cũng thường hết, thường hết, tôi muốn như thế đó. Ngủ đi con, tôi uống một viên nữa, một viên nữa và viên nữa. Ống thuốc vơi dần, người tôi như chơi vơi theo. Đó, sắp ngủ được rồi đó, còn một viên uống nốt nữa đi. Cánh tay tôi nặng trình trịch, ngủ đi rồi tiếng nói của Du mất hết. Mắt tôi đã trĩu xuống một vệt đỏ rực hiện ra như một vết máu loang, loang dần, loang ra dần và chụp lấy cả người tôi, tôi dỗ tôi : ngủ đi ngủ đi, mày sắp bình yên đó.

Đêm treo tôi lên cao, tôi vùng vẫy, tôi la hét, tôi mê sảng và tôi thiếp đi, trong mơ màng tôi nghe có tiếng đồng thiếp vọng mãi, vọng mãi và làm tôi tan trong đó.

NHÃ-CA

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Hoa Đàm** đặc sang số 2 tháng 6-64, kỷ-niệm Phật-Đản, 88 trang do văn phòng Chùa Tỉnh-giáo-hội — Quảng-Tín 60 Phan-Chu-Trinh Tam-Kỳ xuất bản và gửi tặng.

— **Viên giác** Tu-đa-la liễu-nghĩa kinh, bản Việt - văn của Huyền - Cơ, bản Pháp - văn của Tuệ-Quang, in lần thứ ba, do dịch giả gửi tặng. Sách dày 230 trang, giá bán 60đ.

— **Sau hai mươi năm** bút ký, lịch sử cách-mạng của Nguyễn-Đắc-Lộc, do Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ lớn, loại sách bản thảo, dày 200 trang, không đề giá bán.

— **Gia tài người mẹ** truyện của Dương-Nghiễm-Mậu, do tạp chí Văn-Nghệ xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày ngót 120 trang, bìa do Trịnh-Cung họa. Bản đặc biệt không ghi giá bán.

— **Những kẻ đứng bên lề** truyện dài của Nguyễn Đình Toàn do Giao Điểm xuất bản, tác giả gửi tặng. Bìa do Duy Thanh trình bày. Sách dày 158 trang, bản đặc biệt không ghi giá bán.

— **Mưa đêm nay** tập thơ của Trường Anh do Đăng-Trình xuất bản và tác giả gửi tặng, bìa do Đinh-Hùng trình bày và phụ bản của họa sĩ Vũ Hối. Sách trình bày mỹ thuật bản đặc biệt không ghi giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

∴

NHẮN TIN

Ô. Võ-Kim-Oanh (Kiên-Giang. Tác-giả loạt bài « Trầm-tư » đương cho tái bản các sách của ông vậy có lẽ cuốn sách Ông nói trong thơ cũng sẽ được in lại. Tạp chí Bách-Khoa sẽ trích đăng khi có dịp thuận tiện.

Ô. Lê - Phương. — Tòa - soạn đã nhận được bài của Ông. Nhiều nhận xét trong « Lối xem tranh... » đã được nói đến trên Bách-Khoa, trong các bài về Hội-họa rồi. Nếu ông gởi thêm những bài khác, xin cho biết rõ tên thực và địa chỉ hiện tại.